

Quán Kinh

Tứ Thiếp Số

TT Thích Pháp Chánh dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 10-07-2015

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

TIỂU SỬ THIÊN ĐẠO ĐẠI SƯ

QUYỂN MỘT: HUYỀN NGHĨA

I - KỆ QUY Y TAM BẢO

II - BẢY MÔN BIỆN BIỆT

QUYỂN HAI: TỰ

I - CHỨNG TÍN TỰ

II - PHÁT KHỞI TỰ

QUYỂN BA: ĐỊNH THIỆN

I - QUÁN MẶT TRỜI (NHẬT QUÁN)

II - QUÁN NƯỚC

III - QUÁN ĐẤT BẦU

IV - QUÁN CÂY BẦU

V - QUÁN AO BẦU

VI - QUÁN LẦU BẦU

VII - QUÁN HOA TÒA

VIII - QUÁN TƯỢNG

IX - QUÁN CHÂN THÂN PHẬT A DI ĐÀ

X - QUÁN CHÂN THÂN ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

XI - QUÁN CHÂN THÂN ĐỨC ĐẠI THẾ CHÍ

XII - QUÁN TỰ THÂN VĨNG SANH

XIII - QUÁN PHẬT VÀ BỒ TÁT

QUYỂN BỐN: TÁN THIỆN

I - TÁN THIỆN

II - LỢI ÍCH

III - LƯU THÔNG
IV - KỶ XÀ QUẠT
LỜI BẠT

---o0o---

TIỂU SỬ THIÊN ĐẠO ĐẠI SƯ

(Tổ thứ hai Tịnh độ tông)

HT. Thích Thiên Tâm dịch

Thiên Đạo Đại Sư, người đời nhà Đường, nguyên quán Lâm Truy, Sơn Đông (có thuyết cho rằng ngài là người Tứ Châu, An Huy), sinh năm 613, mất năm 681. Trong niên hiệu Trinh Quán, nhân thấy bài văn Tịnh độ Cửu Phẩm Đạo Tràng của Đạo Xước Thiên Sư ở Tây Hà, ngài rất mừng bảo: "Đây mới thật là cửa mầu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác xa vời quanh quất khó thành, duy pháp môn này mau thoát sanh tử".

Từ đó ngài siêng cần tinh khổ sớm hôm lễ tụng. Ít lâu sau lại đến kinh sư, khuyên tứ chúng niệm Phật. Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ. Lúc ra thất, mà vì đại chúng diễn nói pháp môn Tịnh Độ. Hơn ba mươi năm, Đại sư vừa hóa đạo, vừa chuyên tu, chưa từng ngủ nghỉ. Hằng ngày thường nghiêm trì giới hạnh không để sai phạm một mảy may. Khi được cúng dường thức ăn ngon quý, ngài đem dâng cho đại chúng, còn phần mình chỉ dùng thứ thô dở mà thôi. Tài vật của dân tín cúng cho, ngài dùng tả hơn mười muôn quyền kinh A Di Đà, họa cảnh Tịnh độ được ba trăm bức. Ngoài ra, thì dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thấp đèn nổi sáng, không chứa để dư.

Kẻ đạo người tục quy hướng theo đức hóa của ngài, niệm Phật rất nhiều kể đến số hàng vạn. Nhóm này thì tụng kinh A Di Đà từ mười vạn đến năm mươi vạn biến. Nhóm khác mỗi ngày đêm niệm Phật từ một muôn đến mười muôn câu. Trong đó những người hiện tiền chứng Tam Muội, lúc lâm chung được thoát ứng vãng sanh, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi: "Niệm Phật quyết chắc được vãng sanh chăng?" Ngài đáp: "Nhu ông tin tưởng và thực hành, chắc chắn sẽ được toại nguyện". Nói xong, ngài tự niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật", tức thời một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liên tiếp từ mười đến một trăm câu, mỗi câu đều có ánh sáng quang minh dài nối nhau, khiến sáng rực cả chùa. Sự thần dị này truyền đến Đê

kinh, vua Cao Tôn nghe được, ban cho một tấm biển sắc phong hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Đại sư có bài kệ khuyên tu như sau:

Da môi tóc bạc lần lần,
Lục cùm bước run mây chốc.
Dù sang vàng ngọc đầy nhà,
Vẫn khổ suy già bịnh tật.
Ví hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất?
Duy có đường tắt thoát ly
Chỉ niệm A Di Đà Phật!

Có người gạn: “Sao Hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật, mà chỉ bảo chuyên trì danh?”

Ngài đáp: “Chúng sanh đời nay phần nhiều chướng nặng tâm thô, thức thần tán động, mà cảnh tịnh độ rất tế diệu, nên quán tưởng khó thành. Vì thế đức Phật xót thương, khuyên thẳng nên xưng danh hiệu. Chính vì xưng danh hiệu là hạnh dễ làm, nếu cứ giữ mỗi niệm nối nhau tu như thế suốt đời, thì mười kẻ niệm mười kẻ được vãng sanh, trăm người tu trăm người về Tịnh độ. Tại sao thế? - Vì không duyên tạp bên ngoài, nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái với kinh giáo. Vì thuận theo lời Phật và chư Thánh chỉ dạy.

“Nếu bỏ chuyên niệm mà tu xen tạp những hạnh khác, thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn kẻ vãng sanh. Bởi tại sao? - Vì duyên tạp loạn động khiến cho mất chánh niệm. Vì không hợp với bản nguyện của Phật A Di Đà. Vì trái với kinh giáo và lời Phật, Thánh. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì tâm không thường nhớ Phật. Vì tuy hành đạo mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích theo duyên tạp, làm chướng chánh hạnh vãng sanh của mình và người.

“Gần đây, hàng đạo tục kiến giải không đồng, kẻ thích chuyên tu, người ưa tạp hạnh. Xin khuyên nhắc: Nếu chuyên niệm Phật, mười kẻ niệm mười kẻ được vãng sanh. Như tạp tu mà không chí tâm, thì trong ngàn người khó mong được một. Nguyện tất cả đều nên chín chắn tự suy xét kỹ!

“Lại người niệm Phật đi đứng nằm ngồi, phải cố gắng nhiếp tâm ngày đêm chớ rời thánh hiệu, thề quyết giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế tới lúc mãn phần, niệm trước vừa thọ chung, niệm sau liền sanh Cực lạc. Từ đây vĩnh

viễn hưởng sự vui pháp lạc vô vi cho đến khi thành Phật, há chẳng đáng mừng ư?”

Đại sư cũng từng dạy phương pháp giữ vững chánh niệm trong lúc lâm chung như sau: “Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh độ, thì điểm cần yếu là đừng sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhớp, biết bao điều khổ lụy trối vây! Nếu bỏ được thân huyễn hôi như, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh, sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đố lầy đồ trên phục, còn điều chi đáng thích ý bằng!

“Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm, chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết, lúc mình bệnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm.

“Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi. Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh độ, thường đến khuyên thật là diệu hạnh! Như lúc lâm chung biết áp dụng phương pháp này tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.

“Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và nghi nhớ kỹ!”

Một hôm, Đại sư bỗng bảo người rằng: "Thân này đáng chán, ta sắp về Tây!" Nói xong leo lên cây liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây chúc nguyện rằng: Xin Phật và Bồ Tát tiếp dẫn con, khiến cho không mất chánh niệm, được sanh về cực Lạc. Nguyện xong, gieo mình xuống nhẹ nhàng như chiếc lá rơi, ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất. Đại chúng vội chạy đến xem thì ngài đã tắt hơi viên tịch.

Lời bình:

Các bậc tu thiên đắc đạo, muốn biểu hiện sự sống chết tự tại, có vị đứng mà hóa, có vị trở ngược đầu xuống đất đưa hai chân lên trời mà viên tịch. Nếu chưa phá tan ngũ uẩn, khi từ trên cao rơi xuống, dù bậc phục được hoặc phát ngộ cũng khó giữ vững được chánh niệm. Hành động của Thiện Đạo đại sư, từ trên cây gieo mình xuống đất ngồi kiết già mà hóa, là biểu hiện sự sống chết tự

tại, tùy niệm vãng sanh một cách tuyệt mức. Đại sư muốn ngầm khai thị: "Niệm Phật được nhất tâm chứng ngộ, thì Tịnh tức là Thiên vậy."¹

---o0o---

QUYỀN MỘT: HUYỀN NGHĨA

I - KỆ QUY Y TAM BẢO

Trước tiên khuyến khích đại chúng phát nguyện quy y Tam bảo.

Người xuất gia, tại gia,
Nên phát lòng Vô thượng,
Phản đông mê sanh tử,
Ít kẻ mong Niết bàn,
Hãy phát ý kiên cố,
Vượt khỏi dòng sanh tử,
Nguyện về cõi Di Đà,
Kính lễ cầu quy y,
Thế Tôn! Con một lòng,
Quy mạng khắp mười phương,
Biển pháp tánh chân như,
Báo Phật và Hóa Phật,
Tất cả chư Bồ tát,
Cùng vô lượng quyền thuộc,
Trang nghiêm và biến hóa,
Biển Thập Địa, Tam Hiền,
Thời kiếp mãn, chưa mãn,
Trí hạnh viên, chưa viên,
Phiền não tận, chưa tận,
Tập khí trừ, chưa trừ,
Công dụng, vô công dụng,
Chứng quả, chưa chứng quả,

Diệu giác và Đẳng giác,
Bậc thọ Kim cương tâm,
Sau một niệm tương ưng,
Chứng quả đức Niết bàn,
Chúng con xin quy mạng,
Pháp, Báo và Hóa Phật,
Thần thông lực vô ngại,
Xin nguyện nhiếp thọ con,
Chúng con xin quy mạng,
Các Hiền Thánh ba Thừa,
Bậc học tâm Đại bi,
Lâu dài không thoái chuyển,
Nguyện các ngài gia bị,
Cho con thường thấy Phật,
Chúng con, kẻ ngu si,
Luân hồi từ vô thủy,
Nay trong đời mạt pháp,
Của đức Phật Thích Ca,
Gặp pháp môn Cực Lạc,
Bổn nguyện A Di Đà,
Hồi hướng cầu vãng sinh,
Mau chứng Vô sanh nhẫn,
Con nương Bồ Tát Tạng,
Biển Nhất thừa đốn giáo,
Nói kệ quy Tam Bảo,
Tương ưng với Phật tâm,
Mười phương hằng sa Phật,
Lục thông soi xét con,
Nay tuân lời hai Phật,

Mở rộng môn Tịnh Độ.
Nguyện đem công đức này.
Bình đẳng thí tất cả.
Đều phát Bồ Đề Tâm.
Vãng sanh cõi Cực Lạc.

---o0o---

II - BẢY MÔN BIỆN BIỆT

Trong bộ Quán Kinh Tứ Thiệp Sớ này, trước tiên chia làm bảy môn liệu giản, sau đó sẽ giải thích nghĩa lý.

1. Nêu rõ tựa đề; 2. giải thích đề kinh; 3. y vào kinh văn giải nghĩa và biện minh tông chỉ không đồng, giáo pháp Đại Tiểu; 4. nêu rõ sự sai biệt giữa những người giảng pháp; 5. biện minh sự khác biệt của hai môn định thiện và tán thiện; 6. dung hòa sự mâu thuẫn giữa kinh và luận, nêu rõ vấn đáp, giải thích nghi vấn; 7. biện biệt về sự thu hoạch lợi ích của bà Vi Đề Hy sau khi nghe đức Phật thuyết pháp.

---o0o---

1 - Nêu rõ tựa đề

Thiết nghĩ: Chân như rộng lớn, năm Thừa không rõ ngần mé; pháp tánh cao sâu, mười Thánh khó cùng biên tế. Nói về thể và lượng, thì lượng tánh của chân như, không vượt ngoài tâm của chúng sanh. Pháp tánh tuy vô biên, nhưng biên thể vốn xưa nay bất động. Trong pháp giới thanh tịnh, phàm thánh đều bình đẳng. Hai loại chân như², bao hàm tất cả chúng sanh. Hằng sa công đức, thể tánh và công dụng đều trong sáng, thể nhưng, do vì phiền não sâu nặng, cho nên tịnh thể không thể chiếu rọi. Bởi thế, đức Đại Bi thị hiện ở Ấn Độ, vội xông vào nhà lửa, rưới Cam lộ cứu mê muội quần sanh, thấp đuốc tuệ soi đêm dài sanh tử. Ngài đầy đủ ba loại bố thí, dùng pháp tứ nhiếp thu phục tất cả chúng sanh, chỉ rõ nguyên nhân của sự khổ, giúp cho tất cả vĩnh viễn chúng nhập quả vị an lạc.

Ngài không ngại chúng sanh mê muội, căn tánh khác biệt. Tuy không có người căn tánh thượng thừa, Ngài cũng đem năm Thừa ra giáo hóa. Đem mây Đại Từ phủ trùm ba cõi, dùng mưa Đại Bi rưới khắp quần sanh. Làm lợi ích cho tất cả, kể cả những người chưa được thấy nghe Chánh Pháp. Hạt giống Chánh Giác nhờ đó sanh sôi, mầm non Bồ Đề nhân đây nảy nở. Y vào tâm mà tu thắng hạnh, có hơn tám vạn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ mà có pháp đốn (mau chóng đắc) và pháp tiệm (dần dần chứng đắc). Tất cả tùy theo nhân duyên đều

được giải thoát. Thế nhưng, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, những người căn cơ hạn hẹp khó hiểu thấu được. Tuy có thể dùng nhiều pháp môn làm lợi ích chúng sanh, thế nhưng những kẻ phàm phu nghiệp nặng không thể nào học hết được. Hiện nay, nhân vì bà Vi Đề Hy thỉnh Phật: “*Con nay mong được vãng sanh cõi nước An Lạc. Xin nguyện dạy con tư duy, dạy con chánh thọ*”. Đức Giáo Chủ Ta Bà, nhân sự thỉnh cầu đó, đã rộng bày yếu môn của pháp Tịnh Độ, và đức A Di Đà cũng nhờ nhân duyên này, mới hiển lộ được những hồng nguyện kỳ đặc của mình.

“*Yếu môn*” của pháp tu trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, tức là hai môn “*định thiện*” và “*tán thiện*”. Định, tức là ngừng nghỉ vọng niệm, làm tâm an định; tán, là bỏ ác làm thiện. Dem hai hạnh này hồi hướng cầu vãng sanh.

“*Hồng nguyện*”, nghĩa là như Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Tất cả phàm phu thiện ác đều được vãng sanh, không ai là không nương vào đại nguyện của đức A Di Đà làm tăng thượng duyên*”.

Lại nữa, mật ý của Phật rộng lớn sâu xa, giáo lý khó dò, cho nên ngay các bậc Tam Hiền, Thập Thánh cũng chưa hoàn toàn thấu hiểu, huống chi chúng ta là những kẻ ngoại phàm, phước tuệ mỏng ít mà có thể hiểu rõ thâm ý của Phật hay sao?

Ngưỡng nguyện đức Phật Thích Ca đưa đường chỉ lối, đức A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh. Chỉ cần chúng ta siêng năng trọn cả cuộc đời, y giáo phụng hành, một khi xả bỏ thân ở cõi này, ắt sẽ chứng được pháp tánh thường lạc ở cõi kia.

---o0o---

2 - Giải thích đề kinh

Kinh đề: Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh.

Phật (Buddha) là âm Ấn Độ, tiếng Hán dịch là Giác (giác ngộ). Đạt đến “*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*” thì gọi là Phật.

Nói “*tự giác*” để phân biệt với phàm phu. Đây là do Thanh văn chỉ biết tự lợi, thiếu tâm đại bi, không nghĩ việc lợi ích chúng sanh.

Nói “*giác tha*” để phân biệt với Nhị thừa. Đây là do Bồ tát có trí tuệ nên có thể tự lợi, có đại bi nên có thể lợi tha. Thường có thể vận dụng từ bi trí tuệ, không chấp vào một bên.

Nói “*giác hạnh viên mãn*” để phân biệt với Bồ tát. Đây là do trí tuệ, công hạnh của Phật đã đến chỗ rốt ráo cùng cực, siêu vượt giai vị Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, nên gọi là Phật.

Nói “*thuyết*”, nghĩa là dùng âm thanh để giải bày. Lại nữa, đức Như Lai tùy theo căn cơ mà nói pháp môn không đồng, hoặc nói đốn giáo, hoặc nói tiệm giáo. Hoặc là sáu căn của Phật đều nói pháp, hoặc là các tướng (32 tướng), các hảo (80 hảo) của Phật đều nói pháp. Tùy theo duyên với chúng sanh mà Ngài hiện thân nói pháp cho họ, làm cho tất cả đều được lợi ích.

Nói “*Vô Lượng Thọ*”, đây là âm Hán, còn nói: “*Nam mô A Di Đà Phật*”, đây là âm Ấn Độ (Phạn). Hơn nữa, “Nam” tức là quy (quy y), “Mô” là “mạng”, “A” là Vô, “Đi” là Lượng, “Đà” là Thọ, còn “Phật” là Giác, hợp lại đọc là “Quy Mạng Vô Lượng Thọ Giác”. Đây là so sánh hai âm Phạn, Hán mà suy ra như vậy. Hiện nay, “Vô Lượng Thọ” là pháp, còn “Giác” là nhân (người), “nhân, pháp” đều được nêu lên, cho nên gọi là “A Di Đà Phật”. Lại nữa, “nhân, pháp” là cảnh sở quán (đối tượng), có hai phần: một là y báo, hai là chánh báo.

Y báo có ba phần: 1. sự trang nghiêm dưới mặt đất, tức là quang minh của tất cả bảo tràng chiếu rọi nhau, 2. sự trang nghiêm trên mặt đất, tức là tất cả bảo địa (đất báu), ao, rừng cây, lầu báu (bảo lầu), cung điện báu, v.v..., 3. sự trang nghiêm trong hư không, tức là tất cả biến hóa cung điện báu, lưới báu, mây báu, chim báu, gió, ánh sáng chuyển động phát ra âm nhạc, v.v... Tuy có ba phần khác biệt, tất cả đều là biến tướng của công đức thù thắng của cõi Tịnh độ A Di Đà. Đây là tổng kết sự trang nghiêm của y báo.

Trong phần “Y báo”, từ pháp quán “Mặt trời lặn” đến pháp quán “Hoa tào”, là nói rõ tổng quát về y báo. Trong phần này, có thông (chung) có biệt (riêng). Biệt, tức là pháp quán “Hoa tào” là một y báo riêng biệt, chỉ dành cho đức A Di Đà, còn sáu pháp quán đầu là thông (chung), tức là chung cho tất cả phàm phu. Chỉ cần được vãng sanh là có thể cùng chung hưởng dụng. Trong sáu pháp quán này, lại có chân (thật) có giả. Giả, tức là pháp quán “Mặt trời lặn”, quán “Nước”, quán “Băng”, v.v... Còn chân (thật) y báo, tức là từ pháp quán “Mặt đất bằng lưu ly”, cho đến “Lầu báu”. Gọi là “chân”, vì do công đức vô lậu chân thật của cõi nước Cực Lạc mà thấy được cảnh tượng như vậy.

Phần “Chánh báo” cũng chia làm hai phần: 1. “Chủ trang nghiêm”, tức là Phật A Di Đà, 2. “Thánh chúng trang nghiêm”, tức là chư thánh chúng cõi Cực Lạc, cùng với tất cả chúng sanh ở mười phương đang và sẽ sanh về cõi ấy. Trong phần Chánh báo lại cũng phân làm hai phần “thông” và “biệt”.

Biệt (chánh báo), tức là đức Phật A Di Đà.

Trong đây lại có chân và giả.

“Giả chánh báo”, tức là pháp quán “Tượng đức A Di Đà” thứ tám. Quán “Tượng đức Quán Âm” và “Tượng đức Đại Thế Chí” cũng vậy. Đây là vì chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, tâm thức ô nhiễm, đức Bồn Sư e rằng họ

không thể quán tưởng được tướng chân thật của đức A Di Đà làm cho hiển hiện, bởi vậy, Ngài mới bảo họ dùng tượng Phật A Di Đà để an trụ tâm, quán tưởng tượng Phật giống như thân thật của Ngài, cho nên mới gọi là “giả chánh báo”.

“Chân chánh báo”, tức là pháp quán “Chân thân” thứ chín. Đây là do tu pháp quán thứ tám (giả chánh báo), dần dần làm cho vọng tưởng ngừng bật, khai mở tâm nhãn, nhìn được cảnh trang nghiêm của y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc. Dùng phương pháp này để diệt trừ hoặc chướng, cho nên thấy được cảnh tướng chân thật của Cực Lạc.

Thông (chánh báo), tức là các pháp quán phần dưới (Quán Âm, Thế Chí, v.v...). Phần trên nói về thông biệt, chân giả, là chánh thức nói rõ về hai phần y báo và chánh báo.

“Quán”, tức là quán chiếu. Thường dùng lòng tin thấp sáng trí tuệ, soi chiếu y báo chánh báo của cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

“Kinh”, kinh có thể duy trì giáo pháp, sự lý tương ưng, tùy theo căn cơ mà tu “định thiện”, “tán thiện”, không làm phân tán nghĩa lý, có thể làm cho hành giả nương vào nhân duyên học giáo tu hành, thừa nguyện vãng sanh, chứng được vô vi pháp lạc. Sanh về cõi ấy rồi, không còn sợ hãi gì nữa. Tiếp tục tu tập lâu dài, cho đến khi chứng được quả Phật, chứng được Pháp thân thường trụ, rộng lớn như hư không. Có thể đem đến sự lợi ích như vậy, nên gọi là Kinh.

---o0o---

3- Biện biệt tông chỉ, giáo pháp Đại, Tiểu

A- Tông chỉ không đồng.

Như Kinh Duy Ma lấy “Giải thoát bất tư nghi” làm tông, Kinh Đại Phẩm Bát Nhã lấy “Không tuệ” làm tông, hiện nay, quyển Quán Vô Lượng Thọ Kinh này lấy “Quán Phật Tam Muội” làm tông, cũng lấy “Niệm Phật Tam Muội” làm tông, đồng thời lấy “Nhất Tâm Hồi Hướng Nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ” làm thể.

B- Giáo pháp Đại thừa, Tiểu thừa.

Hỏi: Trong hai tạng Đại thừa, Tiểu thừa, kinh này thuộc về tạng nào? Trong hai giáo pháp, kinh này được thu vào giáo pháp nào? Đáp: Quyển Quán Vô Lượng Thọ Kinh này thuộc về Đại thừa Bồ tát tạng, và thuộc vào pháp “đốn giáo”.

---o0o---

4 - Nêu lên sự khác biệt của người giảng pháp

Người giảng pháp, trong các kinh, được chia làm năm loại: (a) Phật, (b) đệ tử Phật, (c) trời hoặc tiên, (d) quỷ thần, (e) biến hóa nhân. Hiện nay, quyển kinh này là do chính đức Phật nói.

Hỏi: Phật giảng kinh này ở đâu? Giảng cho ai nghe?

Đáp: Phật tại vương cung [của vua Tần Bà Sa La], giảng cho hoàng hậu Vi Đề Hy nghe.

---o0o---

5 - Biện biệt hai môn định thiện, tán thiện

Có sáu phần: (a) người khai thỉnh là bà Vi Đề Hy; (b) người được thỉnh là đức Phật; (c) người giảng pháp cũng là đức Phật; (d) pháp được giảng là hai môn định thiện, tán thiện, cùng mười sáu pháp quán; (e) người chủ động là đức Như Lai; (f) người được lợi ích là bà Vi Đề Hy và đại chúng.

Hỏi: Hai môn định thiện, tán thiện là do ai thỉnh?

Đáp: Môn định thiện là do bà Vi Đề Hy thỉnh, còn môn tán thiện là do đức Phật tự nói.

Hỏi: Không biết tên định thiện, tán thiện xuất phát từ đoạn văn nào? Hiện nay, giáo lý chân thật này, hạng chúng sanh nào được thọ trì?

Đáp: Có hai nghĩa.

1. Những kẻ báng pháp, hoặc không có lòng tin, hoặc sanh vào bát nạn, hoặc sanh vào loài phi nhân đều không thể thọ trì kinh này. Bọn họ giống như củi mục, gạch đá, không còn hy vọng nảy sanh, tăng trưởng, không thể nào tin nhận, hoặc được giáo hóa. Trừ những hạng này ra, những người một lòng tin ưa, cầu nguyện vãng sanh, hoặc hành trì trọn đời, hoặc chỉ niệm mười niệm, nhờ nguyện lực của Phật, đều được vãng sanh.

2. Xuất phát từ đoạn văn nào? Có hai phần thông và biệt.

Phần thông, có ba nghĩa khác nhau: (a) Từ “*Vi Đề Hy bạch Phật: Cúi xin đức Thế Tôn vì con giảng giải rộng về những cõi không còn lo buồn khổ lụy*”, đây là nêu ý thỉnh cầu một cách tổng quát. (b) Từ “*Nguyện đáng Đại Từ soi sáng huệ nhật, chỉ dạy cho con pháp quán để sanh về chỗ nghiệp lành thanh tịnh*”, tức là Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật dạy pháp tu. (c) Từ “*Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ nơi tướng bạch hào ..*”, tức là đức Phật đáp ứng lời thỉnh cầu của bà Vi Đề Hy.

Phần biệt, cũng có hai nghĩa: (a) Từ “*Bà Vi Đề Hy quán sát kỹ các Phật quốc rồi thưa rằng*”, tức là bà Vi Đề Hy tự mình chọn lựa cõi Phật. (b) Từ “*Cúi xin đức Thế Tôn dạy con pháp tư duy ..*”, tức là bà Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật chỉ dạy pháp tu để vãng sanh.

Phần kể là giải đáp ý nghĩa về hai môn định thiện và tán thiện.

Hỏi: Thế nào gọi là *định thiện*? Thế nào gọi là *tán thiện*?

Đáp: Từ pháp quán thứ nhất (quán Mặt trời) đến pháp quán thứ mười ba (quán xen Phật và Bồ tát) gọi là định thiện, còn phần ba phước, chín phẩm gọi là tán thiện.

Hỏi: Hai pháp định thiện, tán thiện có gì khác biệt, xuất từ đoạn văn nào?

Đáp:

1. **Xuất từ đoạn văn nào:** Đoạn “Dạy con pháp tư duy và chánh thọ” chính là đoạn văn muốn đề cập đến.

2. **Sự khác biệt:** Có hai nghĩa: (a) *Tư duy*: đây là tiền phương tiện của sự tu quán. Tư duy về tổng tướng và biệt tướng của y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc. (b) *Chánh thọ*: Như trong kinh, phần quán tướng Đất có nói: “Nếu được tam muội, hành giả sẽ thấy rõ ràng cảnh tướng của đất cõi kia, không thể kể xiết”. Đây là phù hợp với câu trên “dạy con pháp tư duy và chánh thọ”.

Lại nữa, sự giải thích ở đây, không giống sự giải thích của các nhà sớ giải khác. Các vị ấy đem “tư duy” liên kết với “ba phước, chín phẩm”, và cho là tán thiện. Lại đem “chánh thọ” liên kết với mười sáu pháp quán, và cho là định thiện. Nếu giải thích như vậy, không hoàn toàn hợp lý. Vì sao? Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tư duy, chánh thọ, chỉ là hai tên khác nhau của tam muội”. Đoạn văn này tương tự với đoạn văn trong phần quán tướng Đất. Như vậy, đâu có thể dùng chữ “tư duy” để chỉ cho tán thiện.

Hơn nữa, lúc đầu, Vi Đà Hy thỉnh Phật chỉ nói: “*Dạy cho con pháp quán để sanh về chỗ nghiệp lành thanh tịnh*”. Kế đến, bà lại thỉnh Phật: “*Dạy cho con pháp tư duy và chánh thọ*”. Tuy thỉnh Phật hai lần, nhưng đều là định thiện. Còn phần tán thiện, không thấy thưa thỉnh, chỉ là do đức Phật tự nói ra. Kế đến, phần Tán thiện nói: “*Cũng làm cho tất cả phàm phu trong đời vị lai ..*”, tức là đoạn văn đức Phật nói về tán thiện.

---o0o---

6 - Hội thông kinh luận

A - Nêu lên kiến giải của các nhà chú giải.

Trước tiên, nêu lên ba bậc của thượng phẩm vãng sanh. Có người nói bậc thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát từ Tứ địa đến Thất địa. Vì sao biết như vậy? Vì sanh về đó liền chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Bậc thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát từ Sơ địa đến Tứ địa. Vì sao biết như vậy? Vì về đến Cực Lạc, trải qua một tiểu kiếp thì chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Bậc vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát chứng tánh đến Sơ địa. Vì sao biết như

vậy? Vì sanh về cõi đó, trải qua ba tiểu kiếp được chứng Sơ địa. Ba phẩm vị này đều là bậc Đại thừa Bồ tát vãng sanh.

Kế đến, ba bậc của trung phẩm vãng sanh. Các nhà sơ giải nói: “Trung phẩm thượng sanh là bậc Tam quả (A na hàm)”. Vì sao biết như vậy? Vì sanh về cõi đó liền chứng quả A la hán. Trung phẩm trung sanh là bậc nội phàm. Vì sao biết như vậy? Vì sanh về cõi đó liền chứng quả Tu đà hoàn. Còn trung phẩm hạ sanh là những người phàm tu thiện, sợ khổ cầu vãng sanh. Vì sao biết như vậy? Vì sanh về cõi đó, trải qua một tiểu kiếp chứng quả A la hán.

Ba phẩm vị này chỉ là những bậc thánh giả Tiểu thừa vãng sanh.

Cuối cùng, ba bậc của hạ phẩm vãng sanh đều là các phàm phu sơ học Đại thừa, tùy theo nghiệp ác nặng nhẹ mà được chia làm ba phẩm.

B - Dùng lý luận đả phá.

a- Thượng phẩm thượng sanh:

Phần trên nói Bồ tát Sơ địa đến Thất địa. Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Các Bồ tát từ Sơ địa đến Thất địa là pháp tánh sanh thân, biến dịch sanh thân, không còn bị khổ vì phần đoạn sanh tử. Về mặt công dụng, các ngài đã tu tập phước trí trải qua hai đại a tăng kỳ kiếp, đã chứng nhân không và pháp không, đến trình độ không thể nghĩ bàn, thân thông tự tại, diệu dụng vô cùng. Các ngài thường cư trụ tại báo độ, thường được nghe Báo Thân Phật thuyết pháp, dùng lòng từ bi hóa độ chúng sanh khắp mười phương, trong chốc lát có thể hiện thân cùng khắp. Có việc gì để lo lắng mà phải nhờ đến Phu nhân Vi Đề Hy cầu vãng sanh Cực Lạc? Đoạn văn trên đã chứng minh rằng lập luận của các nhà sơ giải là sai lầm.

b- Thượng phẩm hạ sanh:

Phần trên cho rằng bậc vãng sanh này là các Bồ tát từ chủng tánh đến Sơ địa. Không hẳn là như vậy! Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Các vị Bồ tát này gọi là bậc Bất thoái chuyển. Tuy ở trong sanh tử nhưng không còn bị đắm nhiễm, giống như loài thiên nga tuy ở trong nước mà lông không bị ướt”. Lại như Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “Các Bồ tát ở giai vị này, do vì được hai loại thiện tri thức thủ hộ, cho nên không bị thoái chuyển. Đó là (1) mười phương chư Phật, (2) mười phương chư Đại Bồ tát. Thường giữ ba nghiệp thanh tịnh, không thoái chuyển trong việc tu hành thiện pháp, cho nên gọi là Bồ tát bất thoái. Các vị Bồ tát này có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, giáo hóa chúng sanh. Về công hạnh tu tập, đã trải qua một đại a tăng kỳ kiếp tu tập phước trí, v.v... Nếu đã có những công đức thù thắng như vậy, còn gì để lo lắng mà phải nhờ đến Phu nhân Vi Đề Hy cầu thỉnh vãng sanh Cực Lạc? Do đây biết rằng lập luận của các nhà sơ giải là sai lầm.

c- Trung phẩm trung sanh:

Các nhà số giải cho rằng bậc trung phẩm thượng sanh là bậc Tam quả (A na hàm), thế nhưng, những bậc ở giai vị này đã không còn bị đọa ba đường, sanh vào bốn nẻo. Hiện tại, tuy cũng còn tạo nghiệp, nhưng chắc chắn không còn chiêu cảm quả báo đời sau. Đức Phật từng nói: “Bốn bậc thánh [Tiểu thừa] này, cùng ngồi chung với ta trên giường giải thoát”. Nếu đã có công đức như vậy, còn gì phải lo lắng mà phải nhờ đến Phu nhân Vi Đề Hy thừa thỉnh, cầu nguyện vãng sanh? Và lại, chư Phật đầy lòng đại bi, thương xót những kẻ khổ đau, thường lân mẫn những người đang bị ngập chìm trong biển khổ, do đó mà khuyến tấn họ vãng sanh Tịnh độ. Giống như đối với những người đang bị chết chìm, thì phải nên cứu họ trước, còn những kẻ đang ở trên bờ thì cần gì phải kéo họ lên. Dùng đoạn văn này để chứng tỏ rằng sự phán đoán của các nhà số giải cũng sai lầm như phần trước.

C - Dùng “Chín phẩm” đả phá.

a - THƯỢNG PHẨM.

- *Thượng phẩm thượng sanh*: Các nhà số giải nói: “Bậc thượng phẩm thượng sanh là các vị Bồ tát từ Tứ địa đến Thất địa”.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Ba loại chúng sanh có thể vãng sanh [thượng phẩm thượng sanh]. Ba loại chúng sanh nào?”

1. Chỉ cần trì giới, tu tập từ bi,
2. Tuy không thể trì giới, tu tập từ bi, nhưng có thể đọc tụng kinh điển Đại thừa,
3. Không thể trì giới, tụng kinh, chỉ có thể niệm Phật Pháp Tăng.

Ba hạng người này, mỗi hạng đều theo hành nghiệp riêng biệt của họ mà tinh tấn hành trì, một ngày một đêm cho đến bảy ngày bảy đêm, tương tục không gián đoạn. Tất cả đều hồi hướng công đức tu tập, cầu nguyện vãng sanh. Lúc sắp mạng chung, đức A Di Đà cùng chư hóa Phật, thánh chúng Bồ tát, phóng quang tiếp dẫn, trong khoảnh khắc ngón tay, hành giả vãng sanh về cõi Cực Lạc.

Đoạn văn này chứng minh, sau khi đức Phật diệt độ, những phàm phu thượng phẩm cực thiện hành trì dũng mãnh tinh tiến, tuy trong khoảng thời gian ngắn, có thể gia nhập vào hàng ngũ của các bậc thượng thánh. Lại nữa, các bậc Bồ tát từ Tứ địa đến Thất địa, về mặt dụng công đã đến trình độ bất khả tư nghị, chẳng lẽ phải nhờ vào công phu tu tập từ một ngày cho đến bảy ngày để được chư Phật, Bồ tát đến rước, vãng sanh Cực Lạc hay sao?

- **Thượng phẩm trung sanh:** Các nhà số giải cho rằng bậc vãng sanh này là Bồ tát từ Sơ địa đến Tứ địa.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Không cần phải thọ trì kinh điển Đại thừa*”. Thế nào gọi là “không cần phải”? Nghĩa là đã đọc tụng hoặc chưa đọc tụng, thì gọi là “không cần phải”. Trong kinh chỉ nói đến “*khéo hiểu ý thú (của kinh điển)*”, chứ chưa đề cập đến việc hành trì. Lại nói “*Tin sâu nhân quả, không phỉ báng Đại thừa. Dùng những thiện căn này hồi hướng cầu vãng sanh, thì lúc sắp mạng chung, Phật A Di Đà và các hóa Phật Bồ tát thánh chúng đồng đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc*”.

Đoạn văn này chứng minh rằng sau khi Phật diệt độ, những hành giả phàm phu Đại thừa, công hạnh yếu kém, cho nên đến lúc lâm chung sự tiếp dẫn có điều khác biệt. Và lại, các Bồ tát từ Sơ địa đến Tứ địa, dụng công của các ngài bất khả tư nghì, lẽ nào lại phải nhờ đến Phu nhân Vi Đề Hy cầu thỉnh mới được vãng sanh hay sao?

- **Thượng phẩm hạ sanh:** Các nhà số giải cho rằng bậc vãng sanh này là các Bồ tát chủng tánh (Tam hiền) cho đến Sơ địa.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Cũng tin nhân quả*”. Thế nào gọi là “cũng tin”? Nghĩa là hoặc tin hoặc không tin, cho nên nói “cũng”. Lại nói: “*Không phỉ báng Đại thừa, chỉ cần phát Vô thượng Bồ đề tâm. Hành giả đó dùng đây làm nghiệp chánh, mà không có nghiệp thiện nào khác, hồi hướng thiện nghiệp này, cầu nguyện vãng sanh. Lúc sắp mạng chung, đức A Di Đà và các hóa Bồ tát thánh chúng, cùng đưa tay tiếp dẫn vãng sanh*”. Dùng đoạn văn này để chứng minh rằng sau khi đức Phật diệt độ, tất cả các chúng sanh phát tâm Đại thừa, do vì hành nghiệp không mấy tinh tấn, cho nên lúc lâm chung sự tiếp dẫn cũng có sự khác biệt.

b- TRUNG PHẨM

Đối với ba bậc trung phẩm, các nhà số giải nói:

- **Trung phẩm thượng sanh** là các bậc Tam quả (A na hàm) Tiểu thừa.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Nếu có chúng sanh thọ trì Ngũ giới, giữ Bát quan trai, hoặc tu các giới khác, không tạo tội ngũ nghịch và các điều lỗi lầm, v.v... Khi lâm chung, được Phật A Di Đà cùng các tỳ kheo quyến thuộc vây quanh, phóng kim quang soi đến mình, v.v... Mục kích cảnh ấy, hành giả sanh tâm vui mừng, v.v... Sanh về thế giới Cực Lạc*”. Đoạn văn này chứng minh đây là những chúng sanh trì giới Tiểu thừa vào thời kỳ sau khi đức Phật diệt độ. Nào có phải bậc thánh gì đâu?

- **Trung phẩm trung sanh** là những nội phàm đã kiến đạo.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Nếu chúng sanh giữ giới Bát quan trai chính chắn, hoặc giới Sa di, v.v..., trong một ngày đêm, v.v... Hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Khi lâm chung, hành giả này thấy Phật A Di Đà cùng quyến thuộc ... liền được sanh về ao sen ở cõi Cực Lạc*”. Đoạn văn này chứng minh rằng người vãng sanh không phải là bậc nội phàm. Đây là sau khi đức Phật diệt độ, những phàm phu không biết tu thiện, buông trôi ngày tháng, sau đó nhờ gặp nhân duyên, thọ giới Tiểu thừa, hồi hướng công đức trì giới, cầu nguyện vãng sanh. Nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà liền được vãng sanh. Nếu nói là các bậc thánh Tiểu thừa vãng sanh cũng không ngại gì. Thế nhưng, Phật nói kinh này cho hàng phàm phu, không liên can đến các bậc thánh.

Trung phẩm hạ sanh là các phàm phu thế tục Tiểu thừa, chưa nhập vào hàng nội phàm, chỉ lo tu phước thế gian để cầu xuất ly.

Nếu vậy, tại sao Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ thế gian, khi lâm chung gặp thiện tri thức giảng cho nghe về sự vui chơi nơi cõi Phật A Di Đà và bốn mươi tám đại nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng. Người ấy nghe xong hoan hỷ niệm Phật mà qua đời, thân thức liền được sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới!*” Dùng đoạn văn này để chứng minh rằng đây chỉ là những người không gặp Phật pháp, tuy cũng hiếu thảo nhân từ, nhưng chưa hề phát tâm cầu xuất ly sanh tử, đợi đến lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức khuyến khích niệm Phật cầu vãng sanh. Người này do sự khuyến khích bèn phát tâm cầu sanh, liền được toại nguyện. Hơn nữa, người này chỉ làm những việc hiếu thảo nhân từ theo nghĩa thế gian, chứ không phải vì cầu ra khỏi sanh tử mà làm những việc này.

c- HẠ PHẨM

Các nhà sớ giải cho rằng “những người vãng sanh ở phẩm vị này là những phàm phu mới học Đại thừa, tùy theo tội chướng nặng nhẹ mà chia làm ba phẩm, chưa có giai vị trong đạo, khó phân cao thấp”. Điều này không đúng! Vì sao biết như vậy? Ba hạng người này, chưa hề có thiện căn thế gian hoặc thiện căn Phật pháp, mà chỉ biết làm ác. Vì sao mà biết?

- **Hạ phẩm thượng sanh**: Trong đoạn kinh đề cập bậc hạ phẩm thượng sanh nói: “*Người này tạo đủ tất cả các tội ác, chỉ trừ năm tội nghịch và tội báng pháp, không hề có một niệm biết hổ thẹn. Người này lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức, giảng cho nghe giáo pháp Đại thừa, dạy cho niệm Phật một câu. Lúc đó, đức Phật A Di Đà liền sai các hóa Phật và chư Bồ tát đến nghinh tiếp, liền được vãng sanh*”. Hạng người ác như vậy đầy dẫy khắp nơi, nếu gặp được duyên lành, sẽ được vãng sanh, nếu như không gặp thiện duyên, ắt sẽ đọa vào ba đường ác, khó mà ra khỏi.

- **Hạ phẩm trung sanh:** “Người này trước đó thọ giới của Phật, thọ xong không chịu gìn giữ mà còn phá hủy. Lại còn ăn trộm vật của thường trụ tăng và hiện tiền tăng, bất tịnh thuyết pháp, lòng không hổ thẹn. Đến lúc lâm chung, các tướng lửa của địa ngục đồng thời hiện ra. Khi ấy, người này may mắn được gặp thiện tri thức, giảng nói cho nghe công đức của cõi Cực Lạc, khuyên nhủ cầu vãng sanh. Người này nghe xong (sanh lòng tin sâu) thấy các vị hóa Phật và Bồ tát hiện thân đến tiếp dẫn vãng sanh”. Lúc chưa gặp thiện tri thức, lửa địa ngục đến đón, sau nhờ gặp thiện tri thức, các vị hóa Phật đến đón. Đây đều là nhờ nguyện lực của đức Phật A Di Đà.

- **Hạ phẩm hạ sanh:** “Những chúng sanh này tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc chẳng lành. Những kẻ ngu ấy, do ác nghiệp đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Nhưng khi lâm chung, người này nhờ gặp thiện tri thức dạy bảo quán niệm Phật A Di Đà Người này vãng lời, và do nhờ xưng danh hiệu Phật ... Khi mạng chung liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc”. Người này nếu như không gặp thiện tri thức, ắt sẽ bị trầm luân, bởi do khi lâm chung gặp thiện tri thức cho nên thất bảo đến nghinh tiếp.

Lại nữa, nếu xem những đoạn kinh trong phần định thiện và chín phẩm vãng sanh, thì sẽ thấy bốn ý của Phật là sau khi ngài diệt độ, các phàm phu trong đời ác ngũ trược, do nhân duyên khác nhau mà đưa đến chín phẩm khác biệt. Vì sao? Các bậc vãng sanh ba phẩm thượng là các phàm phu gặp được Đại thừa, các bậc vãng sanh ba phẩm trung là các phàm phu gặp Tiểu thừa, còn các bậc vãng sanh ba phẩm hạ là các phàm phu gặp bạn ác. Dù tạo nghiệp ác, đến lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, nhờ nguyện lực của Phật mà được vãng sanh Cực Lạc. Đến lúc hoa nở mới phát tâm [Bồ đề], làm sao có thể cho rằng họ là những người Đại thừa sơ học? Nếu cố chấp vào kiến giải này, tự mình lầm lẫn, lại còn làm cho nhiều người khác lầm lẫn, quả thật là một điều nguy hại vô cùng.

Hiện nay, chúng ta sẽ đem kinh văn ra chứng minh bốn ý của đức Bổn Sư, đồng thời cũng giúp cho các phàm phu thiện ác hiện đời được cao đăng chín phẩm, sanh khởi lòng tin sâu đậm, nhờ nguyện lực của Phật, đều được vãng sanh Cực Lạc.

D - Dùng kinh văn dẫn chứng.

Hỏi: Từ những lập luận vừa nêu trên, làm sao biết chắc rằng đức Thế Tôn vốn vì phàm phu, không phải vì các bậc thánh mà nói kinh này? Không rõ có phải chỉ dựa trên tình cảm mà kích bác, hay có kinh văn nào để dẫn chứng hay không?

Đáp: Chúng sanh phiền não sâu nặng, trí tuệ thiên cận, bốn ý của đức Phật lại sâu rộng khó dò, chúng tôi đâu dám giảng giải theo ý riêng của mình. Hiện nay

đem những lời Phật dạy để làm minh chứng. Trong phần này chúng tôi nêu ra mười điều.

Một, Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Phật bảo Vi Đề Hy: ‘Nay ta vì bà nói rộng các thí dụ, cũng khiến cho *đời vị lai, tất cả phàm phu* muốn tu Tịnh nghiệp, được sanh thế giới Cực Lạc ở phương tây.’ ” Đây là minh chứng thứ nhất.

Hai, Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Nhu Lai sẽ vì *tất cả chúng sanh bị giặc phiền não bức hại trong đời vị lai* mà nói ra nghiệp lành thanh tịnh”. Đây là minh chứng thứ hai.

Ba, Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Nay ta sắp dạy bà Vi Đề Hy và *chúng sanh đời sau* pháp quán thế giới Cực Lạc ở phương tây”. Đây là minh chứng thứ ba.

Bốn, Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Vi Đề Hy thưa: ‘Bạch đức Thế Tôn, con nay nhờ sức Phật được thấy quốc độ kia. Nếu sau khi Thế Tôn diệt độ, *những chúng sanh trước ác không lành, bị ngũ khổ bức não*, phải làm thế nào để được thấy Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc?’ ” Đây là minh chứng thứ tư.

Năm, trong phần quán Mặt trời, mở đầu nói: “Phật bảo Vi Đề Hy: ‘Bà và *chúng sanh* nên chuyên tâm buộc niệm một chỗ để tưởng cảnh giới Tây phương, v.v... *Phàm tất cả những người, nếu không phải bị mù từ lúc sơ sanh*, đều thấy mặt trời lặn.’ ” Đây là minh chứng thứ năm.

Sáu, như trong phần quán Đất nói: “Đức Phật bảo A Nan (và Vi Đề Hy): ‘Ông nên ghi nhớ lời dạy của ta, để vì *tất cả chúng sanh đời sau* muốn thoát khổ, tuyên thuyết môn quán Đất này.’ ” Đây là minh chứng thứ sáu.

Bảy, như trong phần quán Hoa tòa nói: “Vi Đề Hy được thấy Vô Lượng Thọ Như Lai, liền cúi đầu đánh lễ và thưa rằng: ‘Bạch đức Thế Tôn! Nay con nhờ từ lực được thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát, *chúng sanh đời sau* phải làm thế nào để quán tưởng Tây phương Tam Thánh?’ ” Đây là minh chứng thứ bảy.

Tám, kể đến trong phần đáp ứng lời thỉnh nói: “Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: ‘Bà và *chúng sanh*, muốn quán tưởng đức Phật kia, trước tiên phải khởi tưởng ...’ ” Đây là minh chứng thứ tám.

Chín, trong phần quán Tượng nói: “Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: ‘Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tất cả tâm tưởng của chúng sanh, cho nên khi *tâm (chúng sanh)* tưởng Phật...’ ” Đây là minh chứng thứ chín.

Mười, như trong phần chín phẩm, mỗi phẩm đều nói: “Nếu *chúng sanh*...”. Đây là minh chứng thứ mười.

Mười minh chứng vừa nêu trên đều chứng minh rằng đức Như Lai giảng mười sáu pháp quán này là cho các chúng sanh còn đang chìm đắm trong sanh tử, chứ không liên can gì đến các bậc thánh Đại, Tiểu thừa. Lấy đây làm chứng cứ, lẽ nào không đúng!

E - Hội thông ý nghĩa “Biệt thời”.

Có hai phần:

1. Nhiếp Đại Thừa Luận do ngài Chân Đế dịch nói: **Hỏi:** “Như có người niệm Phật Đa Bảo, liền được sự bất thoái chuyển trên đường tu tập Vô thượng Bồ đề, v.v..”. Bồ đề là một tên gọi khác của Phật quả, tức là chánh báo. Theo nghĩa thông thường, muốn đạt đến quả Phật phải tu tập đầy đủ *lục độ vạn hạnh* mới được thành tựu. Lẽ nào chỉ một hạnh Niệm Phật mà có thể thành Phật hay sao, không bao giờ có chuyện đó! **Đáp:** Tuy chưa chứng quả Phật, nhưng Niệm Phật cũng là một hạnh trong *lục độ vạn hạnh*. Vì sao biết được? Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tỳ kheo Công Đức Vân bảo Thiện Tài: “Tôi ở trong biển Tam muội của Phật pháp, chỉ biết một hạnh, đó là Niệm Phật Tam Muội”. Dùng đoạn kinh văn này làm chứng cứ, lẽ nào Niệm Phật không phải là một hạnh? Tuy chỉ là một hạnh, thế nhưng, trong biển sanh tử, cho đến lúc thành Phật, vĩnh viễn không thoái sụt, cho nên gọi là bất thoái chuyển.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa, quyển một, nói: “Chỉ xưng *Nam mô Phật* một lần, đều đã thành Phật đạo”. Như vậy, đoạn kinh này và đoạn văn trong Nhiếp Đại Thừa có gì khác nhau hay không?

Đáp: Trong Luận Nhiếp Đại Thừa, xưng danh hiệu Phật chỉ là muốn mình thành Phật, còn trong Kinh Pháp Hoa, xưng danh hiệu Phật là để phân biệt với chín mươi lăm nhóm ngoại đạo khác. Bởi vì trong các nhóm ngoại đạo, đều không có ai xưng danh hiệu Phật. Do đó chỉ cần xưng danh hiệu Phật một lần là đã được nhiếp vào trong Phật đạo. Cho nên nói là “đã thành”.

2. Trong Nhiếp Đại Thừa Luận nói: “Như có người chỉ phát nguyện sanh cõi Cực Lạc”. Xưa nay các nhà số giải không hiểu rõ chân ý của đoạn văn này, lại còn lầm lẫn đem phần hạ phẩm hạ sanh niệm mười danh hiệu để gán ghép vào đoạn văn vừa nêu trên, cho rằng niệm mười danh hiệu Phật không phải được vãng sanh liền. Ví như kinh doanh một đồng, muốn trở thành một ngàn đồng, phải trải qua một thời gian, chứ không phải trong một ngày mà được. Niệm Phật mười tiếng cũng giống như vậy, chỉ là gieo nhân duyên vãng sanh trong đời vị lai, chứ không phải ngay trong hiện đời. Các nhà số giải cho rằng mục đích của đức Bổn Sư là chỉ muốn các phàm phu trong đời vị lai bỏ ác, niệm Phật, chứ không phải thực sự được vãng sanh. Cho nên gọi đây là Biệt thời ý.

Lập luận vừa nêu trên, nếu quả đúng như vậy, tại sao Kinh A Di Đà nói: “*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng nhớ niệm, hoặc trong một ngày, ... cho đến bảy ngày, một lòng cầu sanh, đến lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà và chư Thánh Chúng hiện đến tiếp dẫn*”. Kế đến, phần dưới nói: “*Hằng hà sa chư Phật ở mười phương, mỗi vị ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, bao trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, đồng thanh dạy rằng: ‘Này các chúng sanh, các con hãy hết lòng thọ trì kinh này, kinh này là kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thê Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm.’ ”*” Nói “Hộ niệm” tức là đoạn kinh văn “Hết lòng chuyên niệm, hoặc trong một ngày cho đến bảy ngày”. Ở đây chúng tôi dùng những lời dạy của Phật làm minh chứng. Không biết vì lý do gì mà các hành giả đời nay lại tin nhận những lời dạy của các bộ luận do [Bồ tát] phàm phu và Tiểu thừa sáng tác, còn đối với những lời dạy của chư Phật, ngược lại, lại cho là “vọng ngữ”. Khổ thay! Tại sao họ có thể thốt ra những lời bất nhẫn như vậy? Tuy thế, ngưỡng mong các vị hành giả đang cầu vãng sanh, phải nên khéo léo suy ngẫm. Chẳng thà đời này tin làm lời Phật, còn hơn là lấy những lời dạy trong các sớ giải của [Bồ tát] phàm phu làm chỉ nam. Nếu như chấp vào những lời dạy đó, ắt sẽ tự mình lầm lạc, và cũng khiến cho nhiều người lầm lạc theo mình.

Hỏi: Khởi hạnh như thế nào, mà nói là không được vãng sanh?

Đáp: Nếu muốn vãng sanh, cần phải đầy đủ hạnh, nguyện mới được vãng sanh. Nay trong Luận Nhiếp Đại Thừa chỉ đề cập đến phát nguyện, chứ chưa đề cập đến sự hành trì.

Hỏi: Tại sao không đề cập đến?

Đáp: Các nhà sớ giải không đề cập đến bởi vì họ không để tâm đến sự hành trì, dù chỉ là một câu niệm Phật!

Hỏi: Nguyện và hạnh khác nhau thế nào?

Đáp: Như trong kinh có nói: “Nếu chỉ hành trì, thì sự hành trì đó không định hướng, chẳng đạt đến mục đích nào. Còn nếu chỉ phát nguyện, thì nguyện đó chỉ là hư giả, cũng không đạt đến mục tiêu. Nếu như hạnh, nguyện bổ túc cho nhau, thì sẽ đạt đến mục tiêu mong muốn. Hiện nay, Luận Nhiếp Đại Thừa chỉ bàn đến phát nguyện, không đề cập đến hành trì, cho nên nói “trong hiện đời không được vãng sanh, mà chỉ làm nhân cho sự vãng sanh đời sau”, thì đây là điều chính xác.

Hỏi: Ý nghĩa của phát nguyện thế nào mà nói không được vãng sanh?

Đáp: Nghe có người nói sự khoái lạc ở Tây phương bất khả tư nghì, liền nguyện rằng “Tôi cũng nguyện sanh”. Sau khi phát nguyện xong, chẳng làm gì

thêm, cho nên gọi là “phát nguyện [suông]”. Theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, xưng danh hiệu Phật mười tiếng, tức là đầy đủ mười nguyện mười hạnh. Thế nào là “đầy đủ”? Xưng “Nam mô”, tức là quy mạng, cũng có nghĩa là “phát nguyện hồi hướng”. Xưng “A Di Đà Phật”, tức là hành. Do đầy đủ ý nghĩa này, nên quyết định được vãng sanh.

Lại nữa, trong Luân Nhiếp Đại Thừa, câu “Niệm Phật Đa Bảo vì cầu Phật quả”, tức là chánh báo. Còn câu “Duy phát nguyện cầu sanh Tịnh độ”, tức là y báo. Một là chánh báo, hai là y báo, hai điều này đều có giống nhau. Và lại, Chánh báo khó cầu, dù tu một hạnh tinh chuyên cũng khó thành tựu, còn y báo tuy dễ cầu, nếu chỉ phát nguyện thì cũng chưa thể vãng sanh. Ví như ở vùng biên cương (nhiều loạn lạc, thổ phi), đem hàng hóa vào thì dễ (ví dụ phát nguyện), nhưng giữ cho khỏi mất mát thì là chuyện khó (ví dụ vãng sanh). Hiện nay, các người phát nguyện vãng sanh cũng giống như hàng hóa, chẳng lẽ không dễ. (Còn được vãng sanh hay không thì chưa chắc). Thế nhưng, *nếu như có thể hành trì trọn cả một đời, hoặc tối thiểu là mười niệm, nhờ nguyện lực của Phật, không ai là không được vãng sanh*, cho nên gọi là dễ.

Ý ở đây muốn nói là không nên chỉ bám vào ngôn từ mà giải thích, làm cho những người đang có tín tâm khởi lòng hoài nghi, mà phải dẫn lời dạy của Phật làm minh chứng, hầu mong những người thấy nghe tiêu trừ đi những nỗi nghi lầm.

F - Hội thông ý nghĩa “Người căn tính Nhị thừa không vãng sanh”.

Hỏi: Cõi nước Phật A Di Đà là Báo độ hay Hóa độ?

Đáp: Cõi Cực Lạc là Báo độ, không phải Hóa độ. Vì sao biết được? Như Đại Thừa Đồng Tính Kinh, quyển hạ, nói: “Cõi nước Tây phương An Lạc của tỳ kheo Pháp Tạng là Báo độ, Phật A Di Đà là Báo Phật”. Lại như, Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Lúc tỳ kheo Pháp Tạng ở nơi đức Phật Thế Nhiêu Vương hành Bồ tát đạo, đã từng phát bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều nói: “Lúc ta thành Phật, mười phương chúng sanh, xưng danh hiệu ta, cầu sinh cõi nước ta, tối thiểu mười niệm, nếu không vãng sanh, ta thệ không giữ ngôi Chánh Giác”. Hiện nay thành Phật, đây là nhân vì bốn mươi tám nguyện mà thành tựu Báo thân.

Lại như trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, ba bậc thượng phẩm vãng sanh, đều nói là lúc hành giả lâm chung, đức A Di Đà và các hóa Phật đến nghinh tiếp. Do vì Báo Phật và các hóa Phật cùng đến tiếp dẫn nên nói là “và”. Dùng kinh văn chứng minh, cho nên biết rằng Phật A Di Đà là Báo thân Phật. Thế nhưng, sự khác biệt giữa báo thân, hóa thân cũng tương tự như sự khác nhau giữa hai

chữ nhãn (con mắt) và mục (con mắt). Phần trên phiên dịch chữ “ứng thân” để chỉ cho “báo thân”, phần dưới phiên dịch chữ “báo thân” để chỉ cho “ứng thân”. Nói “báo”, có ý muốn nói rằng “nhân hạnh” không mất, nhất định sẽ chiêu cảm quả báo đời sau; dùng “quả” để đáp ứng “nhân”, cho nên gọi là “báo”. Lại nữa, tu tập lục độ vạn hạnh trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp, nhất định sẽ được (ứng) quả Bồ đề, hiện nay đã thành Phật, đây tức là “ứng” thân. Đây là chư Phật quá khứ, hiện tại biệt lập thành ba thân. Thật ra, ba thân (báo, ứng, hóa) này đều cùng một thể, còn như hiện ra vô lượng tám tướng thành đạo, có nhiều danh hiệu như trần sa, nếu luận về thể tính, đều nhập vào hóa thân. Hiện nay, đức Phật A Di Đà là Báo thân Phật.

Hỏi: Nếu nói Phật A Di Đà là Báo thân, thì Báo thân là thường trụ, vĩnh viễn không còn sanh diệt, tại sao Quán Thế Âm Thọ Ký Kinh nói: “Đức Phật A Di Đà cũng có lúc nhập Niết bàn”. Ý nghĩa này làm sao giải thích?

Đáp: Nhập hay không nhập Niết bàn, đây là cảnh giới riêng của chư Phật, trí tuệ của các bậc thánh Tam thừa còn không thấu suốt, huống là hàng phàm phu, Tiểu thừa mà mong hiểu rõ hay sao? Thế nhưng, nếu như muốn biết, nay cũng xin đem kinh Phật ra làm minh chứng. Như Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, phẩm Niết Bàn Phi Hóa (quyển 29) nói:

Phật bảo Tu Bồ Đề: “Ý ông thế nào? Nếu có hóa nhân biến hóa ra một hóa nhân khác, thì sự biến hóa đó có phải là sự thật không?” Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Không”. Phật bảo Tu Bồ Đề: “Sắc tức là biến hóa, thọ, tưởng, hành, thức cũng tức là biến hóa, nhãn đến Nhất thiết chủng trí cũng tức là biến hóa”. Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu pháp thế gian tức là biến hóa, thì các pháp xuất thế gian cũng tức là biến hóa, như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát thánh đạo phần, Tam giải thoát môn, Phật Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp, cùng các quả vị, lại còn các bậc hiền thánh, nghĩa là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát ma ha tát, chư Phật Thế tôn, các pháp này cũng tức là biến hóa hay sao?” Phật bảo Tu Bồ Đề: “Tất cả pháp đều tức là biến hóa. Trong các pháp này, có pháp Thanh văn biến hóa, pháp Bích chi Phật biến hóa, pháp Bồ tát biến hóa, pháp chư Phật biến hóa. Tu Bồ Đề! Do nhân duyên này, tất cả các pháp đều tức là biến hóa”. Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các pháp đoạn trừ phiền não, như quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, đoạn trừ phiền não tập khí, đều tức là biến hóa hay sao?” Phật bảo Tu Bồ Đề: “Nếu pháp có tướng sanh diệt, đều tức là biến hóa”. Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Có pháp nào không phải là pháp biến hóa?” Phật dạy: “Nếu có pháp không sanh diệt, pháp đó không biến hóa”. Tu Bồ Đề hỏi: “Pháp nào là không sanh không diệt, không biến hóa”. Phật dạy: “Niết bàn không hư dối là pháp không biến hóa”. Tu Bồ Đề hỏi: “Như đức Phật

từng dạy chư pháp bình đẳng, không do Thanh văn, Bích chi phật, Bồ tát, chư Phật tạo tác, chư pháp tánh thường không tịch, Tánh không tức là Niết bàn. Vì sao chỉ có pháp Niết bàn không phải là biến hóa?” Phật bảo Tu Bồ Đề: “Đúng vậy! Đúng vậy! Chư pháp bình đẳng, không phải do Thanh văn tạo tác, hẳn đến Tánh không tức là Niết bàn. Nếu như hàng sơ học Bồ tát mới phát tâm Bồ đề nghe rằng tất cả các pháp đều là Tất cánh Tánh không, hẳn đến Niết bàn cũng đều là biến hóa, tâm ắt kinh sợ. Cho nên ta mới nói rằng các pháp sanh diệt là biến hóa, còn pháp bất sanh diệt (Niết bàn) không phải là biến hóa.

Hiện nay, đem những lời Phật dạy ra suy ngẫm, thì biết rằng đức Phật A Di Đà nhất định là Báo thân. Giả sử sau đó [thị hiện] nhập Niết bàn, thì ý nghĩa [nhập Niết bàn] đó cũng không phương ngại [ý nghĩa của Báo thân]. Ước mong các bậc trí giả phải nên hiểu như vậy.

Hỏi: Đã nói đức Phật A Di Đà là Báo Phật, cõi Cực Lạc là Báo độ, thì pháp đó cao thâm vi diệu, các bậc thánh Tiểu thừa còn không hy vọng, huống hồ là phàm phu tội chướng, làm sao có thể sanh về đó?

Đáp: Nếu bàn về chúng sanh tội chướng, quả thật khó mà vãng sanh. Chính vì nhờ nguyện lực của đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên thù thắng, cho nên năm Thừa đều có thể vãng sanh Cực Lạc.

Hỏi: Nếu như phàm phu cùng các bậc thánh Tiểu thừa được vãng sanh, tại sao Vãng Sanh Luận của ngài Thế Thân nói: “Người nữ, người tàn khuyết, hàng căn chủng Nhị thừa không được vãng sanh?” Hiện nay, cõi Cực Lạc có các bậc thánh Nhị thừa, như vậy làm sao giải thích ý nghĩa của luận?”

Đáp: Ông chỉ đọc văn mà không chịu suy ngẫm nghĩa lý, lại còn chấp vào kiến giải u mê của mình, không chịu tỏ ngộ. Hiện nay, xin dẫn lời Phật dạy để làm tỏ rõ vấn đề. Vì sao? Đây tức là ba hạng người vãng sanh hạ phẩm! Làm sao biết được? Như đoạn kinh “Hạ phẩm thượng sanh” nói: “Hoặc có chúng sanh ngu tối, tạo nhiều nghiệp ác, không biết hổ thẹn. Kẻ ấy khi lâm chung, gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của mười hai loại kinh Đại thừa ... lại bảo phải chấp tay niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Ngay lúc ấy, đức Vô Lượng Thọ Phật cảm biết, liền sai hóa Phật, hóa Quán Thế Âm ... hiện đến trước hành giả ... ngồi trên hoa sen báu theo hóa Phật sanh về ao thất bảo vừa lúc hoa nở, đức Quán Thế Âm ... giảng cho nghe nghĩa lý thâm diệu ... người ấy nghe rồi tin hiểu, phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Hỏi: (Căn) chủng và tâm khác nhau thế nào?

Đáp: Tùy vào sự tiện lợi mà nói, chứ ý nghĩa của hai chữ này không khác. Lúc hoa vừa nở, tâm của người [vãng sanh] này là pháp khí thanh tịnh, có thể nghe hiểu chánh pháp, bất luận là pháp Đại thừa hay Tiểu thừa, chỉ cần nghe là sanh

lòng tin. Do đó đức Quán Thế Âm không giảng pháp Tiểu thừa, mà nói pháp Đại thừa trước. Người đó nghe pháp Đại thừa cảm thấy vui mừng, bèn phát tâm Vô thượng Bồ đề, gọi là sanh khởi căn chủng Đại thừa, hoặc gọi là sanh khởi tâm nguyện Đại thừa. Nếu như lúc hoa vừa nở, đức Quán Thế Âm nói pháp Tiểu thừa, người đó nghe pháp Tiểu thừa sanh khởi tín tâm, thì gọi là sanh khởi căn chủng Tiểu thừa, hoặc gọi là sanh khởi tâm nguyện Tiểu thừa. Phẩm này như vậy, hai phẩm dưới cũng thế. Ba hạng người này, đều phát tâm ở ao thất bảo, chính vì nghe pháp Đại thừa mà sanh khởi chủng tánh Đại thừa, hơn nữa, do vì không nghe pháp Tiểu thừa, cho nên *chủng tánh Nhị thừa không sanh*. Nói “chủng” cũng tức là “tâm”.

Người nữ và người tàn khuyết: nên biết, ở cõi Cực Lạc không có hai hạng người này.

Hơn nữa, mười phương chúng sanh, hoặc giả tu tập giới hạnh Tiểu thừa, cầu nguyện vãng sanh, đều được toại nguyện, không có chướng ngại. Thế nhưng, sau khi sanh về cõi đó, thoát tiên chúng quả Tiểu thừa, sau khi chúng quả liền chuyển nhập Đại thừa, một khi đã chuyển nhập Đại thừa, không còn thoái sụt, sinh tâm Tiểu thừa trở lại, cho nên gọi là không sanh khởi căn chủng Nhị thừa.

Phần trước nói về những hạng người căn tánh bất định, còn phần sau nói về các bậc đã chứng quả Tiểu thừa.

G - Biện biệt việc bà Vi Đề Hy nghe pháp được lợi ích.

Hỏi: Trong kinh nói bà Vi Đề Hy đắc Vô sanh pháp nhãn, không biết xuất phát từ đoạn kinh nào?

Đáp: Bà Vi Đề Hy đắc Vô sanh pháp nhãn, xuất từ đoạn kinh ở phần đầu pháp quán thứ bảy. Kinh nói: “Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vi Đề Hy: “Nhu Lai sẽ vì các vị giảng thuyết phân biệt pháp trừ khổ não”. Khi Đức Thế Tôn nói lời ấy xong, thì Phật Vô Lượng Thọ đã hiện thân đứng giữa hư không, hai vị Đại sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Phu nhân Vi Đề Hy được thấy Vô Lượng Thọ Như Lai, liền cúi đầu đánh lễ, vui mừng tán thán, liền được chứng Vô sanh pháp nhãn”. Vì sao biết như vậy? Như trong phần Lợi Ích phía dưới nói: “Phu nhân Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ thấy tướng rộng dài của thế giới Cực Lạc, sắc thân của Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát, tất cả đều sanh lòng vui mừng, khen là việc chưa từng có. Phu nhân hoát nhiên đại ngộ, chứng Vô sanh pháp nhãn”. Không phải là lúc Phu nhân thấy các cõi nước trong đài quang minh của Phật Thích Ca mà được Vô sanh nhãn.

Hỏi: Trong đoạn kinh phía trên nói: “Khi hành giả thấy sự vui màu nhiệm ở cõi kia rồi, sanh lòng vui mừng, liền được Vô sanh pháp nhẫn,” nghĩa của đoạn kinh này phải giải thích thế nào?

Đáp: Ý nghĩa của đoạn kinh này chỉ là đức Thế Tôn đáp ứng lời biệt thỉnh của bà Vi Đề Hy, nêu lên lời khuyên khích phương tiện tu tập được lợi ích. Như trong kinh, đoạn kể đến có nói: “Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ khiến cho bà được thấy cõi kia”. Kể đến nói về các pháp quán “Mặt trời”, quán “Nước”, quán “Băng”, nhẫn đến mười ba pháp quán, đều gọi là phương tiện lạ. Đức Phật ý muốn khiến cho chúng sanh, đối với pháp tu này, thành tựu tất cả pháp quán, thấy được sự vui màu nhiệm của cõi kia, tâm sanh vui mừng, liền được an trụ trong Vô sanh pháp nhẫn. Đây là do lòng từ bi của đức Như Lai, thương xót chúng sanh trong đời mạt pháp, khuyến khích họ siêng cần tu tập, hơn nữa, cũng khiến cho những bậc đa văn không xem thường pháp môn này, nhờ sự gia trì của chư Phật Bồ tát mà hưởng được sự lợi ích.

Phân trên tuy có bảy đoạn lập luận khác nhau, đều là giải thích ý nghĩa sâu xa, phân trần sự khác biệt giữa kinh và luận, mỗi vấn đề đều đem lời Phật dạy làm minh chứng, ước mong độc giả sanh khởi tín tâm, không còn nghi hoặc phân vân.

---o0o---

QUYỂN HAI: TỰ

Từ đây trở xuống, chia kinh làm năm phần để giải thích.

1. Từ “Như thế tôi nghe” cho đến “bị ngũ khổ bức não, phải làm thế nào để thấy Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc?”, là giải thích phần “Tự”
2. Từ câu đầu của pháp quán “Mặt trời” cho đến cuối phần “Hạ phẩm hạ sanh” là giải thích phần “Chánh tông”.
3. Từ “Khi đức Thế Tôn nói lời ấy rồi” cho đến “vô lượng chư thiên phát tâm Vô thượng Bồ đề”, là giải thích phần “Lợi ích”.
4. Từ “Khi ấy tôn giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy” cho đến “Vi Đề Hy cùng quyển thuộc thấy đều hoan hỷ”, là giải thích phần “Lưu thông”.
5. Từ “Tôn giả A Nan lại vì đại chúng trùng tuyên việc ấy”, lại là một pháp hội, Kỳ Xà Quật, cũng chia làm ba phần: a. Từ “Bấy giờ đức Thế Tôn bước lên hư không” là phần Tự. b. Từ “A Nan lại vì đại chúng”, là phần Chánh tông. c. Từ “Vô lượng chư Thiên...” là phần lưu thông.

Sự giáo hóa của đức Phật đều có nguyên do, cho nên khởi đầu là nói về phần “Tự”. Sau khi biết rõ nguyên do, thì chính thức bàn đến nội dung, cho nên nói đến phần “Chánh tông”. Sau khi đã giảng giải hoàn tất nội dung, muốn cho những điều giảng giải lưu truyền đến đời sau, khen ngợi khuyến học, cho nên nói phần “Lưu thông”.

Phần Tự chia làm hai: i. “N hư thế tôi nghe” gọi là Chứng tín tự. ii. Từ “Một thời Phật ở” nhằm đến “phải làm thế nào để được thấy Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc”, là giải thích phần Phát khởi tự.

---o0o---

I - CHỨNG TÍN TỰ

N hư thế tôi nghe

Chứng tín tự, có hai nghĩa: 1. “N hư thế”, tức là nêu tổng quát về đức Giáo Chủ là người giảng pháp. 2. “Tôi nghe”, tức là chỉ riêng cho ngài A Nan là người nghe pháp. Cho nên phải phân “N hư thế tôi nghe” ra hai ý để giải thích.

Lại nữa, “N hư thế” là chỉ hai môn “định thiện”, “tán thiện”. Chữ “thế” là từ ngữ xác định, ứng hợp căn cơ mà hành trì ắt được lợi ích. Ở đây muốn xác minh rằng những lời dạy của đức Như Lai là chính xác, không có sai lầm, cho nên nói là “N hư thế”.

Lại chữ “N hư” có nghĩa là “như ý chúng sanh”. Đức Phật tùy theo sự mong cầu mà hóa độ. Căn cơ và giáo pháp tương ứng thì gọi là “thế”, cho nên gọi là “N hư thế”.

Lại nữa, “N hư thế” lại có nghĩa là những điều Phật dạy, giảng “tiệm giáo” thì đúng theo “tiệm giáo”, giảng “đốn giáo” thì cũng đúng theo “đốn giáo”, giảng “tướng” đúng theo “tướng”, giảng “Không” đúng theo “Không”, giảng “nhân pháp” đúng theo “nhân pháp”, giảng “thiên pháp” đúng theo “thiên pháp”, giảng Tiểu thừa đúng theo Tiểu thừa, giảng Đại thừa đúng theo Đại thừa, giảng pháp phàm phu đúng theo phàm phu, giảng pháp thánh nhân đúng theo thánh nhân, giảng “nhân” đúng theo “nhân”, giảng “quả” đúng theo “quả”, giảng “khổ” đúng theo “khổ”, giảng “vui” đúng theo “vui”, giảng “xa” đúng theo “xa”, giảng “gần” đúng theo “gần”, giảng “giống” đúng theo “giống”, giảng “khác” đúng theo “khác”, giảng “tịnh” đúng theo “tịnh”, giảng “uế” đúng theo “uế”. Giảng tất cả pháp, muôn vàn sai khác, đức Như Lai quán xét biết rõ căn cơ của chúng sanh mà giảng nói khiến cho tất cả đều được lợi ích.

“Tôi nghe”, có nghĩa là ngài A Nan là thị giả thường theo hầu hạ bên cạnh Phật, nghe nhiều hiểu rộng, y giáo hành trì, tự thân gánh vác lời dạy của Phật, không qua một sự trung gian nào khác, cho nên gọi là “tôi nghe”.

Lại nữa, nói “chứng tín”, có nghĩa là ngài A Nan đem lời dạy của Phật lưu truyền đời sau, muốn cho chúng sanh hiểu rõ là những pháp tu quán tưởng này là do chính ta nghe đức Phật giảng nói, có thể hoàn toàn tin tưởng không chút nghi ngờ, cho nên phần này gọi là “chứng tín tự”.

---o0o---

II - PHÁT KHỞI TỰ

1. Từ “Một thời Phật ở” cho đến “Pháp vương tử là bậc thượng thủ” là “Hoá tiền tự”.
2. Từ “Bấy giờ trong Vương Xá đại thành” cho đến “dung sắc hòa nhã tươi vui” là phần “nhân duyên giam cầm phụ vương”.
3. Từ “Lúc đó, A Xà Thế đến hỏi” cho đến “giam cầm Quốc thái Phu nhân trong thâm cung, không cho ra ngoài nữa” là phần “nhân duyên giam lỏng mẫu thân”.
4. Từ “Vi Đề Hy bị u cầm” cho đến “cùng với Đề Bà Đạt Đa đồng làm quyến thuộc” là phần “nhân duyên những cỗi khổ”.
5. Từ “Cúi xin đức Thế Tôn” cho đến “dạy con pháp tư duy và chánh thọ” là “nhân duyên các cỗi tịnh”.
6. Từ “Khi ấy đức Thế Tôn liền mỉm cười” cho đến “ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời” là “nhân duyên dạy về pháp môn *tán thiện*”.
7. Từ “Đức Thế Tôn khen Vi Đề Hy và bảo A Nan” cho đến “phải làm thế nào để thấy được Phật A Di Đà và cỗi Cực Lạc” là “nhân duyên *định thiện*, chỉ pháp tu quán”.

---o0o---

1 - Hoá tiền tự

A - Một thời.

Một thời

Chính là lúc bắt đầu khai giảng bộ kinh. Đức Phật giảng pháp, thoát tiên phải nêu lên thời gian (thời) và nơi chốn (xứ). Muốn cho chúng sanh nghe pháp khai ngộ, phải nhờ vào nhân duyên; đức Giáo Chủ muốn độ sanh, cũng phải đợi thời cơ, nơi chốn.

Lại nữa “một thời”, nói về mười hai thời trong một ngày, hoặc nói về bốn thời (mùa) trong một năm, v.v... Đây đều là những lúc mà đức Như Lai tùy cơ nhiếp hóa.

Còn nói “nơi chôn (xứ)”, tức là tùy sự thuận tiện của nơi chôn. Đức Như Lai có khi nói pháp trong núi rừng, hoặc tại vương cung, thành ấp, hoặc tại đồng hoang mờ mịt, hoặc trong những chúng hội trời người, hoặc trong những chúng hội Bồ tát, Thanh văn, hoặc tại chúng hội trời rồng quỷ thần, hoặc giảng cho người phàm, hoặc giảng cho thánh nhân. Tùy theo thời gian, nơi chôn, Đức Như Lai quán xét căn cơ, tùy duyên giảng dạy, làm cho tất cả đều được lợi ích. Đây gọi là “chuông lớn”, âm thanh tuy rền, nhưng phải đợi lúc khấu mới vang tiếng. Đức Đại Thánh tuy từ bi, phải đợi thời cơ mới thuyết pháp, cho nên gọi là “một thời”.

Lại nữa, lúc vua A Xà Thế gây tội nghịch, Đức Phật đang ở với hai chúng xuất gia trong núi Kỳ Xà Quật. Đây là “lấy kẻ dưới nghiệm người trên”, nên gọi là một thời.

Lại nữa, lúc Đức Phật và hai chúng xuất gia đang ở núi Kỳ Xà Quật, nghe vua A Xà Thế gây nên tội nghịch. Đây là “lấy người trên nghiệm kẻ dưới”, nên gọi là một thời.

B - Phật.

Phật

Chữ Phật ở đây, nêu rõ vị hóa chủ là Đức Bổn Sư Thích Ca, chứ không phải một vị Phật nào khác.

C - Địa điểm giáo hóa của đức Như Lai.

Ở tại núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá.



Có hai phần:

1. Du hành trong các tụ lạc thôn ấp của thành Vương Xá là để giáo hóa hàng tại gia.
2. Du hành nơi núi Kỳ Xà Quật là để giáo hóa hàng xuất gia.

Lại nữa, người tại gia tham cầu ngũ dục, chấp trước tất cả là thường. Giả sử có phát tâm thanh tịnh (cầu xuất ly ...) thì cũng như nét vẽ trên mặt nước. Thế nhưng, Đức Phật vẫn không xả bỏ lòng đại bi, tùy duyên làm lợi ích chúng sanh. Hơn nữa, người xuất gia, tại gia, do vì hình tướng khác biệt, cho nên không thể ở chung một chỗ. Đây gọi là “cảnh giới trụ”.

Lại nữa, người xuất gia quên thân, xả mạng, đoạn trừ lòng tham muốn, quy hướng chơn thường, tâm kiên cố như kim cương, trí sáng suốt tợ đại viên kính, mong cầu quả Phật, hoằng dương Phật pháp, lợi ích tự tha. Nếu như không xả bỏ duyên trần, thì không cách nào đạt được những đức tánh như vậy. Đây gọi là “y chỉ trụ”.

D - Các đệ tử của đức Phật

Cùng với một ngàn hai trăm năm mươi bậc Đại tỳ khưu. Nơi chúng hội đây, lại có ba vạn hai ngàn vị Bồ tát, trong ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi pháp vương là bậc thượng thủ.

Trong đây chia làm hai loại: Thanh văn và Bồ tát.

a - Thanh văn. Có chín nghĩa: 1. cùng với: Đức Phật ở chung với các đệ tử, nên gọi là cùng với; 2. tổng đại; 3. tướng đại; 4. chúng đại; 5. kỳ niên đại; 6. số đại; 7. tôn túc đại; 8. nội hữu thực đức đại; 9. quả chứng đại.

Hỏi: Vì lý do gì, trong phần đầu của tất cả kinh điển đều đề cập đến các vị Thanh văn này?

Đáp: Các vị Thanh văn này, đa số từng là ngoại đạo. Như trong Kinh Hiền Ngu (quyển hai) nói: Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp lãnh đạo năm trăm đệ tử tu tập tà pháp, Già Da Ca Diếp lãnh đạo hai trăm năm mươi đệ tử tu tập tà pháp, Na Đề Ca Diếp lãnh đạo hai trăm năm mươi đệ tử tu tập tà pháp. Tổng cộng một ngàn người, thọ lãnh sự giáo hóa của Đức Phật, đều chứng quả A la hán. Hai trăm năm mươi người còn lại, đệ tử của hai ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, cũng là những người tu tập tà pháp, thọ lãnh sự giáo hóa của Đức Phật, đều chứng quả A la hán. Bốn nhóm này tụ họp một nơi, tổng cộng một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Hỏi: Trong chúng này cũng có những người không phải ngoại đạo, tại sao nêu chung với họ?

Đáp: Trong kinh nói, những ngoại đạo này thường theo hầu bên cạnh Đức Phật không rời. Những nhà kết tập kinh điển chỉ nêu hình tướng bên ngoài, do đó có tên gọi khác biệt. Và lại, ngoại đạo chiếm đa số.

Hỏi: Không rõ vì sao những ngoại đạo này thường theo hầu bên cạnh Đức Phật?

Đáp:

1. *Từ phía Đức Phật giải thích:* Các ngoại đạo này đã tu tập tà pháp nhiều đời, tuy quy y Phật pháp, nhưng tập khí vẫn còn tồn tại, cho nên Đức Như Lai giữ họ bên cạnh mình, không cho ra ngoài hoàng dương Phật pháp, e rằng họ sẽ làm tổn hoại cội gốc chánh kiến của những chúng sanh khác, làm tăng trưởng ác nghiệp, khiến cho chúng sanh đời này đời sau không được chứng đắc thánh quả. Do nhân duyên này, Đức Thế Tôn giữ họ bên cạnh, không cho ra ngoài giáo hóa chúng sanh.

2. *Từ phía ngoại đạo giải thích:* Các ngài Ca Diếp, v.v... tự nghĩ rằng họ nhiều kiếp đến nay trôi lăn sanh tử, luân hồi sáu nẻo, khổ não vô cùng, ngu si ác kiến, bám chặt tà pháp, không gặp minh sư, chìm sâu biển khổ. Nhưng do nhân duyên đời trước, được gặp Đức Phật bình đẳng đem pháp cam lộ tưới rót, vì nhớ ơn đức như trời biển đó cho nên luôn luôn gần gũi hầu hạ Đức Thế Tôn.

Hỏi: Những vị tôn túc này vì sao gọi là Những kẻ quen biết (Hán: sở tri thức) của mọi người?

Đáp: Đức lớn gọi là tôn, tuổi cao gọi là túc. Tất cả phàm thánh đều biết những vị ấy đức hạnh hơn người, hình tướng dị biệt, nên gọi là sở tri thức.

b - Bồ tát: Trong đây được chia làm bảy hạng mục: a. nêu hình tướng, b. nêu số mục, c. nêu địa vị, d. nêu quả vị, e. nêu đức hạnh, f. nêu riêng Đức Văn Thù, g. tổng kết.

Các vị Bồ tát này đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong tất cả pháp công đức, biến hiện khắp mười phương, dùng những phương tiện quyền xảo lợi ích chúng sanh, thâm nhập Phật pháp thâm sâu, đã rốt ráo đến bờ bên kia, trong vô lượng thế giới hóa hiện thành Phật, quang minh chiếu sáng khắp cả mười phương, khiến cho vô lượng cõi Phật sáu loại chấn động, tùy duyên khai thị, chuyển bánh xe pháp, đánh trống pháp, cầm kiếm pháp, rèn sấm pháp, rưới mưa pháp, bố thí pháp, thường đem pháp âm giáo hóa thế gian, xé rách lưới tà, tiêu diệt ác kiến, phá nát phiền não, lấp mương ái dục, hiển bày thanh bạch, làm sáng Phật pháp, tuyên dương giáo hóa, thương xót chúng sanh, chưa từng phóng dật, chứng pháp bình đẳng, đầy đủ vô lượng trăm ngàn tam muội, đều được chứng quả, trong khoảnh một niệm đến khắp mọi nơi, chăm sóc chúng sanh giống như con một. Tất cả gốc lành, đều đã thành tựu. Đều được vô lượng công đức của chư Phật, trí tuệ sáng suốt, không thể nghĩ bàn.

---o0o---

2 - Nhân duyên giam cầm phụ vương

A - Địa điểm giảng kinh.

Bấy giờ trong Vương Xá đại thành

Theo truyền thuyết, khi xưa, dân trong thành mỗi khi cất nhà đều bị lửa trời thiêu rụi, chỉ có cung điện vua chúa là không bị cháy. Không biết là lý do gì? Dân chúng đem việc ấy tâu lên, vua bảo: “Từ đây về sau, nếu có ai xây cất nhà cửa, đều phải nói lớn rằng *Tôi cất nhà này cho nhà vua*”. Mọi người y lời, quả nhiên nhà cửa không bị cháy. Do nhân duyên này cho nên gọi là Vương Xá.

Gọi là *đại thành*, bởi vì thành này rất lớn, dân cư độ khoảng chín ức (900.000), cho nên gọi là Vương Xá đại thành.

Gọi là *địa điểm giảng kinh*. Có hai lý do:

1. Vua A Xà Thế khởi ác tâm, gây tạo nhân duyên giam cầm cha mẹ. Nhân bị giam cầm mà bà Vi Đề Hy sanh lòng nhằm chán Ta Bà, cầu sanh Cực Lạc.
2. Đức Như Lai theo lời thỉnh cầu, phóng ánh sáng biến thành bảo đài, hiển thị các cõi Phật, bà Vi Đề Hy nhân đây liền cầu sanh An Lạc, lại còn cầu thỉnh pháp tu. Đức Phật liền khai thị pháp tu ba phước, mười sáu pháp quán và chín phẩm vãng sanh. Do nhân duyên này nên gọi là địa điểm giảng kinh.

B - Vua A Xà Thế, trong lúc hoảng hốt, lầm nghe theo lời xúi giục của kẻ ác.

Có vị Thái tử tên là A Xà Thế, nghe theo lời xúi giục của ông bạn ác Điều Đạt

A Xà Thế, dịch là vị sanh oán (oán thù lúc chưa sanh), còn có nghĩa là chiết chi (gãy ngón tay).

Hỏi: Vì sao có tên Vị Sanh Oán và Chiết Chi?

Đáp:

1. *Chiết Chi*: Do nhân duyên ngày trước mà có tên này. Vốn là vua Tần Bà Sa La đã lớn tuổi mà vẫn chưa có con trai. Ông đi cầu khẩn khắp nơi mà vẫn chưa được toại nguyện. Một hôm, có thầy tướng đến tâu rằng: “Thần biết trong núi có một vị tiên, không bao lâu sẽ mạng chung, sau đó sẽ đầu thai vào làm thái tử”. Nhà vua nghe xong, vô cùng hoan hỷ, bèn hỏi: “Vị tiên đó còn sống bao lâu?” Thầy tướng trả lời: “Còn ba năm nữa”. Vua nói: “Ta đã già rồi, không người nối dõi. Làm sao có thể đợi thêm ba năm được!” Bèn khiến sứ giả vào núi cầu thỉnh vị tiên rằng: “Nhà vua không có con, không người thừa kế. Đã đi cầu khẩn khắp nơi nhưng chưa toại nguyện. Có một thầy tướng biết được tiên nhân không bao lâu sẽ mạng chung đầu thai vào cung vua làm thái tử. Kính mong tiên nhân dủ lòng thương xót, sớm xả báo thân”. Sứ giả tuân mệnh vào núi, đến chỗ tiên nhân trình lên lời dạy của vua. Tiên nhân nói với sứ giả: “Còn ba năm nữa ta mới mạng chung, nhà vua ra lệnh xả mạng bây giờ, đây là điều bất khả”. Sứ giả nghe xong, bèn trở về cung tâu lại với vua. Vua nói: “Ta là chủ một nước. Tất cả nhân dân tài sản đều thuộc về ta. Hôm nay, ta đã dùng lễ nghi đến cầu thỉnh lại không tuân mệnh. Khanh hãy đi mời lần nữa. Nếu như không tuân mệnh, thì hãy cứ giết hẵn. Nếu như hẵn chết, không thể nào không đầu thai làm con ta!” Sứ giả tuân lời, đến chỗ tiên nhân trình bày lại ý của nhà vua. Tiên nhân tuy nghe lệnh vua, vẫn không nao núng. Sứ giả tuân mệnh của nhà vua, toan giết ông ta. Vị tiên nói: “Ông về tâu lại với nhà vua, mạng ta chưa hết mà nhà vua dùng tâm, khẩu sai người đến giết ta, nếu ta đầu thai làm con vua, thì ta cũng sẽ dùng tâm, khẩu sai người giết ông ấy”. Sau khi nói xong, vị tiên bèn chịu chết. Đêm hôm ấy hoàng hậu thọ thai. Nhà vua nghe tin, lòng rất vui mừng. Sáng hôm sau bèn mời thầy tướng vào cung đoán xem đứa bé là nam hay nữ. Thầy tướng xem xong, tâu lên vua: “Đứa bé là con trai, nhưng sau này sẽ làm hại tánh mạng bệ hạ”. Nhà vua nói: “Cả giang san này ta đều giao hết cho nó. Nếu như có bị hại, ta cũng chẳng có gì phải sợ”. Tuy nói như thế, nhưng trong lòng nhà vua vẫn cảm thấy bất an, bèn đến tìm hoàng hậu để bàn định việc này. Vua nói: “Ta có chuyện muốn bàn riêng với phu nhân. Hôm nay

thầy tướng tâu với ta là đứa bé sau này sẽ làm hại tánh mạng ta. Phu nhân lúc sanh, hã y lên trên lầu cao để cho nó rơi xuống đất, lẽ nào nó không chết. Ta sẽ không còn phải lo lắng, mà việc này cũng không bị tiết lộ!” Hoàng hậu nghe xong, bèn y theo lời dặn của nhà vua. Đến lúc sanh, đứa bé rơi xuống đất nhưng không chết mà chỉ bị gãy một ngón tay. Vì lý do này, mọi người đều gọi A Xà Thế là Thái tử Chiết Chi.

2. *Vị sanh oán*: Đây là do Đề Bà Đạt Đa khởi tâm đố kỵ, nên mới thuật lại cho thái tử nghe những nhân duyên ngày trước. Vì sao do tâm đố kỵ mà khởi ác duyên? Bởi vì Đề Bà là người tính tình bạo ác. Tuy xuất gia nhưng thường ôm lòng ghen ghét Đức Phật được danh văn lợi dưỡng. Vua Tần Bà Sa La là một vị đại thí chủ của Phật, thường đem rất nhiều phẩm vật đến cúng dường. Mỗi lần như vậy chở đến năm trăm xe, những món bầy bái như vàng, bạc, ..., y phục quý giá, các món ngon thượng hạng, v.v... Ngoài ra lại còn đoàn tùy tùng trăm, ngàn người, mang theo hương, hoa, âm nhạc, rầm rộ kéo đến, đem phẩm vật cúng dường Đức Phật và chúng tăng. Đề Bà thấy vậy, tâm đố kỵ lại càng dữ dội, bèn đi tìm ngài Xá Lợi Phất, cầu học thần thông. Ngài Xá Lợi Phất bảo: “Ông nên về tu tứ niệm xứ, không cần học thần thông”. Không nản chí, Đề Bà lần lượt tìm năm trăm vị tỷ kheo khác để cầu học, nhưng không vị nào chịu dạy. Mọi người đều bảo học tứ niệm xứ. Cuối cùng, Đề Bà đi tìm ngài A Nan, nói: “Tôi là anh thầy, nay muốn học thần thông, xin thầy dạy cho tôi”. Ngài A Nan tuy chứng sơ quả nhưng chưa đắc tha tâm thông, không biết Đề Bà vì muốn hại Phật mà cầu học, bèn hẹn ông ta đến một nơi vắng vẻ chỉ dạy.

Thoạt tiên, ngài kiết già, quán tưởng là đang dùng tâm nhắc thân lên. Bắt đầu quán tưởng bay lên khoảng một phân, một tấc, kê đến quán tưởng bay lên độ một thước, một trượng. Sau đó, nhiếp tâm quán tưởng mình bay về chỗ cũ.

Kế đó, dùng tâm nhắc tâm. Đầu tiên, quán tưởng rời khỏi mặt đất một phân, một tấc, v.v... cũng giống như trước. Dùng tâm nhắc tâm, dùng tâm nhắc thân, cho đến lúc bay bổng lên không trung, sau đó nhiếp thân bay về chỗ cũ.

Kế đó, quán tưởng thân tâm nhắc lên cùng lúc, một phân, một tấc, v.v... cũng giống như trước.

Kế đó, quán tưởng thân tâm xuyên qua các sắc chất, hoàn toàn không bị chướng ngại. Sau đó, quán tưởng các sắc chất như núi, sông, đại địa nhập vào thân mình, giống như hư không, không bị chướng ngại, không còn thấy sắc tướng. Kế đến, quán tưởng tự thân, hoặc to lớn trùm khắp hư không, nằm ngồi tự tại, hoặc nằm hoặc ngồi, lấy tay sờ mó mặt trời mặt trăng, hoặc quán tưởng tự thân nhập vào trong vi trần, tất cả đều không bị chướng ngại.

A Nan dạy xong, Đề Bà bèn tìm một nơi yên tĩnh, trong bảy ngày đêm, nhất tâm chuyên chú tập luyện, chứng đắc thần thông. Tất cả đều được thành tựu, đều

được tự tại. Sau đó, ông ta bèn đến cung điện thái tử, bay lên không trung, hiện đại thân biến. Thân trên phun nước, thân dưới phun lửa; hoặc hông trái phun nước, hông phải phun lửa, hoặc hiện thân lớn, hoặc hiện thân nhỏ, nằm ngòai trên không, tùy ý tự tại. Thái tử thấy vậy, bèn hỏi cận thần: “Vị này là ai?” Cận thần trả lời: “Đó là tôn giả Đề Bà”. Thái tử nghe thế, tâm rất hoan hỷ, bèn vẫy tay gọi: “Tôn giả sao không xuống đây?” Đề Bà nghe gọi, bèn biến thành một hài nhi, nằm trên đùi thái tử. Thái tử ôm hài nhi vào lòng, hun hít vào mũi, sau đó nhỏ nước bọt vào miệng nó, hài nhi bèn nuốt vào bụng. Một lát sau, hoàn hiện thân cũ. Thái tử thấy Đề Bà hiện nhiều thân biến, càng thêm bội phục. Đề Bà thấy thái tử kính ngưỡng mình, bèn tâu lên chuyện vua cha cúng dường Đức Phật năm trăm xe phẩm vật. Thái tử nghe xong bèn nói với Đề Bà: “Ta cũng có thể cúng dường năm trăm xe phẩm vật cho tôn giả và chúng tăng. Lẽ nào không bằng Phật!” Đề Bà nói: “Ý kiến tuyệt diệu!” Từ đó về sau, Đề Bà được cúng dường trọng hậu, càng lúc càng trở nên kiêu mạn. Ví như lấy gậy đập vào mồm chó, làm cho nó càng hung dữ, việc cúng dường này cũng tương tự như vậy. Thái tử đem gậy lợi dưỡng đập vào mồm chó Đề Bà, làm cho ông ta càng lúc càng thêm hung ác.

Do nhân duyên này, Đề Bà bèn khởi tâm phá tăng, cải đổi giới luật của Phật, tuyên truyền dị kiến. Nhân lúc Đức Phật đang giảng pháp cho đại chúng, Đề Bà bèn đến trước Phật nói: “Đức Phật đã lão suy, phải nên tìm nơi hẻo lánh tịnh dưỡng, yêu cầu ngài giao chúng tăng cùng pháp tạng cho tôi chưởng quản”. Mọi người nghe xong, đưa mắt nhìn nhau, cảm thấy vô cùng quái lạ.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở trước đại chúng nói với Đề Bà: “Các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên thuộc hàng trưởng lão mà ta còn chưa đem Phật pháp giao phó, huống chi ông là kẻ uống nước bọt người khác!” Đề Bà nghe Phật hủy nhục mình trước đại chúng, như bị tên độc bắn trúng tim, càng trở nên điên cuồng sân hận. Sau đó, ông ta đến cung thái tử mưu bàn gian kế. Thái tử thấy Đề Bà liền hỏi: “Hôm nay tôn giả vì sao mặt mũi tiều tụy, không giống mọi lần?” Đề Bà trả lời: “Thái tử biết không, Thế Tôn đã già, không thể thống lãnh đại chúng, phải nên phế bỏ, để tôi lên làm Phật. Phụ vương ngài cũng đã già, cũng nên phế bỏ, để thái tử lên làm vua. Vua mới Phật mới, lãnh đạo giáo hóa, như vậy không vui sướng sao?” Thái tử nghe xong, vô cùng phẫn nộ, quát lên: “Chớ buông lời sàm sỡ!” Đề Bà nói: “Thái tử đừng nóng. Nhà vua đối với thái tử hoàn toàn không có ân đức. Lúc hoàng hậu sắp sanh, nhà vua ra lệnh cho hoàng hậu từ trên lầu cao trăm trượng để thái tử rơi xuống đất, mong cho thái tử bị chết. Do vì thái tử phước lớn, cho nên chỉ bị gãy một ngón tay. Nếu như không tin, xin thái tử hãy nhìn ngón tay của mình. Đây là điều minh chứng”. Thái tử nghe xong, hỏi lại lần nữa: “Điều này có thật hay không?” Đề Bà đáp: “Nếu như không thật, chẳng

lễ hạ thần đến đây để bốn cột thái tử?” Nghe xong, thái tử tin lời Đê Bà, và hoàn toàn tuân hành những ác kế của ông ta.

C - Vua cha bị thái tử giam cầm.

Bắt vua cha là Tần Bà Sa La giam trong ngục kín dày đến bảy lớp cửa, Thái tử lại ra lệnh cấm các quan, không cho một ai được đến thăm.



A Xà Thế nghe lời sàm tấu của Đê Bà bèn vội quên đi tình cảm cha con, không những phụ rẫy ơn cha, mà còn bị tiếng xấu bêu rêu khắp chốn.

Hốt nhiên bắt giữ, gọi là giam, bắt lâu không thả, gọi là cầm, cho nên gọi là giam cầm.

Cha, là một biểu hiệu cho sự thân thiết đến cùng cực. Vua, là nêu rõ ngôi vị. Tần Bà là tên. “Giam trong ngục kín dày đến bảy lớp cửa”, mưu tính đã nghiêm trọng, thì việc làm cũng không phải bình thường.

D - Hoàng hậu lên đem thức ăn đến cho vua.

Quốc thái Phu nhân là Vi Đê Hy, vì mến tưởng vua, bà lo nghĩ phương chước cứu giúp. Bà tắm gội sạch sẽ, lấy bột nhồi với sữa và mật thoa dính nơi thân, đồ đầy nước trái nho vào các hạt chuối Anh Lạc, rồi lên đem các thức ấy dâng cho vua.

“Quốc thái Phu nhân”, biểu hiện địa vị cao nhất. Phu nhân là ngôi vị. Vi Đề Hy là tên. “Dâng cho vua”, nghĩa là Phu nhân thấy nhà vua bị giam cầm, thăm viếng rất khó khăn, không có tin tức, sợ rằng nhà vua bị tuyệt mạng, bèn dùng nước thơm tắm gội sạch sẽ, kể đến, lấy tô trộn với mật, phết lên trên thân, kể đến, lấy bột đắp lên trên mặt, xong rồi mặc xiêm y như bình thường, khiến mọi người không chú ý. Lại lấy chuỗi anh lạc, mỗi hạt anh lạc đựng đầy nước nho, kể đó lấy sáp bịt kín lại. Sau khi trang sức xong, bèn đi vào phòng giam gặp nhà vua.

Hỏi: Quân thần còn bị cấm không được gặp nhà vua, tại sao phu nhân là người trong hoàng tộc mà lại không bị cấm chế.

Đáp: Quân thần thân thể khác biệt, lại là người ngoài, e có mưu kế. Còn Phu nhân là người nữ, không có mưu mô, vả lại, Phu nhân có duyên sâu với nhà vua nhiều đời, tình nghĩa vợ chồng sâu nặng, không ai dị nghị, cho nên được phép vào thăm nhà vua.

E - Vua cha nhân bị giam cầm, cầu thỉnh giới pháp.

Tần Bà Sa La vương thọ dụng thức ăn uống xong, xin nước xúc miệng rửa mặt, đoạn chấp tay hướng về núi Kỳ Xà Quật kính lễ Đức Thế Tôn và thưa rằng: "Ngài Đại Mục Kiền Liên là bạn thân của con, xin khởi lòng từ bi truyền cho con giới Bát Quan Trai".

Phu nhân vào gặp nhà vua, liền nạo bột trên thân, vò thành viên dâng lên cho nhà vua ăn. Nhà vua ăn xong, phu nhân bèn xin nước cho vua xúc miệng. Sau đó, không thể lãng phí ngày giờ, mà tâm không chỗ nương tựa, nhà vua bèn cung kính chấp tay hướng về núi Kỳ Xà Quật, đánh lễ Đức Như Lai, thỉnh cầu sự gia hộ. Đây là dùng thân nghiệp kính lễ, mà cũng kèm theo ý nghiệp. Từ “Thưa rằng ...” trở xuống, là nêu lên khẩu nghiệp, mà cũng kèm theo ý nghiệp. Câu “Đại Mục Kiền Liên là bạn thân của con...” có hai nghĩa: (i) Ngài Mục Kiền Liên lúc còn tại thế là người họ hàng của nhà vua, (ii) Sau khi xuất gia, ngài lại là thầy của vua, ra vào cung cấm tự do. Khi còn tại gia gọi là *thân*, sau khi xuất gia gọi là *bạn*, cho nên gọi là *bạn thân*. Câu “xin khởi lòng từ bi truyền cho con giới Bát Quan Trai”, đây là biểu hiện lòng kính trọng Phật pháp sâu xa của nhà vua, xem trọng người khác hơn bản thân mình. Nếu như không bị giam cầm, phụng thỉnh Phật và chur tăng không phải là điều khó khăn, nhưng nay bị nạn giam cầm, không dám làm lao nhọc Đức Thế Tôn, thành thử chỉ thỉnh cầu ngài Mục Kiền Liên đến truyền giới Bát quan trai.

Hỏi: Nhà vua từ xa kính lễ, trước tiên lễ Phật, đến khi cầu giới, lại thỉnh cầu ngài Mục Kiền, đây là có ý gì?

Đáp: Bậc cao nhất trong tất cả phàm thánh, không ai hơn Phật. Vừa khởi tâm phát nguyện, đầu tiên là đánh lễ bậc Đại Sư. Cầu giới chỉ là tiêu duyên, cho nên chỉ thỉnh ngài Mục Liên là đủ. Bởi do nhà vua chỉ cầu đắc giới, cho nên không dám làm lao nhọc đến Đức Như Lai.

Hỏi: Giới pháp của Đức Như Lai rất nhiều, tại sao nhà vua chỉ cầu Bát quan trai giới?

Đáp: Các giới pháp khác phạm vi rộng rãi, lại phải hành trì lâu dài, e rằng có thể vi phạm mà phải luân hồi sanh tử. Còn như giới Bát quan trai, như trong kinh Phật có nói, đây là người tại gia trì giới xuất gia, tâm trì giới này rất vi tế trong khoảng thời gian ngắn. Điều này có nghĩa gì? Vì thời gian ngắn ngủi, chỉ có một ngày đêm, sau đó giới thể tự động xả. Tại sao biết giới này dụng tâm vi tế? Như trong giới văn nói rõ: “Hỏi: Phật tử, từ sáng nay cho đến sáng mai, như chư Phật không sát sanh, có thể giữ được không? Đáp: Giữ được. Kế đến, hỏi: Phật tử, từ sáng nay đến sáng mai, như chư Phật không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không trang điểm, không tự múa hát và đi xem nghe, không nằm giường cao rộng. Tám điều này là *giới*, không phải là *trai*. Còn điều *Quá ngộ không ăn* là *trai* mà không phải là *giới*. Các điều giới này đều dẫn chư Phật làm điển hình. Vì sao? Vì chỉ có chư Phật là dứt sạch phiền não, tập khí. Còn các bậc Đẳng giác trở xuống đều còn tập khí tàn dư, cho nên không dẫn. Do đây biết giới này hành trì rất vi tế. Hơn nữa, Đức Phật nói nếu trì giới này một ngày đêm không phạm thì sẽ có tám công đức, vượt hơn công đức trời người và hàng Nhị thừa. Như các kinh có nói rõ. Vì có lợi ích như thế, cho nên nhà vua mới thọ mỗi ngày.

F - Vì nhờ thỉnh cầu, nên được thánh pháp.

Khi ấy ngài Mục Kiền Liên biết được, liền bay đến chỗ Tần Bà Sa La Vương lẹ như chim ó, chim cắt; mỗi ngày truyền giới Bát Quan Trai cho vua. Đức Thế Tôn cũng sai tôn giả Phú Lô Na vì vua thuyết pháp.



Ngài Mục Liên có tha tâm trí, từ xa biết được ý cầu thỉnh, liền vận thần thông, chỉ trong khoảnh khắc đã đến chỗ nhà vua. Vì e mọi người không biết hành tướng của thần thông, thành thử đem sự nhanh của chim ưng chim ó để ví dụ, thật ra, thần lực của Mục Liên, trong khoảng một niệm, có thể đi quanh bốn châu thiên hạ trăm ngàn lần, lẽ nào chỉ nhanh như loài ưng ó. Những loại so sánh như vậy, trong các kinh đều có nêu ra rất nhiều, chẳng hạn như Kinh Hiền Ngu, v.v...

G - Vua cha được ăn uống đầy đủ lại được nghe pháp cho nên sau nhiều ngày vẫn sống.

Như thế trải qua hai mươi một ngày, nhờ được ăn uống và nghe pháp, nên dung sắc vua hòa nhã tươi vui.

Do phu nhân mỗi ngày đem thức ăn đến, tiêu trừ sự đói khát, hai vị tôn giả đem giáo pháp đến an ủi, làm cho nhà vua khai tâm mở ý. Thức ăn tăng thọ mạng, giới pháp dưỡng tinh thần. Không còn ưu phiền khổ não, cho nên thần sắc nhà vua hòa nhã tươi vui.

---o0o---

3 - Nhân duyên giam cầm mẫu thân

A - Hỏi tin tức phụ vương.

Lúc đó A Xà Thế đến hỏi người giữ ngục rằng : Phụ vương ta hôm nay còn sống chăng?

A Xà Thế giam vua cha nhiều ngày, người bình thường nếu không ăn uống, nhiều lắm khoảng hai tuần thì sẽ chết. A Xà thế giam cha đã hai mươi một ngày, nghĩ rằng đức vua đã chết, cho nên mới đến hỏi rằng vua cha còn sống hay không?

Hỏi: Người thường, không ăn khoảng bảy ngày thì sẽ chết. Vua cha bị giam hai mươi một ngày không cho ăn uống, ắt đã tuyệt mạng. A Xà Thế tại sao không hỏi thẳng: “Vua cha đã chết chưa?”, mà lại có vẻ nghi ngờ hỏi rằng còn sống hay chẳng. Đây là nghĩa gì?

Đáp: A Xà Thế hỏi với ẩn ý. A Xà Thế đã làm vua một nước, không thể tùy tiện hành động. Vua cha đã là tình thân cao tột, không thể trực tiếp hỏi chết hay chưa, e rằng bị người ngoài dị nghị. Tuy trong lòng muốn cha chết, nhưng miệng hỏi còn sống chẳng, ý muốn ngăn ngừa tiếng đồn mình là người ác nghịch.

B - Người giữ ngục trả lời.

Người giữ ngục đáp: "Tâu đại vương! do Quốc Thái Phu nhân thoa bột với mật vào thân và đựng nước trái nho trong hạt chuối đem cung phụng; lại có hai Sa môn là Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na bay đến truyền giới thuyết pháp không thể ngăn cấm, nên hiện tại đức vua vẫn bình yên".

Nghe A Xà Thế hỏi tình hình vua cha, người giữ ngục bèn tâu rõ việc Phu nhân lén đem thức ăn đến, nhà vua được ăn uống đầy đủ, thành thử trải qua nhiều ngày mà vẫn chưa chết. Đây là ý của Phu nhân, chứ không phải lỗi của người giữ ngục.

Hỏi: Phu nhân mang thức ăn, phết bột trên thân, mặc xiêm y kín đáo, ra vào không ai thấy biết, tại sao người canh ngục lại biết tường tận như vậy?

Đáp: Tất cả việc bí mật, không thể hành sự lâu dài. Dù có dấu diếm, lâu ngày cũng bị tiết lộ. Nhà vua đã bị giam trong nội cung, Phu nhân ngày ngày ra vào. Nếu như không đem thức ăn, nhà vua làm sao sống sót. Nay nói “lén lút”, là người giữ ngục thuật lại “mưu kế” của hoàng hậu. Phu nhân cho là làm lén lút, người khác không biết, nào ngờ gã giữ ngục đã biết tường tận sự việc. Không còn cách nào dấu diếm, thành thử gã ta tâu lại sự việc cho A Xà Thế biết.

Câu “Sa môn Mục Liên ...”, nêu rõ việc hai vị tôn giả mỗi ngày từ không trung bay đến thuyết pháp cho vua nghe. Việc phu nhân mang thức ăn, vì không nhận được mệnh lệnh của nhà vua nên không dám ngăn cản, còn hai vị tôn giả từ không trung bay tới, cho nên cũng không cấm chế họ được.

C - A Xà Thế sân nô.

A Xà Thế nghe xong, nổi giận bảo: "Mẹ ta là giặc vì đã làm bạn với kẻ giặc. Bọn Sa môn kia là hạng người xấu, dùng chú thuật làm cho tên ác vương ấy nhiều ngày không chết!" Nói đoạn, rút gươm muốn đến giết mẹ.

A Xà Thế, sau khi nghe lời tâu lại của người canh ngục, trong lòng phẫn nộ, thốt lên lời thô ác. Hơn nữa, còn khởi ba nghiệp nghịch và ba nghiệp ác. Chửi cha mẹ là gian tặc, đây là khẩu nghiệp nghịch; mạ lỵ sa môn, gọi là khẩu nghiệp ác; cầm gươm giết mẹ, gọi là thân nghiệp nghịch; thân khâu tác động, đều do tâm chủ động, đây gọi là ý nghiệp nghịch. Lại nữa, trước đó dấy lên phương tiện gọi là ác, sau đó chánh thức tác động gọi là nghịch.

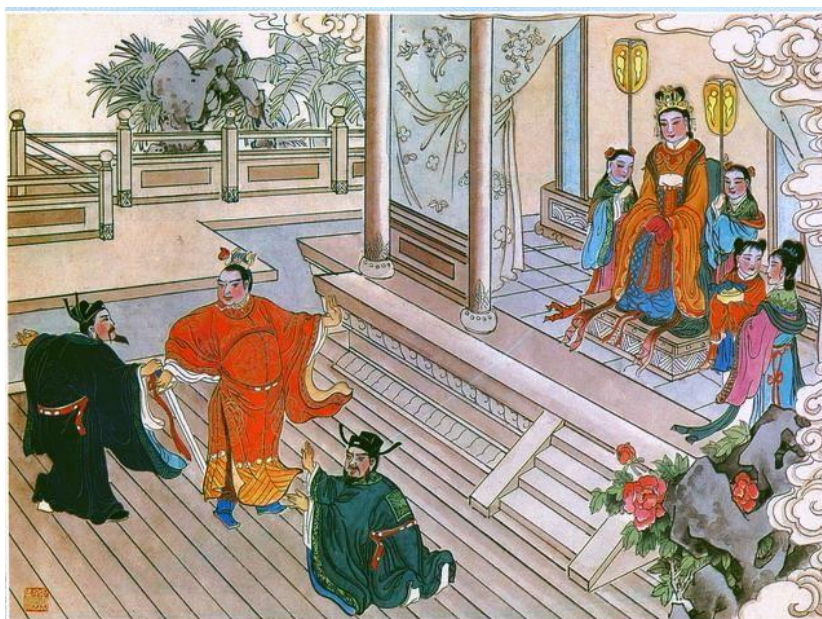
"Mẹ ta là giặc ...": nêu rõ sự thốt lên lời ác. Vì sao gọi mẹ là giặc? Vì là bạn của giặc. A Xà Thế, bản ý là thù người cha, muốn ông ta chết sớm. Người mẹ lại lên lút đem thức ăn, nên ông ta không chết. Cho nên phẫn nộ thốt lên lời chửi rủa *"Mẹ ta là giặc, vì đã làm bạn với kẻ giặc"*.

"Sa môn là hạng người xấu ...", nêu rõ việc A Xà Thế giận mẹ mang thức ăn, lại nghe hai vị sa môn tới nói pháp cho nhà vua, thành thử càng thêm phẫn nộ, nên mới nói: *"Dùng chú thuật làm cho tên ác vương ấy nhiều ngày không chết"*.

"Rút gươm muốn giết mẹ": A Xà Thế phẫn hận đến cực điểm, định tạo tội nghịch với mẹ mình, thật quá đau lòng! Cúi đầu run rẩy, tánh mạng như chỉ mảnh treo chuông. Phu nhân lúc đó, cúi đầu run rẩy, toàn thân ướt đẫm, tâm đau lòng sợ, ô hô thương thay! Trong phút giây hoảng hốt, gặp cảnh khổ vô vàn!

D - Hai vị đại thần can gián.

Đang khi ấy, có vị đại thần thông minh tài trí là Nguyệt Quang, cùng với Kỳ Bà, thấy thế vội quỳ xuống làm lễ và can gián rằng: **"Tâu đại vương! Hạ thần nghe trong Tỳ Đà Luận Kinh nói từ thuở kiếp sơ đến nay những ác vương tham ngôi báu mà giết hại cha, có một vạn tám ngàn người; song chưa từng nghe có ông vua nào giết mẹ. Nay nếu đại vương làm việc ác nghịch trái đạo này, tức là để vết nhơ cho dòng giống Sát Đế Ly, nào khác gì hạng Chiên Đà La. Đây là điều bất nhẫn, ngài không xứng đáng ở ngôi vị này!"**³ Nói xong đứng lên đưa tay dè chuỗi gươm rồi thôi lui quay đi.



Hai vị đại thần là tướng quốc trong triều, làm cương kỷ cho guồng máy quốc gia, khiến cho lân bang kính nể, thân phục. Đột nhiên chứng kiến cảnh ngộ A Xà Thế làm chuyện bội nghịch, cầm gươm định giết mẹ đẻ của mình. Vì không thể nhẫn được việc ác tày trời như vậy, cho nên đã cùng với Kỳ Bà can gián.

“*Đang khi ấy*”, là lúc A Xà Thế đang muốn giết mẹ. “*Cùng với Kỳ Bà*”, Kỳ Bà cũng là con vua Tần Bà Sa La, mẹ là một thị nữ, bỗng nhiên thấy anh mình muốn tạo tội nghịch giết mẹ, bèn cùng Nguyệt Quang đứng ra can gián.

“*Quy xuống làm lễ*”, muốn can gián bậc trên, trước tiên phải đánh lễ biểu lộ sự kính trọng. Hiện nay, hai vị đại thần này cũng thế, trước tiên biểu lộ sự cung kính, để gây sự chú ý của nhà vua, sau đó chấp tay cúi đầu, bày tỏ ý kiến của mình.

“*Và can gián rằng*”, đây là Nguyệt Quang, trước khi bày tỏ ý kiến, muốn A Xà Thế chú ý lắng nghe, vì thế phải bắm bạch trước.

“*Hạ thần nghe trong Tỳ Đà Luận Kinh*”, nêu rõ việc dẫn chứng kinh điển của cổ thánh tiên hiền. Người xưa nói: “Người quân tử cảm thấy rất hổ thẹn nếu lời nói của mình không có dẫn chứng kinh điển”.⁴ Hiện nay, lời can gián rất trọng đại, lẽ nào dám ăn nói hồ đồ, toàn vô chứng cứ.

“*Từ thuở kiếp sơ đến nay*”, nêu lên thời gian. “*Những tên ác vương*”, nêu tổng quát những kẻ bạo nghịch phi lễ.

“*Tham ngôi báu*”, nêu việc tham đoạt ngôi của vua cha.

“*Giết hại cha*”, nêu rõ việc đối với vua cha khởi ác nghịch, không thể dằng co, thành thử phải đoạn mệnh.

“*Một vạn tám ngàn người*”, nếu bệ hạ giết cha, thì cũng giống như số người này.

“*Chưa từng nghe ông vua nào giết mẹ*”, nêu rõ từ xưa đến nay, giết cha đoạt ngôi, sách vở cũng từng ghi chép, đến như tham ngôi giết mẹ, đây là việc chưa từng có! Nếu như luận bàn việc từ kiếp sơ đến nay, ác vương tham ngôi, chỉ giết cha mình, chứ chưa hề giết mẹ. Điều xảy ra hôm nay khác hẳn thói thường. Bệ hạ hôm nay tham ngôi giết cha, vì cha có ngôi vị để tranh đoạt, có thể nói là tương tự theo thói thường. Mẹ chẳng có ngôi vị để đoạt, nếu như tạo tội nghịch, thì đây là chuyện trái ngược cổ kim, cho nên nói: “*Nay nếu đại vương làm việc ác nghịch trái đạo này, tức là để vết nhơ cho dòng giống Sát Đế Lợi*”. Sát Đế Lợi là giai cấp quý tộc trong bốn giai cấp ở Ấn Độ, đời đời truyền thừa, không giống hạng bình dân.

“*Nào khác gì hạng Chiên đà la*”, đây là hạng không thuộc bốn giai cấp (Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá và Thủ đà la). Hạng người này tính tình hung ác, không biết nhân nghĩa, tuy mang thân người, sống tự cảm thú. “*Bệ hạ dòng dõi cao sang, lại là chúa tể của một nước lớn. Hôm nay khởi việc ác nghịch, thì có khác gì với hạng Chiên đà la*”.

“*Đây là điều bất nhân*”, nhà vua gây tạo việc ác, tổn hại, ô nhục xã tắc, tiếng xấu loan truyền, đây là điều ô nhục, làm mọi người bất nhân.

“*Ngài không xứng đáng ở ngôi vị này*”. Có hai nghĩa: .1. Hiện nay, đại vương tạo ác, không màng đến lễ nghĩa gia phong, đất nước này há để cho một gã chiên đà la thống lãnh hay sao? .2. Đại vương trị vì quốc gia, lại tổn hại tông thân của chúng tôi, chỉ bằng truất phế ngài đến nơi hẻo lánh hoang vu, không còn ai biết đến.

“*Hai vị đại thần nói xong*”, hai vị đại thần dùng lời thẳng thắn can gián, dẫn chứng cổ kim, tuy có phạm thượng, nhưng chỉ mong nhà vua hồi tâm tỉnh ngộ.

“*Đưa tay đè chuôi gươm*”, hai quan đại thần đưa tay nắm lấy chuôi gươm, cử chỉ thị oai và tỏ ý quyết liệt.

Hỏi: Lời can gián thô ác, không sợ phạm thượng, tình nghĩa quân thần đã sút mẻ, tại sao không quay lưng bỏ đi, mà lại thụt lùi thoái bước?

Đáp: Lời thô tháo làm nghịch ý vua, mục đích để A Xà Thế ngừng tay không giết mẹ. E con giận của vua chưa tan, có thể dùng gươm gia hại, cho nên lấy tay đè chuôi gươm tự vệ, thụt lùi đi ra.

E - A Xà Thế lo sợ.

A Xà Thế nghe qua kinh sợ, bảo Kỳ Bà: "Ông không vì ta sao?"

A Xà Thế thấy hai vị đại thần buông lời thô tháo can ngăn, lại thấy họ tay nắm chuôi gươm đi ra, sợ họ phản mình theo phe vua cha, bàn tính chuyện mưu phản, cho nên trong lòng bất an, cảm thấy sợ hãi.

Kỳ Bà là em của vua. Cổ nhân nói: “Nhà có suy họa, không phải người thân thì không cứu.⁵” Ông là em ta, chả lẽ lại cũng giống như Nguyệt Quang!

F - Hai vị đại thần can gián lần nữa.

Kỳ Bà thưa: "Nếu đại vương muốn cho chúng tôi ở lại giúp đỡ, xin đừng giết hại Quốc Thái".

Kỳ Bà trả lời: “Nếu muốn chúng tôi ở lại phò trợ, xin đừng giết hại Phu nhân”.

G - A Xà Thế nghe lời can gián, tha chết cho mẹ.

A Xà Thế nghe nói, tỏ vẻ ăn năn vội cắt gươm bỏ ý nghĩ giết mẹ.

A Xà Thế được Kỳ Bà can gián, cảm thấy hối hận việc mình đang làm, liền tha chết cho bà mẹ, tra gươm vào vỏ.

H - A Xà Thế giam mẹ vào thâm cung.

Sai nội quan cầm giữ Quốc Thái Phu nhân trong thâm cung, không cho ra ngoài nữa.

A Xà Thế tuy nghe lời can gián tha chết cho mẹ, nhưng vẫn còn giận bà mẹ đã thông đồng với vua cha, bèn ra lệnh nội quan giam mẹ vào trong thâm cung, không cho ra ngoài để gặp vua cha nữa.

---o0o---

4 - Chán sự khổ Ta bà

A - Phu nhân bị giam cầm.

Vi Đề Hy bị u cấm, sầu lo tiêu tụy,

Phu nhân tuy thoát được cái chết, nhưng bị giam trong thâm cung, canh giữ nghiêm mật, không cách nào ra ngoài. Trong lòng lúc nào cũng ưu buồn, càng lúc càng trở nên tiêu tụy. Kệ rằng:

Hôm nay gặp họa khổ

Bị vua A Xà Thế
Rút gươm định đoạt mạng
Lại bị giam vào cung.

Hỏi: Phu nhân đã được thoát chết, trở về cung cấm, đáng lẽ phải lấy làm vui mừng, vì sao lại sầu lo, tiêu tụy.

Đáp: Có ba nghĩa khác nhau: 1. Phu nhân bị giam cầm, không còn ai đem thức ăn đến cho đức vua; nếu nghe bà gặp nạn, đức vua sẽ càng trở nên ưu sầu. Hơn nữa, nếu không ai đem thức ăn, nhà vua ắt sẽ không còn sống bao lâu nữa. 2. Phu nhân bị giam cầm, không còn cơ hội gặp Phật và các vị đệ tử. 3. Phu nhân bị giam trong thâm cung, canh giữ nghiêm mật, lo sợ cho tánh mạng của chính mình, không biết còn sống được bao lâu. Vì ba lý do này bức bách thân tâm, lẽ nào không tiêu tụy.

B - Phu nhân, nhân vì bị giam thỉnh Phật.

Xa trông về núi Kỳ xà quật đánh lễ Phật và bạch rằng: "Đức Như Lai Thế Tôn ! Lúc trước Ngài thường bảo hiền giả A Nan đến thăm viếng và khuyên dạy con. Nay con có việc lo buồn, không làm sao còn được thấy oai nghi trang trọng của đấng Thiên Nhơn Sư nữa! Xin Đức Thế Tôn thương xót cho hai vị tôn giả Mục Liên, A Nan đến dạy dỗ con". Bạch xong lời ấy, bà thương khóc nước mắt rơi xuống như mưa, hướng về chỗ Phật thường ngự, cúi đầu đánh lễ.

Phu nhân do vì bị giam cầm, không thể nào đi đến gặp Phật, chỉ còn biết cách đem tâm thành, hướng về phía núi Kỳ Xà Quật, kính lễ đức Thế Tôn, nguyện Phật từ bi, hiểu rõ lòng sâu khổ của bà.

"Đức Như Lai Thế Tôn, lúc trước ngài thường bảo hiền giả A Nan v.v...", có hai nghĩa: 1. Lúc vua Tần Bà Sa La chưa bị giam cầm, hoặc đức vua hoặc con thường đến nơi Phật, hoặc có lúc đức Như Lai đến cung điện thọ trai. Hiện nay, bà và đức vua đều bị giam cầm, không còn nhân duyên được gặp đức Phật. 2. Từ lúc đức vua bị giam vào ngục, Thế Tôn thường sai tôn giả A Nan đến an ủi bà. Vì sao? Ngài thấy đức vua bị tù tội, sợ phu nhân ưu sầu, cho nên sai ngài A Nan đến thăm nom an ủi.

"Không làm sao còn được thấy oai nghi trang trọng của đức Thiên Nhơn Sư nữa", Phu nhân sùng thượng đức Phật, cảm thấy mình thấp kém. Thân nữ kém hèn, phước đức mỏng manh, đức Phật uy đức cao dày, không dám tùy tiện làm phiền đến Phật. Chỉ nguyện ngài sai các đệ tử như Mục Liên, v.v... đến an ủi là đủ.

Hỏi: Đức Như Lai là giáo chủ, tùy thời cơ mà hóa hiện, tại sao phu nhân không khẩn cầu ngài mà lại chỉ mong các ngài Mục Liên, v.v... Đây là có ý gì?

Đáp: Đức Phật uy đức tôn nghiêm, nếu chỉ là nhân duyên nhỏ thì không dám thỉnh. Phu nhân nguyện gặp tôn giả A Nan, để nhờ tôn giả truyền đạt những ý nguyện của mình đến đức Thế Tôn, hầu mong Thế Tôn ban bố chỉ dạy cho bà tu tập. Vì lý do này nên mong gặp ngài A Nan.

“Thương khóc nước mắt như mưa”, Phu nhân tự nghĩ mình tội chướng sâu nặng, cầu mong đức Phật thương xót, lòng thỉnh cầu tha thiết, nước mắt lưng tròng. Vì lòng mong cầu khẩn thiết, gập mình cúi lạy, đang lúc rạp đầu trên đất, tâm trạng bàng hoàng, chưa kịp ngẩng đầu lên.

C - Thế Tôn tự đến vương cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ở núi Kỳ Xà Quật biết rõ tâm niệm bà Vi Đề Hy, liền bảo hai tôn giả Mục Kiền Liên, A Nan theo lời thỉnh cầu bay đến cấm thất. Và chính Ngài cũng ẩn thân tại núi Kỳ Xà Quật, hiện ra nơi vương cung. Khi bà Vi Đề Hy lạy xuống vừa ngước đầu lên, đã thấy Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sen bách bảo, thân sắc tử kim rực rỡ bên tả có Mục Liên, bên hữu có A Nan đồng đứng hầu. Trên hư không, các Phạm Vương, Đế Thích và hộ thế chư thiên mưa nhiều thứ hoa đẹp ở cõi trời phơi phới bay xuống để cúng dường Phật.

Đức Thế Tôn tuy ở núi Kỳ Xà Quật, nhưng đã biết trước tâm niệm của phu nhân Vi Đề Hy.

“Bảo hai tôn giả Mục Kiền Liên và A Nan ...”, ứng theo lời thỉnh cầu của Phu nhân.

“Chính Ngài cũng ẩn thân tại núi Kỳ Xà Quật”, Phu nhân Vi Đề Hy ở trong thâm cung canh phòng nghiêm mật, nếu đức Phật hiện thân đi đến, e rằng A Xà Thế hay tin, sẽ làm khó khăn trong việc gặp gỡ, do nhân duyên này Ngài bèn ẩn hình nơi núi Kỳ Xà Quật, và hiện thân nơi cung cấm.

“Khi bà Vi Đề Hy lạy xuống vừa ngước đầu lên”, đây là lúc bà Vi Đề Hy đang đánh lễ Phật.

“Đã thấy Đức Thế Tôn”, đức Thế Tôn đã xuất hiện nơi cung cấm, cho nên khi Phu nhân vừa ngẩng đầu lên là thấy được Phật.

“Thích Ca Mâu Ni”, để phân biệt với Phật khác. Chư Phật tên giống nhau, thân tướng cũng không khác. Hiện nay nêu tên Thích Ca Mâu Ni, để cho không lầm với Phật khác.

“*Phạm Vương Đế Thích và hộ thể chư thiên*”, các vị trời thấy Đức Thế Tôn ẩn thân nơi Kỳ Xà Quật, hiện thân nơi cung cấm, biết ngài sẽ thuyết pháp đặc biệt hiếm có, cho nên nhân cơ hội này, muốn được lợi ích nghe pháp chưa từng nghe, bèn cùng nhau tụ tập trên không trung, rải hoa cúng dường.

“*Hộ thể*”, tức là tứ đại thiên vương.

“*Chư thiên*”, tức là các trời cõi dục giới, sắc giới, v.v.. Thấy bốn vị hộ thể thiên vương đến hầu đức Phật, bèn cùng nhau hiện đến, nghe pháp cúng dường.

D - Phu nhân ngẩng đầu thấy Phật, liền thốt lời than van oán kết sâu nặng.

Vi Đề Hy Phu nhân thấy Đức Thế Tôn, liền tự bứt chuỗi Anh Lạc đeo nơi thân, gieo mình phủ phục xuống đất, khóc lóc và thưa rằng: Bạch Đức Thế Tôn ! Kiếp trước con có tội chi nay sanh ra đũa con ác này. Và Đức Như Lai lại có nhân duyên gì, mà cùng với Đề Bà Đạt Đa đồng làm quyến thuộc?

“*Liền tự bứt chuỗi Anh Lạc*”, thân của Phu nhân vẫn còn đeo chuỗi Anh Lạc, do vì lòng thương đối với đức vua còn sâu đậm. Bỗng nhiên thấy Đức Như Lai, cảm thấy hổ thẹn bèn bứt chuỗi ngọc đi.

Hỏi: Tại sao phải bứt chuỗi đi?

Đáp: Phu nhân là bậc mẫu nghi thiên hạ, cao sang quyền quý. Mỗi nhu cầu của bà đều do những người chung quanh cung phụng, mặc áo thay xiêm cũng khiến người khác phục dịch. Nay thấy Đức Phật, cảm thấy hổ thẹn thân phận, không dám theo lệ thường, vội vàng tự mình bứt chuỗi Anh Lạc xuống.

“*Gieo mình phủ phục xuống đất*”, trong lòng Phu nhân ôm ấp nhiều nỗi oán hận, sâu khổ vô vàn, cho nên đang từ ngời đến đứng, từ đứng đến phủ phục trên đất. Đây là do nỗi oán hận sâu nặng, không còn nghĩ đến uy nghi lễ bái.

“*Gào khóc*”⁶, Phu nhân lăn lộn gào khóc trước mặt Đức Phật.

“*Bạch Đức Thế Tôn ...*”, Phu nhân lăn lộn khóc lóc, một lúc sau tỉnh lại, mới chân chính oai nghi, chấp tay bạch Phật: “Con từ trước đến nay chưa từng tạo tội đại ác, không biết đời trước tạo ác nghiệp gì mà nay phải làm mẹ con với đũa như vậy?” Đây là vì Phu nhân nghiệp chướng sâu dày, không hiểu nhân duyên đời trước, hiện nay bị con làm hại, lại cho rằng vô cớ. Nguyên Đức Phật từ bi, chỉ cho bà lối thoát.

“*Đức Thế Tôn lại có nhân duyên gì v.v...*”, Phu nhân đối trước Đức Phật bày tỏ tâm sự: “Con là phạm phu, tội chướng vô cùng, hiện có những ác báo này, cũng phải cam tâm. Còn Đức Thế Tôn tu hành bao nhiêu kiếp, phiền não, tập khí đều

tiêu trừ, trí tuệ rạng ngời, thành tựu Phật quả, không rõ vì nhân duyên nào mà lại làm quyền thuộc của Đề Bà Đạt Đa”. Câu hỏi này có hai nghĩa: .a. Phu nhân oán hận con mình bỗng nhiên điên cuồng tạo tội ác nghịch đối với cha mẹ. .b. Lại oán hận Đề Bà, mưu kế gian ác. Nếu không phải vì Đề Bà, đứa con mình không bao giờ có mưu ý này. Do nhân duyên này nên đặt câu hỏi với Phật.

Lại nữa, Phu nhân hỏi Phật “*Cùng với Đề Bà Đạt Đa đồng làm quyền thuộc*”, có hai nghĩa: .a. Tại gia quyền thuộc: Chú bác của Phật có bốn người: Đức Phật là con vua Bạch Tịnh, Kim Tỳ là con vua Bạch Phạn, Đề Bà là con vua Hộ Phạn, Thích Ma Nam là con vua Cam Lộ Phạn. Đây là quyền thuộc tại gia. .b. Xuất gia quyền thuộc: các vị hoàng tử kia xuất gia làm đệ tử Phật, cho nên gọi là nội quyền thuộc.

---o0o---

5 - Cầu sự vui Cực Lạc

A - Phu nhân, trước cầu thỉnh chung, sau nêu riêng cõi khổ.

Cúi xin Đức Thế Tôn vì con giảng giải rộng những cõi nào không còn lo buồn khổ lụy để con được vãng sanh về đó. Hiện nay con rất nhàm chán cõi Diêm Phù Đề như khổ.

Phu nhân gặp cảnh ngộ khổ đau, cảm nhận thế gian vô thường; sáu nẻo giống nhau, không nơi nào là chỗ có thể an tâm nương tựa. Sau khi nghe Phật nói các cõi tịnh độ vô sanh, bà bèn nguyện xả bỏ uesthân, cầu chứng được niềm vui tịch lạc.

B - Phu nhân nêu lên cõi mà mình nhàm chán.

Bởi cõi (trước ác) này đầy đầy chúng địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, cùng nhiều điều lỗi làm xấu ác. Con nguyện kiếp sau không còn thấy người dữ, không còn nghe tiếng ác nữa !

Cõi Diêm Phù Đề này toàn là ác trước, chẳng có gì đáng tham luyến, chỉ là huyền hóa, mê hoặc kẻ ngu, khiến họ đau khổ lâu dài.

“*Cõi trước ác*”, nêu rõ cảnh giới khổ; nêu lên khí thế giới (y báo), nghĩa là cảnh giới mà chúng sanh nương vào đó mà sanh tồn.

“*Địa ngục, v.v...*”, nêu lên quả báo nặng nhất của ba ác đạo.

“*Đầy đầy*”, ba khổ tụ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) này không phải chỉ riêng Diêm Phù Đề mà còn đầy khắp cõi Ta Bà.

“*Nhiều điều lỗi làm xấu ác*”, ba cõi, sáu nẻo không đồng, hằng sa chủng loại, tùy tâm mà có sự sai khác. Kinh nói: “Nghiệp có thể trang nghiêm (tác động

lên) thức (nghiệp thức), các cõi giới trong mười phương ba đời, tùy nghiệp mà thọ quả báo, đối diện không biết nhau.⁷”

“*Nguyện con kiếp sau ...*”, Phu nhân thấu rõ cội nguồn, nhằm sự khổ Ta Bà, cầu niềm vui vô vi vĩnh viễn thường lạc. Thế nhưng cõi vô vi (Niết bàn) không phải thoát nhiên có thể chứng được, cõi khổ Ta Bà cũng không phải đột nhiên có thể xa lìa. Trừ phi khởi phát chí nguyện kiên cố, vĩnh viễn đoạn tuyệt cội gốc sanh tử; nếu như không theo bước chân Đức Từ Tôn, làm sao có thể tránh khỏi sự đau khổ triền miên này!

“*Không còn thấy người dữ, không còn nghe tiếng ác*”, Như A Xà Thế giết cha, Điều Đạt phá tăng, ... cùng những tiếng xấu ác, bà cũng không muốn thấy, muốn nghe nữa. A Xà Thế đối với người sanh ra mình còn khởi tâm ác nghịch giết hại, huống chi là những người xa lạ mà không khởi tâm giết hại nhau. Cho nên Phu nhân không phân biệt thân sơ, đều muốn xa lánh tất cả.

C - Cõi tịnh độ diệu lạc, nếu không có căn lành không thể sanh về. Phu nhân e rằng mình còn nhiều tội chướng, không thể vãng sanh.

Nay con gieo năm vóc trước Đức Thế Tôn, tha thiết cầu xin sám hối!

Bởi thế Phu nhân cầu Phật thương xót, thành tâm sám hối.

D - Phu nhân thỉnh Phật nói chung các pháp hành.

Nguyện Đấng Đại Từ soi ánh huệ nhật, chỉ dạy cho con phép quán để sanh về chỗ nghiệp lành thanh tịnh.

Phía trên, Phu nhân cầu thỉnh cõi tịnh để vãng sanh, ở đây, Phu nhân cầu thỉnh pháp tu để vãng sanh.

“*Đấng Đại Từ soi ánh huệ nhật*”, ví như mặt trời xuất hiện, bóng tối đều bị diệt trừ; trí tuệ Phật ánh sáng huy hoàng, phá tan bóng tối đêm dài vô minh.

“*Dạy con phép quán ...*”, đã có thể nhằm cội khổ mong cõi lành, nếu như chuyên tâm quán tưởng, ắt sẽ được vãng sanh về cõi thanh tịnh.

E - Thế Tôn hiện chung các cõi Tịnh Độ, đáp ứng lòng mong cầu của phu nhân.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, từ nơi tướng bạch hào giữa đôi mi, phóng ra ánh sáng vàng rực rỡ soi khắp vô lượng thế giới ở mười phương. Hào quang ấy trở lại trụ trên đỉnh của Phật, hoá thành đài vàng như núi Tu di.

Những cội nước trong sạch nhiệm màu của chư Phật mười phương đều hiện rõ nơi toà quang minh đó. Trong vô số quốc độ ảnh hiện ấy, có cội do bảy báu hợp thành, có cội thuần là hoa sen, có cội trắng lệt như cung trời Đại tự tại, có cội sáng suốt như gương pha lê.

Nêu rõ việc Thế Tôn hiện cảnh các cội Tịnh Độ, đáp ứng lời thỉnh cầu của phu nhân. Đây là do Đức Thế Tôn thấy phu nhân cầu sanh tịnh độ, thành thử phóng hào quang chiếu khắp mười phương. Ánh hào quang này chiếu khắp mười phương, nhiếp thâu các cội nước, sau đó quay về đánh môn Đức Phật, hiện thành kim đài, vĩ đại như núi Tu Di. Các cội Phật mười phương đều hiện trong đó, hình dạng không đồng, sự trang nghiêm cũng khác biệt. Do thần lực của Đức Phật, tất cả đều hiển hiện rõ ràng, đồng thời nhờ sự gia bị của Ngài mà bà Vi Đề Hy đều được thấy rõ ràng, tường tận.

Hỏi: Bà Vi Đề Hy thỉnh cầu Đức Phật nói về các cội thanh tịnh vô ưu, tại sao Đức Phật không giảng nói tường tận, mà lại hiện các cội Phật trong kim đài. Điều này có ý gì?

Đáp: Đây là mật ý của Phật. Tuy bà Vi Đề Hy thỉnh Phật giảng thuyết rộng rãi về pháp môn Tịnh Độ. Nếu Đức Phật chỉ giảng giải bằng ngôn từ, e rằng phu nhân không thấy, tâm lại khởi lên nhiều nghi hoặc. Vì thế ngài đã hiện bày tất cả cội Phật rõ ràng trước mắt, để cho phu nhân tùy tâm tuyển chọn.

F - Phu nhân quán sát các cội, cảm tạ ơn Phật.

Bà Vi Đề Hy phu nhân quan sát kỹ các Phật quốc rồi thưa rằng : Bạch Đức Thế Tôn! Các tịnh độ ấy tuy đều nghiêm sạch và có ánh quang minh.

Phu nhân thấy tất cả cội Phật mười phương, tuy mỗi cội đều trang nghiêm thù thắng, nhưng nếu so với sự trang nghiêm của cội Cực Lạc, thì đều không đáng kể. Cho nên nói: “Nay con chỉ thích sanh về thế giới Cực Lạc”.

Hỏi: Chư Phật mười phương, về phương diện đoạn trừ hoặc chướng, đều giống như nhau, không có sự khác biệt, tu hành viên mãn, chứng quả Bồ Đề, đều không sai khác. Tại sao cùng là những cội Tịnh độ mà lại có sự hơn kém (Hán: thắng liệt)?

Đáp: Phật là Đấng Pháp Vương, thần thông tự tại, sự hơn hay kém, không phải là chỗ mà phàm phu có thể hiểu được. Ẩn (che dấu), hiển (hiện bày) tùy theo cơ nghi, chỉ mong chúng sanh được lợi ích. Biết đâu Đức Thế Tôn che dấu sự thù thắng của các cội kia, mà chỉ hiển bày sự thù thắng của cội Cực Lạc.

G - Phu nhân chọn cội Phật mà mình mong cầu.

Nhưng nay con chỉ thích được sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Cõi tịnh độ A Di Đà là do bốn mươi tám nguyện kết thành. Mỗi nguyện đều là nhân duyên thù thắng. Nương vào nhân duyên thù thắng phát khởi công hạnh thù thắng, nương vào công hạnh thù thắng thu hoạch quả báo thù thắng, nương vào quả báo thù thắng thu hoạch y báo thù thắng, y báo cảm thành cõi nước Cực Lạc, y vào cõi Cực Lạc hiển bày sự từ bi hóa độ, y vào sự từ bi hóa độ, hiển khai cánh cửa trí tuệ. Tâm bi vô tận thì trí tuệ cũng sẽ vô cùng. Bi, trí song hành, ắt sẽ tưới rót Cam Lộ, pháp âm phổ nhuận, nhiếp hóa chúng sanh. Các kinh điển khác cũng khuyến khích vãng sanh rất nhiều; chư thánh hiền cũng đồng tâm xưng dương, chỉ dẫn. Có nhân duyên này, cho nên Đức Như Lai đã *bí mật sai khiến* Phu nhân tuyển chọn vãng sanh Cực Lạc.

H - Phu nhân thỉnh cầu pháp tu vãng sanh.

Cúi xin đức Thế Tôn dạy con phép tư duy và chánh thọ.

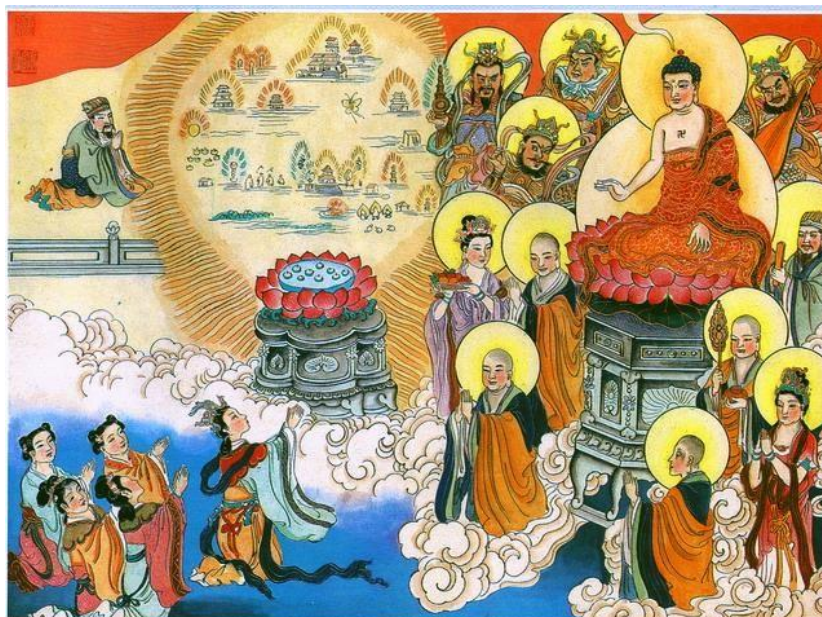
Phu nhân Vi Đề Hy tuy chọn cõi Cực Lạc, nhưng vẫn phải còn tu tập công hạnh vãng sanh, vì thế muốn cầu tu pháp quán để gây nhân duyên về Tịnh độ. “*Dạy con phép tư duy*”, đây là tiền phương tiện của “định”, tư duy, ức niệm y báo, chánh báo cùng bốn sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc.

---o0o---

6 - Dạy pháp môn Tán thiện

A - Quang minh của Phật làm lợi ích cho nhà vua.

Khi ấy đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi miệng tuôn ra năm sắc quang minh, mỗi tia sáng đều chiếu đến đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La. Lúc đó Tần Bà Sa La vương tuy bị giam cầm song tâm nhãn không chướng ngại từ nơi xa trông thấy đức Thế Tôn liền cúi đầu đánh lễ, đạo căn tự nhiên tăng tiến, chứng được quả A Na Hàm.



Đức Như Lai thấy bà Vi Đề Hy nguyện sanh Cực Lạc, lại còn thỉnh cầu pháp tu vãng sanh, đúng với bốn hoài của Phật, lại cũng hợp với ý nguyện của Đức Di Đà. Nhân hai lời cầu thỉnh này, Đức Bổn Sư bèn nói rộng về pháp môn Tịnh độ. Không chỉ riêng bà Vi Đề Hy được vãng sanh, mà tất cả chúng sanh thấy nghe đều sẽ dự phần. Do sự lợi ích này mà Đức Như Lai đã mỉm cười.

“Từ nơi miệng (Phật) tuôn ra năm sắc quang minh”, đây là uy nghi thường thấy của tất cả chư Phật. Nếu phóng quang minh, ắt là có sự lợi ích.

“*Mỗi tia sáng đều chiếu đến đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La*”, ánh sáng không chiếu nơi nào khác, mà chỉ chiếu đến đỉnh đầu của nhà vua. Tùy nơi trên thân Phật mà ánh sáng phóng ra có sự lợi ích khác nhau. Ánh sáng từ lòng bàn chân làm lợi ích cõi địa ngục. Ánh sáng từ âm tàng (bộ phận sanh dục) làm lợi ích cõi quỷ thần. Ánh sáng từ đầu gối làm lợi ích cõi súc sanh. Ánh sáng từ rốn làm lợi ích cõi a tu la. Ánh sáng từ tim làm lợi ích cõi người. Ánh sáng từ miệng làm lợi ích bậc Nhị thừa. Ánh sáng từ giữa chân mày làm lợi ích bậc Đại thừa. Nay ánh sáng từ miệng phóng ra, chiếu thẳng đến đánh đầu nhà vua, tức là thọ ký ông ta đắc quả Tiều thừa. Nếu từ giữa chân mày Phật phóng ra, rồi trở lại nhập vào đánh của Phật, tức là thọ ký thành Phật. Những ý nghĩa như vậy, thật nhiều vô lượng, không thể tả hết.

“*Lúc đó Tần Bà Sa La vương tuy bị giam cầm ...*”, nhà vua được quang minh chiếu vào đánh đầu, tâm nhãn được khai thông, tuy ở cách xa Đức Phật, nhưng vẫn trông thấy Ngài. Đây là do quang minh mà bỗng nhiên được thấy Phật, cho nên vội vàng đánh lễ quy y, liền được tăng tiến chứng đắc thánh quả A na hàm (Tam quả).

B - Đức Phật đáp ứng lời thỉnh cầu của Phu nhân về pháp tu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy: Bà có biết chăng? Phật A Di Đà cách đây không xa, bà nên hệ niệm và quán sát kỹ cõi nước kia, tất tịnh nghiệp sẽ được thành tựu. Nay ta vì bà nói rộng các thí dụ.

Từ lúc Đức Như Lai rời Kỳ Xà Quật đến Vương cung đến giờ, Ngài hoàn toàn ngồi im lặng, chưa nói lời nào. Trong khoảng trung gian, nào là Phu nhân sám hối, thỉnh cầu, phóng quang, hiện cõi Phật, v.v... đều là do ngài A Nan thấy những sự việc xảy ra tại vương cung, sau khi trở về núi Kỳ Xà, thuật lại cho đại chúng nghe.

“*Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy ...*”, đức Phật hứa sẽ giảng cho Phu nhân.

“Phật A Di Đà cách đây không xa”, đây là nêu lên cảnh (đối tượng) để tâm trụ vào đó. Có ba nghĩa: .i. Khoảng cách không xa, cõi Cực Lạc cách xa cõi Ta Bà chỉ có mười vạn ức cõi Phật. .ii. Đạo lý không xa, chỉ cần một niệm liền đến. .iii. Bà Vi Đề Hy cùng các chúng sanh đời vị lai, nếu như chú tâm quán niệm, định cảnh tương ứng, hành giả sẽ thường thấy cảnh giới Cực Lạc hiện ra trước mắt.

Do ba nghĩa này nên nói là không xa.

“Bà nên hệ niệm ...”, phạm phu nghiệp chướng sâu nặng, tâm thường phù tán, động loạn. Nếu như không xả bỏ những sự phan duyên⁸, thì tịnh cảnh không thể nào hiển hiện. Đây là Đức Phật chánh thức dạy pháp làm tâm an trụ. Nếu y vào pháp này tu hành, gọi là thành tựu tịnh nghiệp.

“Nay ta vì bà ...”, cơ duyên chưa đủ, không thể chỉ giảng về pháp môn định thiện (tu quán); Đức Phật quán sát căn cơ, bèn nói thêm pháp tu tam phước.

C - Nêu lên căn cơ, khuyên tu được lợi ích.

Cũng khiến cho đời vị lai, tất cả phạm phu muốn tu tịnh nghiệp, được sanh về thế giới Cực Lạc ở phương tây.

Những điều mà Phu nhân thỉnh cầu, lợi ích vô cùng sâu xa, trong đời vị lai, tất cả chúng sanh quy hướng Tịnh độ đều được vãng sanh.

D - Khuyên tu ba phước.

Muốn sanh về cõi ấy, phải tu ba thứ phước: 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, giữ lòng từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2. Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, đừng phạm oai nghi. 3. Phát tâm Bồ đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Ba điều như thế, gọi là tịnh nghiệp.

Tất cả chúng sanh, có hai loại căn cơ: một là định, hai là tán. Nếu chỉ dạy pháp định thiện, thì sẽ không thể thu nhiếp tất cả, do đó đức Như Lai mở bày phương tiện, khai pháp tu ba phước để thích ứng với những chúng sanh tâm tưởng phù tán động loạn.

“*Muốn sanh về cõi ấy*”, nêu rõ chỗ quy hướng.

“*Phải tu ba thứ phước*”, nêu rõ hành môn.

Thế nào là ba phước?

1. “*Hiếu dưỡng cha mẹ*”. Tất cả chúng sanh đều nhờ nhân duyên mà được sanh. Nhờ nhân duyên nào? Hoặc là hóa sanh, hoặc là thấp sanh, hoặc là noãn sanh, hoặc là thai sanh. Trong bốn loại này, mỗi loại lại có bốn loại. Như trong các kinh có nói rõ. Thế nhưng, đã làm nhân cho sự tương sinh, ắt phải có cha mẹ. Đã có cha mẹ, ắt phải có đại ân. Nếu không có cha, nhân của năng sanh ắt không đủ; nếu không có mẹ, duyên của sở sanh cũng không đủ. Nếu không có cả cha lẫn mẹ, ắt sẽ không có chỗ đầu thai. Cần phải có đủ cha mẹ làm duyên, thì mới có chỗ thọ sanh. Nếu muốn thọ sanh, cần phải có nghiệp thức làm nội nhân, dùng cha mẹ làm ngoại duyên; nhân duyên hòa hợp, nên mới có thân này. Do ý nghĩa này, biết rằng ơn cha mẹ rất là sâu nặng. Lúc mẹ mang thai, trong khoảng mười tháng, đi đứng nằm ngồi, thường cảm thấy khổ não, lại lo lúc sanh có thể phải chết vì sản nạn. Sau khi sanh, trong khoảng ba năm, thường nằm chỗ phân dãi của con, giường chiếu y phục cũng không được sạch sẽ. Đứa con đến lúc trưởng thành, chỉ lo thương vợ thương con, đối với cha mẹ, có lúc lại còn sanh tâm chán ghét. Người không biết ơn nghĩa hiếu thảo, thật chẳng khác gì cầm thú.

Lại nữa, cha mẹ là phước điền thế gian lớn nhất, còn Đức Phật là phước điền xuất thế gian lớn nhất. Thế nhưng, khi Đức Phật còn tại thế, gặp lúc đói kém, nhiều người chết đói, xương trắng rải rác khắp nơi, các vị tỳ kheo khát thực khó khăn, không ai bố thí. Đức Phật cho phép các tỳ kheo tản mác qua xứ khác. Sau khi các tỳ kheo đi rồi, chỉ còn một mình ngài vào thành khát thực, từ sáng đến trưa, đến từng nhà gọi cửa, không ai chịu bố thí, bèn mang bình bát không trở về. Lúc đó, có một tỳ kheo đi trên đường, thấy đức Phật, gương mặt hốc hác, giống như bị đói, bèn thưa với ngài: “Bạch Thế Tôn!

Hôm nay ngài khát thực rồi chẳng?” Đức Phật trả lời: “Tỳ kheo! Đã ba ngày nay, ta khát thực không được. Hiện nay đang đói, không còn sức nói chuyện với ông”. Thầy tỳ kheo nghe xong cảm thấy mũi lòng rơi lệ, tự nói thầm: “Đức Thế Tôn là bậc phước điền vô thượng, chỗ nương tựa của chúng sanh. Ta đem ba y này bán, mua lấy một bát cơm cúng dường Phật. Hôm nay thật là đúng lúc”. Nghĩ xong, bèn bán y, mua được một bát cơm, vội vàng đem đến cúng dường Phật. Đức Thế Tôn biết, nhưng vẫn cố ý hỏi: “Tỳ kheo, đang lúc đói kém, mọi

người đang chết đói. Ông từ nơi nào mà xin được một bát cơm trắng như thế này?” Thầy tỳ kheo trình lên sự thực. Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo, ba y là biểu tượng của chư Phật ba đời. Do nhân duyên này mà rất tôn, rất quý, rất nặng, rất ơn. Ông nay đem đôi bát cơm này cúng dường cho ta. Ta rất cảm ơn lòng tốt của ông, nhưng ta không tiêu nổi bát cơm này”. Tỳ kheo bạch Phật: “Đức Thế Tôn là phước điền của ba cõi, còn không tiêu nổi bát cơm này, vậy ai có thể tiêu được”. Đức Phật đáp: “Ông còn cha mẹ hay chẳng?” Đáp: “Dạ còn”. Đức Phật nói: “Ông đem bát cơm cúng dường cha mẹ”. Tỳ kheo nói: “Đức Thế Tôn còn không tiêu nổi, cha mẹ lẽ nào tiêu được!” Đức Phật nói: “Tiêu được. Vì sao? Cha mẹ sanh ra thân ông, đối với ông có ơn sâu nặng, do đó tiêu được”.

Đức Phật lại hỏi: “Tỳ kheo! Cha mẹ của ông có tin Phật không?” Tỳ kheo nói: “Không tin”. Đức Phật nói: “Bây giờ thì tin. Thấy ông đem cơm đến cúng dường, ắt sẽ rất vui mừng, nhân đây sẽ phát khởi lòng tin. Trước tiên, hãy cho họ thọ Tam quy y, ắt họ sẽ có thể tiêu bát cơm này”. Khi ấy, vị tỳ kheo tuân lời dạy của Đức Phật, đánh lễ mà từ giã. Do ý nghĩa này, phải nên hiếu dưỡng cha mẹ.

Lại nữa, Phu nhân Ma Da, sau khi sanh Đức Phật bảy ngày thì tạ thế, thác sanh lên cung trời Đao Lợi. Sau khi Đức Phật thành đạo, đến ngày rằm tháng tư bèn lên cung trời Đao Lợi, trong một kỳ kết hạ, thuyết pháp cho mẹ nghe, để báo đáp công ơn mang thai mười tháng. Đức Phật còn biết mang ơn, hiếu dưỡng cha mẹ, huống hồ chúng ta là phàm phu mà lại bất hiếu hay sao. Phải nên biết rằng ơn nghĩa của mẹ cha thật bao la trời biển.

“*Phụng thờ sư trưởng*”. Dạy dỗ lễ nghi, học thức thành đạt, đạo hạnh không khiếm khuyết, nhân đến thành Phật, đều do công lao của bậc sư trưởng. Đối với ân đức cao dày này, cần phải đặc biệt kính trọng. Cha mẹ và sư trưởng được gọi là Hạnh kính trọng bậc trên.

“*Giữ lòng từ bi không giết hại*”. Tất cả chúng sanh đều lấy sanh mạng làm gốc. Nếu gặp ác duyên, đều sợ hãi tìm cách trốn chạy để bảo vệ sanh mạng mình. Kinh Đại Niết Bàn quyển mười nói: “Tất cả các chúng sanh, không ai không tiếc thân mạng, đừng giết đừng đánh đập, ví như tự tha thứ mình”. Đây là một chứng cứ.

“*Tu mười nghiệp lành*”. Trong mười nghiệp ác, nghiệp giết hại là ác nhất, cho nên nêu ra trước hết. Trong mười điều lành, sanh mạng lâu dài là lành nhất. Còn chín điều ác, chín điều lành khác, trong phần chín phẩm vãng sanh sẽ đề cập đến. Những điều thiện thế gian này gọi là Hạnh từ bi kẻ dưới.

2. “*Thọ trì tam quy*”. Pháp thiện thế gian rất cạn cợt, chiêu cảm quả báo không được thù thắng; giới đức cao vời, có thể chiêu cảm quả Phật Bồ đề. Thế

nhưng chúng sanh quy ngưỡng Tam Bảo, từ cạn đến sâu. Trước tiên cho thọ Tam quy, sau đó mới dạy các giới khác.

“*Giữ vẹn các giới*”. Giới pháp có nhiều loại, hoặc là Tam quy, hoặc là Ngũ giới, Bát giới, Thập thiện giới, Tỳ kheo giới, Tỳ kheo ni giới, Sa di giới, hoặc Bồ tát Tam tụ giới, Thập vô tận giới, v.v..., cho nên gọi là giữ vẹn các giới. Trong mỗi giới phạm, lại có thiếu phần, đa phần và toàn phần.

“*Đừng phạm oai nghi*”. Thân, khẩu, ý nghiệp trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, đều có thể làm phượng tiện cho oai nghi của tất cả các giới. Dù nhẹ dù nặng, đều có thể hộ trì; nếu vi phạm liền sám hối, nên gọi là “*đừng phạm oai nghi*”. Đây gọi là giới thiện.

3. “*Phát tâm Bồ đề*”. Chúng sanh hoan hỷ học Đại thừa, nếu như không phát tâm quảng đại, thì làm sao có thể tương ưng với Đại bồ đề.

Xin nguyện thân đồng hư không, tâm trùm pháp giới, cùng tận pháp tánh. Con dùng thân nghiệp, cúng dường lễ bái, đưa đi rước đến, độ thoát tất cả chúng sanh. Con dùng khẩu nghiệp, tán thán Tam bảo, giảng nói Chánh pháp, tất cả đều tiếp thọ sự giáo hoá của con, làm cho tất cả những người nghe pháp đều được đắc đạo giải thoát. Con dùng ý nghiệp, nhập định quán sát, phân thân khắp pháp giới, tùy căn cơ mà hóa độ tất cả, không bỏ sót một ai. Con phát nguyện này, niệm niệm càng tăng trưởng. Giống như hư không, chẳng chỗ nào chẳng đến. Hành trì vô tận, đến cùng tận vị lai. Thân không mệt mỏi, tâm không nhàm chán.

“*Bồ đề*”, là một tên khác của quả Phật; “*Tâm*”, là tâm năng cầu của chúng sanh, cho nên gọi là “*Phát tâm Bồ đề*”.

“*Tin sâu lý nhọn quả*”. Có hai phần: .a. Nhân quả khô lạc thế gian. Nếu gây khổ nhân sẽ gặp khổ quả, nếu trồng lạc nhân sẽ gặt lạc quả. Giống như lấy ấn, ấn vào đất sét, thì dấu ấn hiện ra. Không có gì đáng nghi ngờ!

“*Đọc tụng kinh Đại thừa*”. Kinh điển, giáo pháp giống như mặt kính. Thường đọc tụng, tìm hiểu, thì sẽ khai phát trí tuệ. Nếu mở được mắt trí tuệ, thì tự nhiên nhàm chán sự khổ, mong cầu sự vui Niết bàn, v.v...

“*Khuyến tấn người tu hành*”. Pháp khổ như thuốc độc, pháp ác như dao nhọn, lưu chuyển trong sáu nẻo, tổn hại chúng sanh. Hiện nay, việc lành như gương sáng, Phật pháp như Cam lộ. Gương chiếu sáng đường chánh để dẫn về chân, Cam lộ rưới mưa pháp mà không cùng tận. Muốn cho tất cả đều được lợi ích, nhập vào dòng suối pháp. Cho nên cần phải khuyến tấn người tu hành.

E - Nêu lên bậc Thánh để khuyến khích kẻ phàm.

Đức Phật lại bảo bà Vi đề Hy: "Nên biết ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời: quá khứ, vị lai, và hiện tại".

Chỉ cần quyết định chuyên tâm, ắt sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ.

---o0o---

7 - Dạy pháp môn Định thiện

A - Đức Phật hứa giảng.

Đức Phật bảo A Nan và bà Vi Đề Hy: "Hãy chú tâm lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Như Lai sẽ vì tất cả chúng sanh đời vị lai bị giặc phiền não bức hại mà giảng nói nghiệp thanh tịnh.

Phần trên, Vi Đề Hy cầu vãng sanh Cực Lạc, lại còn thỉnh pháp tu, và đức Như Lai đã hứa khả. Nay ngài nói đoạn văn này là muốn khai phương tiện cho pháp tu chánh thức. Pháp tu này là nhân duyên rất trọng yếu, rất khó được nghe, hôm nay mới giảng nói. Do ý nghĩa này nên đức Như Lai bảo A Nan và bà Vi Đề hãy chú ý lắng nghe.

“*Đức Phật bảo A Nan*”. Hôm nay ta muốn khai giảng pháp môn Tịnh Độ, ông nên khéo thọ trì truyền bá, không nên để thất lạc.

“*Bảo bà Vi Đề Hy*”. Bà là người thỉnh pháp, ta nay muốn nói, bà nên lắng nghe, tư duy tiếp thọ, đừng để quên mất.

“*Vì tất cả chúng sanh đời vị lai*”. Đức Như Lai thị hiện giáo hóa, phần lớn cho những chúng sanh trôi lăn trong sanh tử. Hiện nay, ngài bình đẳng ban bố từ bi, muốn cho tất cả chúng sanh cũng đều được lợi ích.

“*Bị giặc phiền não bức hại*”. Phạm phu nghiệp chướng sâu nặng, điên đảo mê hoặc, không biết rằng ba đường ác ở ngay dưới gót chân mình, họ tùy duyên tu tập, mong mỗi tích tập tư lương cho sự tiến đạo, nào ngờ bị lục tặc (sáu căn) bức hại. Nay bị cướp hết pháp tài, làm sao mà không ưu khổ?

“*Giảng nói nghiệp thanh tịnh*”. Đức Như Lai thấy chúng sanh tội chướng, bèn dạy phương pháp sám hối, làm cho tiếp tục đoạn trừ (phiền não), rốt ráo trở nên thanh tịnh!

Lại nữa, “*thanh tịnh*”, y theo pháp tu quán phía dưới, chuyên tâm niệm Phật, chuyên tưởng Tây Phương, niệm niệm trừ tội, cho nên thanh tịnh.

B - Bà Vi Đề Hy hỏi đúng ý Phật.

Lành thay, bà Vi Đề Hy, khéo hỏi việc này!

C - Khuyên thọ trì và lưu bố.

Này A Nan! ông nên ghi nhớ và thọ trì pháp này, rồi tuyên thuyết cho đại chúng cùng biết (lời dạy của Phật).

Phía trên, Đức Như Lai dạy chung, khiến cho an tâm nghe pháp. Hiện nay, dạy riêng A Nan thọ trì chớ quên, đồng thời phải nên tuyên bố lưu hành.

“*Lời dạy của Phật*”. Đức Như Lai từ kiếp lâu xa đến nay, đã trừ diệt khẩu nghiệp; ngài nói ra điều gì, mọi người đều tự nhiên sinh lòng tin tưởng.

D - Khuyên tu được lợi ích

Nay ta sắp dạy Vi Đề Hy và chúng sanh đời sau phép quán thế giới Cực Lạc ở phương tây . Do nhờ sức Phật, hành giả sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh kia như người cầm gương sáng tự trông thấy mặt mình. Khi hành như thấy sự vui rất mau nhiệm ở cõi kia rồi, sanh lòng vui mừng, liền được trụ vào vô sanh pháp nhẫn”.

Đức Như Lai vì bà Vi Đề Hy và chúng sanh đời vị lai, hiển rõ phương pháp tu quán, chuyên tâm quán tưởng Tây Phương, nhằm chán Ta Bà, mong cầu Cực Lạc.

“*Do nhờ sức Phật*”. Chúng sanh do nghiệp lực, đối với cảnh giới mờ mịt, giống như người mù. Khoảng cách ngón tay, mà cho là ngàn dặm, cách nhau bức tường, mà không biết tắm hơi, huống hồ là cảnh giới của chư Phật, nếu không nhờ sự gia bị của Đức Phật thì làm sao có thể thấy được cõi Tây phương Cực Lạc.

“*Như người cầm gương sáng tự trông thấy mặt mình*”. Phu nhân và chúng sanh nhập quán trụ tâm, chuyên chú một cảnh; tâm cảnh tương ưng có thể thấy được cảnh Tây phương, giống như thấy vật trong gương sáng.

“*Sanh lòng vui mừng, liền được trụ vào vô sanh pháp nhẫn*”. Cõi Phật A Di Đà thanh tịnh quang minh, bỗng nhiên hiện trước mắt, làm sao không hớn hỡ vui mừng! Do tâm vui mừng, liền được vô sanh pháp nhẫn. Còn gọi là hỷ nhẫn, hoặc ngộ nhẫn, hoặc tín nhẫn. Ở đây, đức Phật chỉ nói nguyên tắc, chưa nói đến sự chứng ngộ thực sự, hy vọng hành giả tăng trưởng tâm mong cầu, mạnh mẽ chuyên tâm, nếu trong tâm tưởng thấy được cảnh giới thì mới là đắc vô sanh nhẫn. Ở đây, phần lớn là *tín nhẫn* (nhẫn do tín tâm) chứ không phải là *hành nhẫn* (nhẫn do giải hạnh).

E - Phu nhân là phàm phu, không phải thánh nhân

Phật bảo Vi Đề Hy: "Bà là phàm phu, tâm tưởng yếu kém, chưa được thiên nhãn, không thể ở xa mà trông thấy cõi Cực Lạc. Chư Phật Như Lai có phương lạ (khéo) khiến cho bà được thấy cõi kia".

Vì không phải thánh, cho nên phải nương vào sức gia bị của Đức Phật, mới thấy được cõi Cực Lạc xa tít như vậy. Đây là vì đức Như Lai sợ chúng sanh nghi ngờ, cho rằng Phu nhân là thánh nhân, không phải người phàm, và do lòng nghi này, mà sinh tâm khiếp nhược. Họ cho rằng Phu nhân là Bồ tát thị hiện phàm phu, còn mình là những kẻ tội chướng, làm sao có thể so sánh! Vì muốn đoạn trừ sự nghi hoặc này, cho nên Đức Như Lai bảo Phu nhân là phàm phu, chưa hề có chí nguyện rộng lớn.

"Chưa được thiên nhãn". Phu nhân là người phàm mắt thịt, chỗ thấy gần xa, chẳng có gì đáng nói, huống hồ cõi Tịnh xa vời, làm sao mà bà ta thấy được.

"Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ khiến cho bà được thấy". Nương vào tâm lực để thấy được sự trang nghiêm của cõi Tịnh Độ, không phải là điều mà phàm phu có thể làm được, tất cả đều phải nhờ Phật lực.

F - Phu nhân bày tỏ lòng biết ơn, muốn hỏi thêm vấn đề.

Vi Đề Hy thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con nhờ sức Phật được thấy quốc độ kia".

Phu nhân lãnh hội ý của Phật, đã cho bà được thấy các cõi Phật trên bảo đài. Sau khi đức Phật khai thị, phu nhân biết đó là phương tiện (lạ) của Phật, cho nên tỏ lòng tri ơn. Nếu đây là phương tiện của Phật, hiện nay Phật còn tại thế, chúng con có phương tiện thấy được cõi Phật, sau khi đức Phật diệt độ, chúng sanh không được sự gia bị, làm sao thấy được?

G - Phu nhân có lòng từ bi, mong tất cả đều được vãng sanh như mình.

Sau khi Thế Tôn diệt độ, những chúng sanh trước ác không lành, bị ngũ khổ bức nã, phải làm thế nào để được thấy Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc?"

"Sau khi đức Phật diệt độ". Đức Như Lai mong muốn trụ tại thế gian, độ chúng sanh đến cùng tận đời vị lai không ngừng nghỉ, thế nhưng thời đại chuyển biến, căn cơ chúng sanh cạn mỏng, cho nên đức Như Lai phải tùy theo nghiệp lực chúng sanh mà giảm tuổi thọ xuống bằng như loài người, thay vì có thể trụ vô lượng kiếp, lại cũng vì muốn nhiếp những loại người căn tính kiêu mạn, thị hiện cho họ biết sự vô thường, giáo hoá những chúng sanh càng cường để họ hiểu rõ tất cả đều quy về tận diệt.

“*Những chúng sanh*”. Sau khi đức Như Lai diệt độ, chúng sanh không nơi nương tựa, điên đảo mê lầm, tới lui luân hồi trong sáu nẻo.

“*Trước ác không lành*”. Trước là ngũ trước. a. Kiếp trước: Kiếp vốn không có tính uế trước. Vì đang lúc kiếp giảm, nên tội ác gia tăng. b. Chúng sanh trước: Vào lúc kiếp sơ (cõi nước mới thành hình), chúng sanh thuần thiện, lúc kiếp sắp tận, tội ác chúng sanh càng lúc càng thịnh. c. Kiến trước: Tự thân làm ác, lại thấy là thiện, người khác không lỗi, cho là có lỗi. d. Phiền não trước: Chúng sanh trong đời trước, tính ác khó thân cận, sáu căn tùy cảnh, khởi tham sân si. e. Mạng trước: Do kiến trước, phiền não trước mà làm chuyện sát hại, không từ bi đối với người có ơn giáo dưỡng mình. Đã tạo nghiệp sát hại, mà lại muốn tuổi thọ dài lâu, làm sao mà có được!

“*Ngũ khổ bức não*”. Trong tám khổ, chọn ra sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, gọi là ngũ khổ. Thêm ba khổ nữa, gọi là bát khổ. a. Ngũ ấm xí thành khổ, b. Cầu bất đắc khổ, c. Oán tắng hội khổ (ghét mà phải gần nhau). Năm trước, năm khổ, tám khổ này, chúng sanh trong sáu nẻo đều phải nhận thọ, thường bị bức não thân tâm, không ai được miễn. Nếu như không còn bị tám khổ bức não, thì không còn ở giai vị phàm phu nữa.

“*Phải làm thế nào để được thấy*”. Phu nhân nêu ra những chúng sanh bị khổ bức. Những hạng người đó tội chướng sâu nặng, lại không được gặp Phật, không được sự gia bị, làm sao thấy được cõi Cực Lạc!

---o0o---

QUYỂN BA: ĐỊNH THIỆN

Từ đây trở xuống, giải thích phần Chánh tông, gồm mười sáu đoạn. Tùy văn giải thích, chứ không bàn trước.

Hiện nay, lập phần Chánh tông, không giống như các nhà chú giải khác, chỉ giảng về phần định thiện. Từ câu đầu của pháp Quán Mặt Trời, cho đến phần Hạ Phẩm Hạ Sanh, là phần chánh tông. Còn từ pháp Quán Mặt Trời trở lên, tuy có nhiều nghĩa khác nhau, nhưng tựu trung chỉ là phần Tựa.

---o0o---

I - QUÁN MẶT TRỜI (NHẬT QUÁN)

Có năm phần

A - Nêu chung để khuyến tấn

Đức Phật bảo: "Vi Đề Hy! Bà và chúng sanh nên chuyên tâm, buộc niệm một chỗ, để tưởng cảnh giới tây phương.

Phía trên, bà Vi Đề Hy đã cầu vãng sanh về cõi Phật A Di Đà, lại còn thỉnh pháp tu vãng sanh, đức Như Lai đã hứa giảng. Thế nhưng, vì cơ duyên chưa đầy đủ, chưa thể nói pháp tu quán, thành thử đức Phật phương tiện nêu lên pháp tu Tam phước, để làm lợi ích cho những chúng sanh chưa từng nghe Phật pháp. Và lại, đức Như Lai khuyên nhắc, vì muốn chúng sanh sanh tâm trân trọng,

“*Đức Phật bảo Vi Đề Hy: Bà và chúng sanh*”. Đức Phật khuyến cáo, nếu muốn thoát khỏi trần lao, cầu sanh Tịnh độ, phải nên nỗ lực.

“*Nên chuyên tâm ...*”. Chúng sanh nội tâm tán động, tâm thức lao xao giống như khỉ vượn, rong đuối theo trần cảnh bên ngoài, không lúc tạm ngừng. Do vì cảnh giới phức tạp, cho nên nội tâm khởi tham loạn tưởng; pháp an tâm tam muội dễ gì tu chứng. Trừ phi buông xả trần lao, tìm nơi an tĩnh, chuyên tâm tương tục, trực chỉ Tây Phương.

Cho nên nhất thân, nhất tâm, nhất hồi hướng, nhất xứ, nhất cảnh giới, nhất tương tục, nhất quy y, nhất chánh niệm. Đây gọi là quán tưởng thành tựu, đắc chánh thọ, đời này đời sau tùy tâm được giải thoát.

B - Nêu lên cảnh quán tưởng

Phương pháp quán tưởng ấy như thế nào? Phàm tu quán tưởng, tất cả những người, nếu không phải bị mù từ lúc sơ sanh, đều thấy mặt trời lặn.

Các chúng sanh lưu chuyển dài lâu trong sanh tử, không rõ pháp an tâm, tuy được chỉ bày cảnh Tây phương, cũng không rõ cách nào để quán tưởng, vì thế đức Như Lai phải hỏi ngược, khiến trừ nghi ngờ, cố chấp, chỉ rõ phương tiện để nhập quán.

“*Phàm tu quán tưởng*”. Nêu lên ý trước, để hiển bày phương tiện nhập quán.

“*Không phải bị mù từ lúc sơ sanh*”. Giản biệt căn cơ, có thể hay không thể tu quán.

“*Mù từ lúc sơ sanh* (Hán: Sanh manh): nghĩa là từ lúc sanh ra đã bị mù, chưa từng thấy mặt trời. Những người này không thể dạy pháp tu quán mặt trời. Ngoại trừ những người này ra, những người mù mắt khác đều có thể dạy pháp tu quán này, đều sẽ được thành tựu. Bởi vì những người này khi họ chưa bị mù đã từng biết được hình tướng của mặt trời. Hiện nay tuy bị mù, nhưng nếu có thể khéo nhớ lại hình tướng mặt trời, chuyên tâm quán tưởng, liên tục không ngừng, đều ắt sẽ thành tựu.

Hỏi: Phần trên bà Vi Đề Hy nguyện được thấy cảnh Cực Lạc, đến lúc đức Như Lai tuyên giảng lại bắt đầu bằng pháp quán mặt trời, đây là có ý gì?

Đáp: Có ba ý chính:

i. Đức Phật muốn chúng sanh biết rõ cảnh giới để làm nơi an trụ tâm mình, cho nên mới chỉ rõ phương hướng. Không nên quán mặt trời mùa đông và mùa hè, mà chỉ quán mặt trời mùa xuân và mùa thu. Khi ấy, mặt trời mọc ở chính đông và lặn ở chính tây. Chánh hướng mặt trời lặn phía tây, vượt qua mười vạn ức cõi Phật là đến cõi Phật A Di Đà.

ii. Đức Phật muốn chúng sanh tự biết nghiệp chướng của mình nặng hay nhẹ. Làm sao biết được? Ngài dạy cho pháp quán an trụ tâm bằng cách quán mặt trời. Đầu tiên, dạy cho ngài kiết già. Bàn chân phải đặt ngang trên đùi trái, bàn chân trái đặt ngang trên đùi phải. Giữ thân ngay thẳng, miệng ngậm lại, nhưng hai hàm răng không chạm nhau. Chót lưỡi dựa vào nóc họng, khiến cho yết hầu và lỗ mũi được tương thông. Kế đến, quán bốn đại của thân, trong ngoài đều trống rỗng, không có một vật. Quán phần địa đại của thân, tan biến thành vi trần, bay về hướng tây, đến lúc không còn vết tích. Kế đó, quán phần thủy đại của thân, như máu, mồ hôi, v.v... tan biến thành vi trần, tất cả đều bay về hướng bắc, đến lúc không còn vết tích. Kế đến, quán phần phong đại của thân, tan biến bay về hướng đông, đến lúc không còn vết tích. Kế đến, quán phần hỏa đại của thân, tan biến thành vi trần, bay về phía nam, đến lúc không còn vết tích. Kế đến, quán phần không đại của thân, hợp thành một thể với hư không mười phương, đến lúc không còn vết tích. Kế đến, quán năm đại đều là không, chỉ còn lại thức đại, lắng đọng trong sáng, như một mặt kính tròn, trong ngoài sáng rõ, thấu suốt thanh tịnh. Trong lúc quán sát như vậy, trừ sạch loạn tưởng, tâm ý dần dần tĩnh lặng.

Kế đến, từ từ chuyển tâm, quán kỹ mặt trời. Nếu như người cần tánh lạnh lợi (lợi cần), chỉ cần ngài quán một lần là thấy được ảnh tượng mặt trời hiện rõ trước mắt. Trong lúc quán tưởng, thấy mặt trời, hoặc lớn như đồng tiền, hoặc lớn như mặt kính, trong tưởng sáng đó, tự biết được nghiệp chướng của mình là nặng hay nhẹ.

1. Hắc chướng: giống như mây đen che mặt trời.
2. Hoàng chướng: giống như mây vàng che mặt trời.
3. Bạch chướng: giống như mây trắng che mặt trời.

Mặt trời (quán tưởng) vì bị mây che cho nên không thể chiếu rọi sáng ngài. Nghiệp chướng chúng sanh sâu nặng cũng giống như vậy, vì mây (nghiệp) che chướng tịnh tâm cho nên tâm thể không thể chiếu sáng. Nếu hành giả thấy được cảnh tượng nghiệp chướng như vậy, phải nên lập tức nghiêm tịnh đạo trường, thiết trí tượng Phật, tắm gội, mặc y phục sạch sẽ, thắp đèn đốt hương, bày tỏ với chư Phật, tất cả hiền thánh. Nguyên trọn đời này, sám hối tất cả nghiệp

chương thân, miệng, ý đã tạo từ vô thi đến nay, tất cả mười tội ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng (sát, đạo, dâm, vọng), hủy báng chánh pháp, nhất xiển đề, v.v... Cần phải cực kỳ khẩn thiết, nước mắt lưng tròng, vô cùng hổ thẹn, thống thiết tự trách. Sau khi sám hối, trở lại tiếp tục tu quán, an tâm trụ vào cảnh giới. Nếu như cảnh tượng mặt trời hiện rõ, trong sáng thanh tịnh, đây gọi là tiêu diệt tội chướng ngay tức khắc.

Hành giả, sau khi đã biết nghiệp tướng của mình như vậy, cần phải chuyên tâm sám hối. Mỗi ngày ba thời, hoặc sáu thời, chỉ cần nhớ đến thì liền sám hối. Đây gọi là hành giả căn tánh bậc thượng. Tợ như thân thể bị lửa đốt, cần phải lập tức cứu chữa, chả lẽ còn chần chừ, chờ đợi ngày giờ, nơi chốn, nhân duyên, đối tượng, rồi mới trừ diệt?

iii. Đức Phật muốn cho chúng sanh biết được y báo và chánh báo của cõi Phật A Di Đà, tướng hảo quang minh trang nghiêm, v.v... trong ngoài đều sáng rực, hơn ánh sáng của mặt trời gấp cả trăm ngàn vạn lần.

Nếu như hành giả chưa biết rõ cảnh tượng quang minh của cõi đó, thì phải quán sát hình tướng ánh sáng mặt trời, đi đứng nằm ngồi, lạy Phật thiền quán, đều phải ghi nhớ hình tướng này. Chẳng bao lâu sẽ được định tâm, thấy được cảnh giới Cực Lạc, an lạc trang nghiêm. Vì lý do này nên đức Thế Tôn trước tiên chỉ dạy pháp quán mặt trời.

C - Chánh thức chỉ dạy pháp quán.

Vậy bà nên ngồi ngay thẳng, hướng về phương tây, tâm chú định một chỗ không được di động, rồi quán tưởng mặt trời sắp lặn hình như cái trống treo.



Đoạn này nêu rõ uy nghi ngời thiên, quay mặt hướng tây, trụ tâm vào cảnh giới, chuyên chú không ngừng, thì sẽ đạt được sự mong ước.

D - Nêu rõ cảnh tượng của sự thành tựu.

Khi đã thấy hình tượng ấy, phải chú trọng cho thuần thực, làm sao lúc nhắm mắt mở mắt đều được thấy rõ ràng.

Đoạn này nói rõ về sự chuyên tâm quán tưởng mặt trời, giảm trừ trần duyên vọng tưởng, miên mật không ngừng, thì cảnh tượng thanh tịnh sẽ hiện ra rõ ràng. Lại nữa, hành giả khi vào định này, thấy được cảnh tượng mặt trời, thì liền được sự an lạc của tam muội, thân tâm dung thông, quả thật không thể nghĩ bàn. Lúc thấy được cảnh tượng này, cần phải nhiếp tâm an định, không được khởi tâm tham chấp. Nếu khởi tâm động niệm, tâm thức sẽ bị dấy động, vì tâm bị động, định cảnh sẽ bị mất. Hoặc giả, tâm xao động, hoặc tâm mờ mịt, hoặc thấy tướng đen, vàng, trắng, đỏ, v.v... tâm đều không được an định. Lúc thấy tâm thức dao động, liền phải nên nghĩ rằng: “Những cảnh tượng này, dao động không an, là do mình khởi tâm tham chấp, làm cho định cảnh ẩn mất”. Nghĩ xong, bèn an tâm chánh niệm, quán tưởng lại từ đầu, tướng động sẽ trừ diệt, tâm sẽ an định trở lại. Đã biết lỗi này, ắt sẽ không còn khởi tâm tham chấp nữa. Phần dưới nói về “tà, chánh, được, mất”, cũng tương tự như ở đây. Quán tưởng mặt trời, thấy được mặt trời, tâm cảnh tương ứng, gọi là chánh quán. Quán tưởng mặt trời, không thấy mặt trời, mà lại thấy các cảnh tượng khác, tâm cảnh không tương ứng, gọi là tà quán.

Sống trong cõi Ta bà
Cảnh giới thật mờ mịt
Chỉ có quán mặt trời
Mới mong thấy Tây phương

E - Tổng kết.

Môn quán mặt trời này là phương pháp quán tưởng thứ nhất.

---o0o---

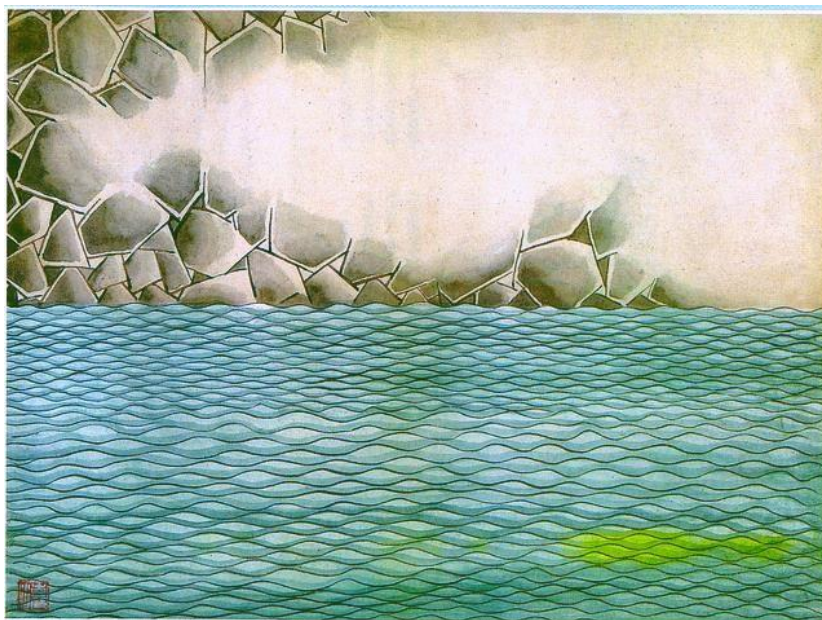
II - QUÁN NƯỚC

A - Nêu tổng quát thể chất mặt đất.

Kể lại quán tưởng nước, thấy một vùng nước trong suốt đứng lặng; phải thấy cho rõ ràng, ý đừng phân chia rối loạn. Khi thấy tướng ấy rồi nên tưởng nước đóng thành băng. Đã thấy băng trong ngần sáng ánh, lại tưởng đó là đất lưu ly. Môn tưởng này thành rồi, tiếp quán thấy đất lưu ly trong ngoài chói suốt.

Hỏi: Phần trên dạy cách quán mặt trời, vì muốn chúng sanh biết hình tướng của nghiệp, v.v.... Hiện nay trong pháp quán này, dạy cách quán nước, đây là lý do gì?

Đáp: Mặt trời thường chiếu rọi, biểu thị cảnh Cực Lạc ánh sáng rực rỡ miên trường. Thế nhưng, ở cảnh giới Ta bà, chỉ có mặt trời là chiếu sáng, còn như mặt đất thì không nơi nào không gập ghềnh, lồi lõm. Muốn quán tưởng sự bằng phẳng, không có gì hơn mặt nước, hướng hồ là mặt lưu ly trơn láng.



Hỏi: Mặt nước ở cõi này vừa ướt vừa mềm. Không biết đất ở cõi kia có giống như nước ở cõi này chăng?

Đáp: Lây mặt nước bằng phẳng ở cõi này, ví cho mặt đất ở cõi kia trơn láng không có sự cao thấp, núi non gồ nong. Lại nữa, quán nước chuyển thành băng, là so sánh với mặt đất lưu ly ở cõi kia, trong ngoài sáng rực. Điều này chứng minh đức Phật Di Đà, trong vô lượng kiếp hành Bồ tát đạo, tâm ý bình đẳng, không nghiêng không lệch, phiền não và tập khí đều đã trừ sạch, cho nên khiến cho mặt đất ở cõi đó bằng phẳng sáng ngời.

Hỏi: Hiện nay dạy pháp quán nước để tâm an trụ, kể đến quán nước chuyển thành băng, chuyên băng thành lưu ly, hành giả phải nên chuyển tâm thế nào để cho cảnh hiện?

Đáp: Cách thức an trụ oai nghi của thân cũng giống như pháp quán mặt trời. Hơn nữa, muốn quán nước để tâm an định, phải dùng cảnh tượng tự để quán, thì mới dễ đắc định. Hành giả ở một nơi an tĩnh, đem một bát nước đầy để trên mặt đất trước chỗ ngồi thiền. Kế đến, an tọa trên vị trí của mình, dán một vật trắng (giấy trắng cắt thành hình vòng tròn, chẳng hạn) chính giữa lòng bàn tay, lớn khoảng hạt đậu. Cúi đầu xuống nhìn mặt nước trong bát. Chuyên chú nhìn vào điểm trắng, đừng quan tâm đến ngoại cảnh. Thoạt tiên, mặt nước còn dao động, nhìn không thấy rõ mặt mình, nhưng nếu tiếp tục chuyên chú quán sát, thì sẽ thấy rõ. Lúc đầu, mặt nước dao động, nhìn thấy mặt mình lúc dài lúc ngắn, lúc rộng lúc hẹp, lúc thấy lúc không. Khi đó, cần phải chuyên chú quán sát, chẳng mấy chốc, sóng nước chỉ còn lăn tăn, hình như động mà không động, gương mặt dần dần hiện rõ. Hành giả tuy trông thấy mặt mình, nhưng không nên để ý đến những chi tiết như mắt, mũi, tai, miệng, v.v..., mà cũng không phủ nhận sự

hiện diện của chúng. Chỉ cần trong tâm biết rằng chúng có hiện hữu. Chỉ nên chăm chú vào điểm trắng, quán sát rõ ràng, giữ gìn chánh niệm, đừng để tâm ý xao lãng sang chuyện khác. Trong lúc chuyên chú, tâm sẽ dần dần an định, tánh thể của nước sẽ đứng lặng, trong sáng.

Lại nữa, hành giả nếu muốn biết rõ tự tâm an trụ hay không, chỉ cần quán sát tướng nước động hay không động, thì có thể biết rõ tự tâm hiện hiện hay không, trong sáng hay tăm tối.

Trong lúc đợi nước tĩnh lặng, lấy một hạt gạo ném trên mặt nước, tức thời sẽ thấy nước dậy sóng, lan khắp mặt bát. Đưa mặt nhìn vào, sẽ thấy điểm trắng dao động, Lại lấy một hạt đậu ném trên mặt nước, thì sóng nước lại càng lớn hơn. Điểm trắng cùng gương mặt thủy đều ẩn mất, không hiện ra rõ, đây là vì nước động. Bát nước tượng trưng cho thân mình, nước tượng trưng cho nước của tự tâm, sóng tượng trưng cho phiền não loạn tướng; sóng dần dần lắng yên, tức là vớt bỏ ngoại duyên, trụ tâm vào một cảnh.

Nước yên cảnh hiện, nghĩa là tâm không động loạn, thì cảnh sẽ không còn động, trong ngoài điểm nhiên, cảnh tượng của sự mong cầu sẽ hiện rõ.

Lại nữa, vọng tưởng thô thiên (rõ ràng) hay vi tế, đều làm cho tâm thủy dao động, tâm thủy dao động, tịnh cảnh sẽ ẩn mất. Hơn nữa, trần cảnh hoặc rõ ràng, hoặc vi tế, cũng làm cho sóng nước dao động. Hành giả chỉ cần quán sát cảnh tượng động hay không động của mặt nước, thì có thể biết rõ tâm mình an trụ hay không an trụ. Cảnh giới hiện hiện hay ẩn mất cũng tương tự với trường hợp quán mặt trời. Tĩnh Độ Luận của ngài Thế Thân nói:

Quán tướng thế giới kia
Hơn hẳn đường ba cõi
Cứu cánh tựa hư không
Rộng lớn không bờ bến.

Đây là nói rõ cảnh tượng tổng quát của cõi Cực Lạc.

B - Sự trang nghiêm phía dưới mặt đất

Dưới ấy có tràng kim cương thất bảo vàng ánh đỡ đất lưu ly. Tràng này có đủ tám góc theo tám phương, mỗi phương diện do trăm thứ báu hợp thành, mỗi bảo châu có ngàn tia sáng, mỗi tia sáng có tám vạn bốn ngàn màu, chói đất lưu ly như ngàn ức mặt trời, nhìn không thể xiết!

Có bảy phần, nêu rõ:

1. Thể tánh của tràng báu là kim cương vô lậu.

2. Hình tượng của tràng báu sáng chói trang nghiêm.
3. Tràng báu hình bát giác, không phải hình tròn
4. Tràng báu do hàng trăm thứ báu hợp thành, số lượng nhiều quá hằng sa
5. Mỗi loại báu phóng ra ngàn vạn quang minh, tỏa khắp mười phương thế giới
6. Ánh sáng rực rỡ muôn màu, chiếu khắp các cõi, tùy căn cơ chúng sanh mà hiển hiện khác nhau, luôn luôn đem đến lợi ích cho họ
7. Ánh sáng chói lọi, quá hơn ánh sáng mặt trời, những người vãng sanh về đó, không thể nào nhìn rõ hình tướng của chúng.



Có lời khen rằng:

Vô lượng vô biên vô số ức
Tràng bảy báu, bảo địa trang nghiêm
Tám phương, tám mặt, toàn bách bảo
Nhìn thấy, tự nhiên chứng vô sanh.
Cõi vô sanh, vĩnh viễn thường trụ
Mỗi báu rạng rỡ vô số quang
Hành giả nếu như thường quán tưởng

Lâm chung nhất định vãng Tây phương.

Tây phương tịch tĩnh, vô vi lạc
Rốt ráo tiêu dao, lìa hữu, vô
Rải lòng đại bi khắp pháp giới
Phân thân lợi vật, không ai bằng
Hoặc hiện thân thông mà thuyết pháp
Hoặc hiện thân tướng nhập niết bàn
Biến hiện trang nghiêm rất tự tại
Chúng sanh nghe, thấy, tội đều trừ.

Hãy về đi,
Mau rời khỏi cõi ma
Luân hồi từ vô thỉ
Sáu nẻo đều đã qua
Không nơi nào an lạc
Chỉ nghe tiếng rên la
Sau khi thân này mất
Nguyện rời khỏi Ta bà.

C - Sự trang nghiêm thù thắng trên mặt đất

Trên đất lưu ly có dây hoàng kim xen lẫn cùng thất bảo, phân chia các khu vực rành rẽ trang nghiêm.

Đoạn này nói về sự y (nuơng tựa), trì (nắm giữ) viên mãn thanh tịnh. Ao, rừng bằng bảy báu là năng y, còn đất lưu ly là sở y; đất báu là năng trì (vật nắm giữ), còn ao, lầu, cây báu, v.v... là sở trì (vật được nắm giữ). Đây là do nhân hạnh viên mãn của đức Phật Di Đà chiêu cảm quả báo châu báu viên mãn. Ở đây, “viên mãn thanh tịnh”, tức là thể tánh vô lậu.

Có lời khen rằng:

Đất báu trang nghiêm thật khôn lường,
Khắp cõi, quang minh chiếu thập phương,

Lâu các, đài hoa đầy khắp chốn,
Sắc màu rực rỡ, khó nghĩ bàn,
Mây báu, lọng báu trùm hư không,
Thánh chúng du hành đều tự tại,
Tràng phan, bảo cái rung theo gió.
Bảo nhạc tùy tâm, trời tiếng hay,
Đói nghiệp, tâm nghi, hoa nở chậm,
Chấp tay mong ngóng, tựa trong thai,
Trong hoa, pháp lạc, không chút khổ,
Hết nghiệp, phút chốc, hoa tự khai,
Mắt tai sáng suốt, thân kim sắc,
Bồ tát thân cận, trao pháp y,
Ánh sáng chạm thân, chứng ba nhãn,
Được thấy đức Phật xuống kim đài,
Bạn pháp dẫn đưa vào pháp hội,
Chiêm ngưỡng Tôn Nhan, khen “Thiện tai!”

Từ chữ “dây hoàng kim” trở xuống, chánh thức nói rõ vàng làm đường đi, giống như dây vàng, hoặc mặt đất gồm nhiều thứ báu hợp thành: lưu ly làm đường đi; hoặc mặt đất bằng lưu ly, bạch ngọc làm đường đi; hoặc mặt đất bằng vàng tím bạc trắng, trăm thứ báu làm đường đi; hoặc mặt đất bằng bất khả thuyết các thứ báu, bất khả thuyết các thứ báu làm đường đi; hoặc ngàn vạn thứ báu làm đất, hai ba thứ báu làm đường đi. Như vậy, nhiều thứ báu hợp nhau, óng ánh rực rỡ, soi chiếu lẫn nhau. Màu sắc khác biệt, nhưng không hỗn tạp. Hành giả chớ nên cho rằng chỉ có đường đi bằng vàng ròng mà không có các thứ báu khác.

D - Sự trang nghiêm trên không

Mỗi thứ báu có năm trăm sắc kỳ quang. Các ánh sáng này hình như hoa, hoặc như trăng, sao, chiếu lên hư không kết thành đài quang minh lơ lửng. Ngàn muôn lâu các do trăm thứ báu hợp thành, mỗi lâu đài, hai bên đều có trăm ức tràng hoa cùng vô lượng nhạc khí để trang nghiêm.

Có sáu phần, nêu rõ:

1. Các thứ báu phát ra nhiều loại ánh sáng
2. Dùng ví dụ để nêu rõ cảnh tượng
3. Ánh sáng biến thành đài
4. Ánh sáng biến thành lầu các
5. Ánh sáng biến thành tràng hoa
6. Ánh sáng biến thành âm nhạc báu



Lại nêu rõ các loại báu trên mặt đất, mỗi báu đều phóng ra năm trăm ánh sáng màu, mỗi ánh sáng màu đều vọt lên không trung, biến thành một đài quang minh. Mỗi đài có thiên vạn lầu các báu. Mỗi lầu các đều do một, hai, ba, bốn, nghìn đến bất khả thuyết chất báu hợp thành.

“*Như hoa, hoặc như trăng, sao*”: Đức Phật từ bi, e chúng sanh không hiểu, nên dùng ví dụ để nêu rõ.

“*Hai bên đều có trăm ức tràng hoa*”: Đất báu vô cùng, quang minh vô lượng. Mỗi ánh quang minh đều hóa thành đài ánh sáng, trùm khắp hư không. Hành giả trong lúc đi đứng nằm ngồi đều quán tưởng như vậy.

E - Ánh sáng biến thành tiếng nhạc, thuyết pháp

Tám thứ gió nhẹ mát từ những đài quang minh thổi ra, cổ động các nhạc khí, diễn thành tiếng: khổ, không, vô thường, vô ngã.

Có ba phần:

1. Từ ánh sáng phát ra tám loại gió.
2. Gió xuất từ ánh sáng, trôi lên tiếng nhạc.
3. Phát ra tiếng thuyết pháp về bốn điền đảo, bốn chân thực, v.v... vô lượng pháp vi diệu.

Tịnh Đô Luân khen rằng:

Nước An Lạc thanh tịnh
Thường chuyển vô cấu luân
Mỗi niệm và mỗi thời
Lợi ích các quần sinh
Khen công đức chư Phật
Không có phân biệt tâm
Khiến được mau đầy đủ
Biển lớn công đức báu.

F - Tổng kết

Đây là môn quán nước, cũng là phép quán thứ hai.

---o0o---

III - QUÁN ĐẤT BÁU

A - Chuyển tiếp

Khi môn tướng này đã thành.

B - Biện biệt về sự thành tựu của pháp quán

Phải quán mỗi chi tiết cho cực rõ ràng, nhắm mắt mở mắt đều có thể thấy, không để tan mất duy trừ giờ ăn ngủ, ngoài tất cả thời đều ghi nhớ việc ấy. Tướng được như thế gọi là thấy cõi Cực Lạc về phần thô. Nếu được tam muội, hành giả sẽ thấy rõ ràng cảnh tướng của đất nước kia, không thể kể xiết.

Có sáu phần:

1. Chuyên tâm vào một cảnh, không nên quán tưởng tạp loạn.
2. Chuyên tâm vào một cảnh, cảnh tượng sẽ hiện tiền. Sau khi cảnh tượng hiện tiền, phải làm cho hiện rõ ràng.
3. Ảnh đã hiện trong tâm, lúc nhắm mắt mở mắt, giữ cho không mất.
4. Ngày đêm, đi đứng nằm ngồi, thường phải nhớ tưởng cảnh giới Cực Lạc, giữ cho không mất, trừ lúc ngủ nghỉ.
5. Chuyên tâm không ngừng, ắt sẽ thấy cảnh tượng Cực Lạc. Đây gọi là thấy trong tâm, là vì còn giác tưởng.
6. Tâm tưởng càng lúc càng vi tế, diệt trừ giác tưởng, tương ưng chánh thọ, sẽ chứng được tam muội, ắt sẽ thấy được cảnh giới vi diệu thật sự ở cõi kia, giống như hiện ngay trước mắt.
- 7.

C - Tổng kết

Đây là môn địa tướng, thuộc về phép quán thứ ba.

D - Khuyến khích lưu thông, tùy duyên giảng nói

Đức Phật bảo ngài A Nan: "Ông nên ghi nhớ lời dạy của ta, để vì tất cả chúng sanh muốn thoát khổ đời sau truyền thuyết môn địa quán này."

Có bốn phần:

1. Dặn dò
2. Khuyến giữ gìn lời Phật dạy
3. Giải biệt căn cơ có thể thọ trì, tin tưởng. Muốn bỏ thân sanh tử, tám khổ, năm khổ, ba ác đạo khổ, v.v... ở cõi Ta bà này, người nào nghe xong, liền tin tưởng, phụng hành, thì dù hy sinh thân mạng, cũng phải nên giảng ngay cho họ biết pháp môn này. Nếu có thể khiến cho một người được thoát khỏi sanh tử, đây gọi là chân thật báo ân Phật. Vì sao? Chư Phật đời đời, dùng mọi phương tiện giáo hoá chúng sanh, không phải chỉ muốn họ dứt ác tu phước, hưởng phước báo trời người. Sự vui sướng của cõi trời người giống như điện chớp, tiêu mất trong phút chốc, rồi cũng phải trở vào ác đạo, thọ khổ lâu dài. Vì lý do này, các ngài chỉ khuyên chúng sanh cầu sanh Tịnh độ, hướng về Vô thượng Bồ đề. Cho nên hôm nay, tôi khuyến khích những người hữu duyên, phát nguyện sanh Tịnh độ, tức là tương ưng với bốn nguyện của chư Phật. Nếu như nghe rồi mà không tha thiết tin tưởng, hành

trì thì cũng giống như Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh nói: “Nếu có người nghe nói pháp môn Tịnh độ, nghe như không nghe, thấy như không thấy, nên biết người này mới từ ba đường ác sanh lên, tội chướng chưa hết, cho nên mới không tin nhận. Phật bảo: *Ta nói người đó chưa được giải thoát*”. Quyển kinh này (Bình Đăng Giác Kinh, quyển bốn; Đại A Di Đà Kinh, quyển hạ; Vô Lượng Thọ Kinh, quyển hạ) lại nói: “Nếu có người nghe nói pháp môn Tịnh độ, vui mừng hơn hở, cảm động rơi lệ, nên biết người này, quá khứ đã từng nghe qua, đã từng tu tập, hôm nay nghe lại, sanh lòng hoan hỷ, chánh niệm tu hành, ắt sẽ vãng sanh”.

4. Dạy phương cách quán đất báu khiến tâm an trụ .

E - Nêu rõ sự lợi ích của pháp quán

Nếu thành tựu phép tưởng đây, sẽ trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi xả báo thân, kẻ ấy quyết định sanh về tịnh quốc, nơi lòng không còn nghi ngại”.

1. Chỉ rõ phương pháp quán. Chỉ quán tưởng đất báu, không bàn đến cảnh tượng khác.
2. Nhân vì quán tưởng đất báu vô lậu, có thể trừ diệt nhiều kiếp tội nghiệp hữu lậu
3. Sau khi mạng chung, ắt sẽ vãng sanh tịnh độ.
4. Trong lúc tu tập, phải khéo giữ chánh niệm, không được nghi ngờ. Nếu như trong tâm còn hoài nghi, tuy được vãng sanh, bị thác sanh vào trong hoa sen, một thời gian sau mới nở, hoặc sanh về vùng biên địa, hoặc đọa vào trong thai cung. Sau đó, nhờ đức Quán Âm nhập vào Hoa Khai Tam Muội, lúc đó chướng nghi của hành giả mới được trừ diệt, hoa cung liền nở, được thân tướng trang nghiêm, được các bạn pháp dìu dắt đưa vào pháp hội của Phật. Đây là do chuyên tâm quán tưởng đất báu mà tội chướng quá khứ đều tiêu diệt. Nguyên hạnh đều được đầy đủ, mệnh chung ắt được vãng sanh không còn nghi ngờ gì nữa. Hiện nay, quán sát rõ sự lợi ích, kẻ đến khuyên hành giả nên biện biệt tà chánh.

F - Biện biệt pháp quán tà chánh

Quán như thế, gọi là chánh quán. Nếu tưởng sai khác, là tà quán.

Ý nghĩa của tà, chánh, phần Quán mặt trời đã giảng rõ.

IV - QUÁN CÂY BÁU

A - Khuyến cáo, nêu rõ tên pháp quán

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: "Môn địa tướng đã thành, kế tiếp quán cây báu.

B - Chỉ rõ nguyên tắc

Muốn tu phép quán này, phải tưởng rành rẽ bảy lớp hàng cây.

Cõi Tịnh độ của đức A Di Đà rộng lớn bao la, cây báu, rừng báu chẳng lẽ chỉ có bảy hàng mà thôi sao?

Hiện nay, nói “bảy lớp hàng cây”, hoặc có cây, gốc bằng hoàng kim, thân bằng vàng tía, cành bằng bạch ngã, nhánh bằng mã não, lá bằng san hô, hoa bằng bạch ngọc, quả bằng trân châu. Bảy loại như vậy thay nhau hợp thành gốc, thân, cành, nhánh, hoa, quả, bảy lần bảy thành bốn mươi chín. Hoặc có cây làm bằng một báu, hoặc có cây làm bằng hai, ba, bốn, nhẫn đến trăm ngàn vạn ức, vô lượng chất báu làm thành. Nghĩa này, trong A Di Đà Kinh đã có đề cập sơ lược.

“Hàng”, cõi đó, cây rừng tuy nhiều, nhưng xếp theo hàng lối chỉnh tề, không tạp không loạn.

“Tưởng”, quán tưởng chưa thuần thực, chưa được tự tại tùy tâm, mà chỉ nương vào sự “giả tưởng” để an trụ tâm, mới có thể cảm ứng được sự lợi ích.

C - Tầm vóc của cây báu

Mỗi cây cao tám ngàn do tuần.

Các rừng cây báu đều xuất phát từ tâm vô lậu của đức A Di Đà. Vì tâm Phật vô lậu, cho nên các cây báu cũng vô lậu.

Vãng Sanh Luận nói:

Chánh đạo đại từ bi

Xuất thế thiện căn sinh

Quang minh sạch đầy đủ

Như gương vành nhật nguyệt.

Nói về lượng, mỗi cây báu cao ba mươi hai vạn dặm, không sanh ra cũng không già chết, mà cũng chẳng từ nhỏ rồi lớn dần, khi mọc thì cùng mọc, số

lượng bằng nhau. Điều này có nghĩa gì? Thế giới Cực Lạc vô lậu, vô sanh, lẽ nào có sự sanh trưởng già chết!

D - Nhiều loại cây báu, sự trang nghiêm khác biệt

Đầy đủ hoa lá thất bảo. Mỗi hoa lá hiển phát những quang sắc báu lạ. Trong sắc lưu ly chiếu ánh sáng vàng, trong sắc pha lê chiếu ánh sáng đỏ, trong sắc mã não chiếu ánh sáng xa cừ, trong sắc xa cừ chiếu ánh sáng lục chân châu. Đại khái các cây, hoa, lá đều bằng san hô, hổ phách, hoặc tất cả thứ dị bảo, trang nghiêm rực rỡ.

Có bốn phần.

1. Cây, rừng, hoa, lá xen kẽ lẫn nhau
2. Mỗi gốc cây, thân, cành, nhánh, lá đều đầy đủ các thứ báu
3. Mỗi một hoa lá chuyển động không đồng. Từ trong màu lưu ly, phóng ánh sáng hoàng kim, chuyển đổi lẫn nhau như thế.
4. Tất cả các thứ báu làm tăng thêm vẻ trang nghiêm.

Tịnh Độ Luận nói:

Đủ tánh chất trân bảo
Gồm hết diệu trang nghiêm
Quang vô cấu rực rỡ
Sáng sạch rọi thế gian.

Có lời khen rằng:

Di Đà Tịnh Độ nhiều cây báu
Bốn hướng rữ cành
Thiên y treo quanh
Mây báu phủ giăng
Chim ca ríu rít
Bay lượn vòng quanh
Hòa tấu pháp âm, cùng dự hội
Thánh chúng mười phương
Nghe pháp lòng hớn hở
Nhân dân Cực Lạc

Thấy cảnh ngộ Vô Sanh.

E - Cảnh tượng trang nghiêm phía trên mặt đất

Trên mỗi cây có bảy lớp lưới diệu chân châu che phủ; giữa mỗi tầng lưới có năm trăm ức cung điện diệu hoa, nghiêm đẹp như cung Phạm vương. Trong đó có các thiên đồng, mỗi vị trang nghiêm bằng các chuỗi ngọc gồm năm trăm ức hạt Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma Ni. Ánh sáng của những hạt ngọc này chiếu xa đến một trăm do tuần, vô cùng rực rỡ như quang minh của trăm ức vàng nhật nguyệt hòa hợp. Ngoài những hạt ngọc nghiêm sức còn xen lẫn các châu báu khác, màu sắc đều là bậc thượng.

Có bảy phần, nêu rõ:

1. Màn lưới trên châu giăng mắc trên không che phủ cây báu.
2. Lưới báu có nhiều tầng lớp.
3. Cung điện nhiều ít.
4. Mỗi một cung điện có nhiều đồng tử.
5. Mỗi đồng tử đều phục sức bằng chuỗi trên châu.
6. Chuỗi anh lạc chiếu ánh sáng xa gần.
7. Ánh sáng tỏa ra đều là bậc thượng.

F - Cây lá tuy nhiều nhưng không tạp loạn

Những cây báu ấy hàng hàng đối nhau, lá lá thuận nhau, giữa khoảng các lá sanh hoa đẹp màu, trên hoa tự nhiên có trái thất bảo.

Sự khai hoa kết trái không phải nhờ vật khác, mà là do nhân duyên thâm sâu của ngài Pháp Tạng mà tự nhiên hiện hữu.

G - Màu sắc hoa lá không đồng

Mỗi một lá cây rộng hai mươi lăm do tuần, có ngàn màu sắc, và trăm thứ đường gân hình như chuỗi anh lạc của chư Thiên. Các hoa chói lộ sắc vàng diêm phù đàn, rực rỡ như những vòng lửa, uyển chuyển giữa lá.

Có năm phần:

1. Kích thước lá cây lớn hay nhỏ, bình đẳng không có sự khác biệt
2. Lá phóng ra ánh sáng nhiều ít

3. E chúng sanh nghi hoặc không hiểu rõ, cho nên đức Phật dùng thí dụ nêu rõ, giống như anh lạc cõi trời
4. Trong lá có diệp hoa, màu sắc như thiên kim, hình như vòng tròn lửa
5. Hoa lá ánh chiếu lẫn nhau

H - Quả có đức dụng không thể nghĩ bàn

Từ hoa lạ nổi sanh trái quý hình như bình báu của trời Đế Thích. Và từ trái màu chiếu ánh sáng rực rỡ hóa thành tràng phan cùng vô lượng bảo cái. Trong bảo cái ảnh hiện tất cả Phật sự của ba ngàn thế giới và y chánh mười phương cõi Phật.

Có năm phần:

1. Quả báu tự nhiên sanh ra
2. Dùng ví dụ để nêu rõ hình tướng
3. Quả báu phóng ra ánh sáng vi diệu, biến thành tràng phan bảo cái
4. Bảo cái tròn sáng, toàn thể tam thiên đại thiên, y báo chánh báo của cõi Cực Lạc đều hiện ở trong
5. Mười phương cõi Phật đều hiện trong bảo cái, tất cả mọi người trong cõi Cực Lạc đều nhìn thấy rõ. Hơn nữa, cây báu càng cao thì tàng cây càng lớn. Hoa quả nhiều vô số, biến hiện vô cùng. Mỗi cây trong cõi nước đều hiện thân biến như vậy. Nên biết, hành giả trong mọi lúc, đi đứng nằm ngồi đều nên quán tưởng như vừa mô tả.

I - Bàn về sự thành tựu của pháp quán

Khi thấy bảo thọ rồi, nên theo thứ lớp quán thân cây, cành, lá, hoa, quả, mỗi thứ đều cho rõ ràng.

Có ba phần:

1. Tóm lược về sự thành tựu của pháp quán
2. Quán theo thứ tự, không được tạp loạn
3. Khởi tâm trụ vào cảnh giới, trước tiên quán tưởng gốc cây, rồi đến thân, cành, nhánh đến hoa, quả. Kế đến, quán tưởng lưới báu, cung điện báu; kế đến, quán tưởng lá cây to nhỏ, màu sắc của hoa, quả; kế đến, quán tưởng các đồng tử đeo chuỗi anh lạc; kế đến, quán tưởng tràng phan bảo

cái hiện rõ các Phật sự. Cố gắng quán tưởng đề mục, cho đến khi tất cả đều hiện rõ trước mắt.

J - Tổng kết

Đây là môn thọ tướng, thuộc về phép quán thứ tư.

Trên đây miêu tả cây báu thành hàng, lưới báu giăng mắc, cung điện dọc ngang, hoa báu huy hoàng.

Trong quả báu ảnh hiện mười phương cõi Phật

---o0o---

V - QUÁN AO BÁU

A - Nêu tên của pháp quán

Kể lại quán tưởng nước các bảo trì.



Cây báu tuy tinh vi, nếu không có ao báu thì cũng chưa gọi là hoàn mỹ. Ở đây có hai nghĩa: 1. Vì không muốn cõi nước trống không; 2. Vì muốn trang nghiêm y báu, chánh bảo cho nên mới có pháp quán ao báu này.

B - Nêu rõ số mục

Cõi Cực Lạc có tám ao nước bát công đức, mỗi ao do bảy báu hợp thành. Những thứ báu này tánh chất nhu nhuyễn, từ như ý châu vương sanh ra.

Có năm phần:

1. Nêu rõ tên cõi nước
2. Nước ao có tám công đức
3. Mỗi thành ao đều do bảy thứ báu hợp thành. Do các thứ báu phát ra ánh sáng, soi chiếu nước tám công đức, làm cho màu nước giống như màu trân báu, cho nên gọi là nước báu.
4. Các thứ báu có tánh chất mềm mại
5. Nước tám công đức đều do ngọc như ý sanh ra, gọi là nước như ý. Nước này có tám công đức: 1. thanh tịnh, 2. không có mùi hôi (thuộc về hương nhập), 3. nhẹ, 4. mát, 5. mềm mại (thuộc về xúc nhập), 6. ngon ngọt (thuộc về vị nhập), 7. uống vào sáng khoái, 8. uống xong không bị bệnh hoạn (thuộc về pháp nhập).

Có lời khen rằng:

Trang nghiêm sáng sạch trời Thanh Thái
Ao báu minh mang dường đại hải
Chim hót thanh âm giục tỉnh mơ
Nước diêu trong ngàn trôi lững lờ
Ánh sáng thành ao buông rục rờ
Nhiều sắc hoa sen đua hớn hờ
Bồ tát nhẹ đi tỏa bảo hương
Bảo hương tụ thành mây bảo quang
Bảo quang vân hiện nghìn bảo cái
Bảo cái hư không che bảo tràng
Bảo tràng phát phối vây kim điện
Kim điện lưới châu thần diệu biến
Diệu biến vô cùng bảo ngọc linh
Bảo linh bảo nhạc ngàn trùng chuyển
Kim điện Phật tuyên pháp diệu thường
Hằng sa thánh chúng lắng tư lương

Hữu duyên mong kẻ đồng tâm nguyện
Xả thọ đồng sanh Tịnh pháp đường.

C - Ao chia thành nhiều dòng, thứ tự không tạp loạn

Nước ao phân thành mười bốn chi nhánh, mỗi dòng chiếu lộ sắc màu bảy báu. Thành ao bằng vàng ròng, đáy ao trải cát kim cương tạp sắc.

Có ba phần:

1. Nêu rõ số lượng dòng nước chảy quanh ao
2. Mỗi thành ao đều là màu hoàng kim
3. Cát dưới đáy ao do các báu đủ màu hợp thành

Ở đây chữ “kim cương” biểu trưng cho thể tánh vô lậu.

D - Nước báu có diệu dụng không thể nghĩ bàn

Mỗi ao nước có sáu mươi ức hoa sen thất bảo, và mỗi hoa sen tròn rộng mười hai do tuần. Nước ma ni trong ao chảy lên xuống theo cọng sen và luân vào các cánh hoa.

Có năm phần:

1. Nêu riêng tên ao, biểu lộ sự trang nghiêm.
2. Nêu rõ số lượng hoa báu trong ao.
3. Kích thước lớn nhỏ của hoa.
4. Nước ma ni lên xuống trong các cánh hoa.
5. Nước báu từ ao chảy lên các cây báu, lên xuống không bị chướng ngại, cho nên gọi là nước như ý.

E - Nước báu có bất khả tư nghì đức dụng

Phát ra tiếng nhiệm màu. Âm thanh này tuyên diễn những pháp khô, không, vô thường, vô ngã, các môn Ba La Mật, hoặc khen ngợi tướng tốt của chư Phật.

Có hai phần:

1. Nước báu chảy trong các cánh hoa, sóng nước chạm nhau, pháp ra âm thanh vi diệu, diễn thuyết pháp màu

2. Nước báu tràn bờ, dâng lên các thân cây, cành, nhánh, hoa, quả, v.v... Hoặc chảy lên, hoặc chảy xuống, phát ra âm thanh vi diệu, diễn thuyết pháp mầu. Hoặc nói về sự khổ của chúng sanh, khiến cho Bồ tát phát khởi lòng đại bi, cứu độ chúng sanh; hoặc nói về pháp nhân thiên; hoặc nói về pháp nhị thừa; hoặc nói pháp của các bậc tam hiền, thập địa; hoặc nói về pháp ba thân của chư Phật.

F - Ngọc ma ni có oai thần công đức

Từ như ý châu vương lại tuôn ra ánh sáng vàng mầu nhiệm, hóa thành các sắc chim bách bảo. Tiếng chim thanh diệu hòa nhã cùng trời giọng khen ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Có bốn phần:

1. Trong như ý châu vương phát ra ánh sáng
2. Ánh sáng hóa thành chim báu
3. Tiếng chim hòa nhã, âm thanh nhạc trời không thể nào so sánh.
4. Tiếng chim liên tục cùng nhau tán thán niệm Phật, Pháp, Tăng. Đức Phật là bậc Vô thượng sư của chúng sanh, trừ tà quy chánh; Pháp là thuốc lành vô thượng của chúng sanh, có thể đoạn trừ phiền não độc bệnh, khiến pháp thân thanh tịnh; Tăng là Vô thượng phước điền của chúng sanh, chỉ cần không phải lo lắng về y thực, ăn ở, thì có thể tu tập thành tựu quả vị của năm thừa. Các loại châu báu, thoát tiên sanh ra nước bát công đức, kể đến phát ra đủ loại quang minh, đều phá trừ hắc ám hôn mê, đến đâu cũng làm Phật sự.

G - Tổng kết

Đây là môn tướng ao nước bát công đức, thuộc về phép quán thứ năm.

---o0o---

VI - QUÁN LẬU BÁU

A - Nêu tên pháp quán

Nơi cõi báu Cực Lạc.

Cõi Tịnh độ Cực Lạc tuy có nước báu đầy khắp, nếu không có cung điện lầu các báu, thì vẻ đẹp chưa được gọi là tinh diệu. Đây là y báo chánh báo đều đầy đủ.

B - Số lượng lầu báu

Mỗi khu vực có năm trăm ức bảo lầu.

Nêu rõ số lượng, mỗi khu vực có năm trăm ức lầu báu, các khu vực khác trong cõi nước cũng đều như vậy.



C - Sự trang nghiêm bên trong lầu báu

Trong những lầu các ấy có vô lượng chư thiên thường trỗi thiên nhạc.

Nêu rõ sự trang nghiêm trong lầu báu.

D - Sự trang nghiêm bên ngoài lầu báu

Lại có vô lượng nhạc khí lơ lửng giữa hư không như bảo tràng ở cõi trời, không ai trỗi tự nhiên phát thành tiếng.

Nêu rõ sự trang nghiêm bên ngoài lầu báu, nhạc trời vang lừng, biến thành pháp âm vi diệu, ngày đêm sáu thời, giống như tràng báu cõi trời, tự nhiên hoàn thành mọi sự việc.

E - Âm nhạc tuy không tâm thức mà có thể thuyết pháp

Những tiếng này đều diễn nói môn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ Khưu Tăng.

F - Nêu rõ tướng thành tựu của pháp quán

Khi tướng chung các tướng trên gồm bảo địa, bảo thọ, bảo trì, bảo lâu được thành rồi, gọi là thấy thế giới Cực lạc về phần thô.

G - Tổng kết

Đây là môn tổng tướng, thuộc về phép quán thứ sáu

H - Quán tướng đúng pháp, trừ tội nhiều kiếp

Nếu thấy tướng này, sẽ trừ được nghiệp ác rất nặng trong vô lượng ức kiếp. Khi mạng chung, kẻ ấy quyết định được sanh về cõi cực Lạc.

Quán tướng đúng pháp nên trừ được tội chướng nhiều kiếp, thân tâm thanh tịnh, tương ứng với bốn ý Phật, sau khi mạng chung, ắt sẽ được vãng sanh.

I - Biện biệt hành tướng pháp quán chánh hay tà

Quán như thế, gọi là chánh quán. Nếu tướng sai khác, là tà quán.

---o0o---

VII - QUÁN HOA TÒA

A - Đức Phật dặn dò

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: "Hãy để tâm lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các người mà giảng thuyết phân biệt pháp trừ khổ não.

Có ba phần:

- i. Đức Phật dặn dò ngài A Nan và bà Vi Đề Hy
- ii. Khuyến hãy lắng nghe, chánh niệm tu hành
- iii. Đức Phật dạy pháp quán hoa tòa, chỉ cần có thể chuyên tâm quán tướng, thì sẽ trừ diệt được tội khổ.

B - Khuyến khích hoằng dương

Các người nên ghi nhớ rồi giải nói rành rẽ lại cho khắp trong đại chúng nghe”.

Điều thiết yếu trong việc tu tập pháp quán là để gấp rút cứu độ những chúng sanh đang mê muội, chìm ngập trong sanh tử, luân hồi trong lục đạo. Các vị nên tu pháp quán này, rồi đến khắp nơi giảng dạy, khiến mọi người đều được nghe, đều sớm được giải thoát.

C - Đức Phật A Di Đà hiện thân

Khi đức Thế Tôn vừa nói lời ấy xong, thì Phật Vô Lượng Thọ đã hiện thân trụ lập giữa hư không, hai vị đại sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu tả hữu. Ánh quang minh từ thân của Tây phương tam thánh tỏa ra rực rỡ, nhìn không thể xiết, dù cho trăm ngàn sắc vàng diêm phù đàn cũng không thể sánh ví được.

Nêu rõ đức Thích Ca, Giáo chủ cõi Ta Bà, vì muốn độ chúng sanh mà chỉ dạy pháp môn Tịnh độ; đức A Di Đà, Đạo sư cõi Cực Lạc vì cảm thông với tâm tình của đức Thích Ca nên thị hiện cho đại chúng được thấy chơn tướng của ngài. Rõ ràng hai đức Giáo Chủ đều cùng một bản hoài, chỉ có sự ẩn mật và hiển lộ là khác biệt mà thôi.

Có bảy phần:

1. Đang lúc đức Thích Ca khuyến cáo A Nan và Vi Đề Hy.
2. Đức A Di Đà ứng theo lời giảng của đức Thích Ca mà hiện thân để chứng minh rằng sự vắng sanh là xác thực.
3. Đức A Di Đà đứng trên không trung, có nghĩa rằng nếu như hồi tâm chánh niệm, nguyện sanh cõi Cực Lạc, thì lập tức sẽ được vắng sanh.



Hỏi: Phật đức cao quý, không hành động đường đột, đức A Di Đà vì bốn nguyện nên thị hiện đên cõi Ta Bà, tại sao không thị hiện ngồi đoan nghiêm trên tòa sen mà lại thị hiện tướng đứng?

Đáp: Điều này cho biết đức A Di Đà Như Lai có mật ý, bởi vì Ta Bà là cõi khổ, các chúng sanh thiện ác ở chung, tám khổ thiêu đốt, mỗi hành động đều là tạo nghiệp, oan gia giả làm thân thuộc, sáu loại ác tặc thường theo sát bên thân, ba đường ác như hầm lửa lớn, chúng sanh lúc nào cũng chực rơi vào, nếu như không xông vào để cứu chúng sanh mê muội, làm sao họ có thể thoát được sự trói buộc của nghiệp lực. Do vì ý này, nên đức A Di Đà đã hiện tướng đứng, biểu lộ sự vội vàng đến cấp cứu, không kịp ngồi đoan tọa trên tòa sen.

4. Chỉ có hai ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí làm thị giả, không có chúng tùy tùng khác
5. Ba vị Thánh giả thân tâm viên tịnh, quang minh rực rỡ
6. Ánh sáng thân Phật chiếu khắp mười phương, những chúng sanh cầu uế tội chướng làm sao thấy được
7. Thân Phật vô lậu, quang minh cũng vô lậu, ánh sáng hoàng kim của cõi trời là hữu lậu, làm sao có thể so sánh được!

D - Nêu rõ Vi Đề Hy là phàm phu

Vi Đề Hy Phu nhân được thấy Vô Lượng Thọ

Như Lai, liền cúi đầu đánh lễ Phật

Nêu rõ Phu nhân Vi Đề Hy là một phụ nữ phàm phu tầm thường, do nhờ sự gia trì của đức Bồ Đê Sư, mới thấy được đức A Di Đà hiện thân, và cúi đầu đánh lễ. Điều này muốn nói bà Vi Đề Hy mong muốn vãng sanh, tâm trạng hân hoan. Hiện nay được diện kiến đức A Di Đà, liền được chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn.

E - Bà Vi Đề Hy vì chúng sanh đặt câu hỏi

Và thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! nay con nhờ từ lực được thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát.

Phu nhân Vi Đề Hy cảm nhận được ơn sâu của đức Phật, vì muốn chúng sanh đời sau cũng được lợi ích, bèn nêu lên thắc mắc. Ý của Phu nhân là hiện nay bà nhờ ơn đức Phật mà thấy được đức A Di Đà, còn những chúng sanh đời sau làm sao thấy được chân thân của đức Tây Phương Giáo Chủ?

F - Phu nhân mong muốn chúng sanh đời sau cũng được thấy Phật giống như mình

Chúng sanh đời sau phải làm thế nào để quán tưởng Tây phương tam thánh?"

G - Đức Phật hứa giúp

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: Muốn quán đức Phật kia, trước tiên phải khởi tưởng.

Hỏi: “Bà Vi Đề Hy thỉnh Phật giảng pháp là cho chính mình và chúng sanh. Đến lúc đức Phật trả lời, tại sao chỉ nhắc mạnh đến bà Vi Đề Hy mà không đề cập đến chúng sanh khác?”

Đáp: Đức Phật giáo hóa, thuyết pháp tùy căn cơ. Ngay như không có người thỉnh, đức Phật còn tự mình nêu lên mà thuyết giảng, làm gì có việc độ riêng một người mà không đề cập đến kẻ khác? Chỉ vì hiện nay, kinh văn sơ lược, thành thử không thấy đề cập đến (chúng sanh khác), thế nhưng đoạn văn ấy là có ý bao hàm tất cả chúng sanh.

H - Chánh thức giảng giải phương tiện tu quán

Trên đất thất bảo có hoa sen.

Hỏi: Chúng sanh tâm tưởng tối tăm, ngu si vô trí, vọng tưởng điên đảo, việc trước mắt còn mờ mịt như mò mẫm trong bóng tối, nay phải quán tưởng cảnh giới Tịnh độ xa vời, làm sao thành tựu?

Đáp: Nếu chỉ nhìn từ khía cạnh phàm phu, thì sự quán tưởng quả là vô ích, thế nhưng, nếu nương vào sự gia trì của chư Phật Bồ tát, thì vẫn có thể thành tựu pháp quán Cực Lạc.

Làm cách nào trụ tâm để thấy được cõi kia? Muốn tu pháp này, trước tiên, hành giả phải đối trước tượng Phật, chí thành sám hối, phát lộ tất cả những tội lỗi đã làm, cực kỳ hổ thẹn, khóc lóc ăn năn. Sau khi sám hối, dùng lòng tha thiết, cung thỉnh đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng mười phương chư Phật. Kế đến, niệm lớn Bổn Nguyện của đức Phật A Di Đà: *“Đệ tử tên là, vô minh tâm tối, làm ngăn trở việc tiến tu. Xin nguyện đức Phật từ bi, nhiếp thọ hộ trì, gia bị cho con được khai ngộ. Cảnh giới quán tưởng, nguyện được thành tựu. Hôm nay, nguyện được sớm xả thân này, vãng sanh Cực Lạc. Dù thấy hay không thấy được cảnh giới Cực Lạc, đều là nhờ ơn Phật”*.

Sau khi tác bạch, tiếp tục chí thành sám hối hoàn tất. Sau đó, đến một nơi an tĩnh, ngồi kiết già hướng về phía tây, giống như phần trên. Sau khi tâm an trụ, dần dần chuyển tâm, quán tưởng đất báu, màu sắc rõ ràng. Lúc đầu, không nên quán tưởng nhiều cảnh một lúc, như thế rất khó đắc định. Chỉ nên quán trong phạm vi một tấc, một thước, v.v... Hành trì trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn, năm, sáu, bảy ngày, hoặc một tháng, một năm, hai, ba năm, v.v... Ngày đêm không gián đoạn. Đi đứng nằm ngồi, các nghiệp thân, miệng, ý đều hợp nhất với định. Mọi việc đều phải buông xả, giống như người khờ, cầm mù điếc, như vậy mới có thể đắc định. Nếu không như thế, ba nghiệp tùy theo cảnh chuyển, không thể nào vào định. Dù có trải qua ngàn năm, cũng không bao giờ mở được pháp nhãn. Nếu như đắc định, thì trước tiên, hoặc thấy minh tướng xuất hiện, hoặc có thể thấy đất báu hiện tiền, v.v..., rõ ràng minh bạch, không thể nghĩ bàn. Có hai cách thấy: 1. thấy bằng tưởng, do vì còn tri giác, nên chỉ thấy cảnh giới Cực Lạc mờ mờ, không được rõ ràng; 2. nếu như tri giác trong ngoài ngừng bật, thể nhập vào Tam muội chánh thọ, thì cảnh giới Cực Lạc sẽ hiện ra rõ ràng, mà sự thấy bằng tưởng không thể nào so sánh được.

I - Hoa tòa có đủ loại trang nghiêm

Mỗi cánh sen này ửng sắc bá bảo, có tám muôn bốn ngàn đường gân đường như bức vẽ thiên nhiên. Mỗi đường gân có tám muôn bốn ngàn tia sáng



Có ba phần:

- a. Mỗi cánh hoa gồm đủ loại trân bảo
- b. Mỗi lá có nhiều đường gân bằng nhiều loại trân bảo
- c. Mỗi đường gân phát ra nhiều loại ánh sáng. Điều này làm cho hành giả an trụ thân tâm, quán tưởng từng chi tiết, khiến cho tâm nhãn thấy được cảnh giới.

Sau khi thấy được hoa tòa, kế đến quán tưởng trân báu khoảng giữa các lá. Kế đến, quán tưởng các trân bảo phát ra nhiều loại ánh sáng, ánh sáng biến thành bảo cái. Kế đến, quán tưởng đài hoa, trên đài có nhiều loại trân bảo, cùng với lưới báu, v.v... Kế đến, quán tưởng bốn trụ bảo tràng của đài hoa. Kế đến, quán tưởng màng báu phủ trên bảo tràng. Kế đến, quán tưởng châu báu giăng mắc trên màng. Ánh sáng nhiều màu đầy khắp hư không, biến hiện thành nhiều hình tướng khác nhau.

Như vậy, lần lượt quán tưởng, an trụ tâm vào từng cảnh giới, không nên buông xả, ắt không bao lâu, sẽ được định tâm. Sau khi được định tâm, tất cả sự trang nghiêm này đều sẽ hiện ra rõ ràng.

J - Nêu rõ sự thành tựu của pháp quán

Chiếu suốt rõ ràng. Các chi tiết trên đây, phải quán thấy cho rành rẽ.

K - Nêu rõ hoa lá có nhiều loại trang nghiêm

Tòa sen có đủ tám muôn bốn ngàn cánh, cánh nhỏ nhưt cũng rộng hai trăm năm mươi do tuần. Trong mỗi cánh có trăm ức hạt Ma Ni Châu Vương trang nghiêm sáng chói. Mỗi hạt châu ma ni phóng ra ngàn sắc quang minh như lọng thất bảo che khắp trên mặt đất.

Có sáu phần, nêu rõ:

1. Hoa tòa lớn nhỏ
2. Hoa lá nhiều ít
3. Trân châu giữa các lá phát ánh sáng nhiều ít
4. Trân châu phát ra ngàn tia sáng
5. Mỗi tia sáng biến thành bảo cái
6. Mỗi bảo cái, trên chiếu hư không, dưới che đất báu

L - Nêu rõ sự trang nghiêm trên bảo đài

Đài sen được tạo thành bằng chất báu chính là Thích Ca Tỳ Lăng Già. Ngoài ra, còn có tám vạn ngọc báu kim cương, chân thúc ca, phạm ma ni và lưới diệu chân châu trang sức.

M - Nêu rõ sự trang nghiêm của bảo tràng

Trên đài sen tự nhiên có bốn trụ Bảo Tràng; mỗi trụ cao lớn như trăm ngàn muôn ức núi Tu Di. Trên Bảo Trụ có màn báu và năm trăm ức vi diệu bảo châu che phủ, hình như cung trời Dạ Ma trang nghiêm rực rỡ.

Có bốn phần, nêu rõ:

1. Trên đài tự nhiên có bốn bảo tràng
2. Bảo tràng lớn nhỏ
3. Phía trên bảo tràng là màn báu, hình dạng như cung trời
4. Bảo tràng có nhiều châu báu, ánh sáng rực rỡ

N - Ánh sáng châu báu có bất khả tư nghì đức dụng

Mỗi hạt bảo châu có tám muôn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng phát ra tám muôn bốn ngàn kim sắc khác lạ soi khắp cõi báu, tùy mỗi nơi hiện mỗi tướng kim sắc khác nhau. Các tướng ấy như đài kim cương, hoặc lưới chơn châu, hay mây tạp hoa, ở khắp mười phương, tùy ý biến hiện làm những Phật sự.

Có năm phần, nêu rõ:

1. Mỗi châu báu phát ra nhiều tia sáng
2. Mỗi ánh sáng hiện ra nhiều màu khác nhau
3. Mỗi màu ánh sáng chiếu soi khắp cõi Cực Lạc
4. Ánh sáng đến nơi nào, đều biến hiện nhiều sự trang nghiêm khác biệt
5. Hoặc biến thành đài kim cương, hoặc biến thành lưới báu, mây hoa, nhạc báu, tỏa khắp mười phương.

O - Tổng kết tên pháp quán

Đây là môn hoa tòa tướng, thuộc về phép quán thứ bảy.

P - Nguyên do sự thành tựu hoa tòa

Đức Thế Tôn bảo A Nan: Hoa sen màu nhiệm ấy do nguyên lực của Tỳ Khưu Pháp Tạng thành tựu.

Q - Lặp lại phương thức quán tướng

Muốn quán đức Phật Kia, trước phải tướng hoa tòa này. Khi tu môn tướng đây, không được quán tạp, phải quán từ đài sen đến mỗi cánh, hạt châu, ánh sáng, trụ bảo tràng, đều cho rõ ràng, như người soi gương tự thấy mặt mình.

An trụ tâm theo thứ tự, giống như phần trên, không được tạp loạn.

R - Tóm tắt hành tướng thành tựu của pháp quán

Phép tướng này nếu thành, sẽ diệt trừ tội chướng trong năm muôn ức kiếp sanh tử, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc.

Có hai điều lợi ích: 1. Trừ diệt tội chướng, 2. Được vãng sanh Cực Lạc

S - Biện biệt tướng chánh tà của pháp quán

Quán như thế, gọi là chánh quán. Nếu tướng sai khác, là tà quán.

Đây là hoa nương bảo địa, châu báu thành hàng, bốn trụ huy hoàng, quang minh làm Phật sự.

---o0o---

VIII - QUÁN TƯỢNG

A - Kết tiền sanh hậu

Này A Nan, Vi Đề Hy! Khi thấy tướng hoa tòa rồi, kế tiếp nên quán hình tượng Phật. Việc ấy như thế nào?

Nêu lên lý do tu pháp quán tượng.

B - Nêu rõ lòng từ của đức Phật, tùy tâm hiển hiện, vì lợi ích này, phải nên tu quán

Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tất cả tâm tướng của chúng sanh.

Hỏi: Bà Vi Đề Hy cầu thỉnh, chỉ mong thấy được Di Đà, tại sao hiện nay đức Như Lai lại đề cập đến chư Phật. Đây là có ý gì?

Đáp: Vì muốn nêu rõ chư Phật đồng chứng ba thân⁹, Từ bi và Trí tuệ đều tròn đủ, bằng nhau không khác, tuy thân an tọa trên tòa sen mà biến hiện mười phương, hóa độ những chúng sanh hữu duyên cùng khắp trong pháp giới.

Chữ “Pháp giới” có ba nghĩa:

1. Tâm bao trùm khắp mọi nơi nên gọi là pháp giới
2. Thân biến hiện khắp mọi nơi nên gọi là pháp giới
3. Không chướng ngại nên gọi là pháp giới

Do tâm biến khắp, nên thân cũng hiện khắp, cho nên gọi là thân pháp giới

Pháp giới, là cảnh giới được hóa độ, tức là chúng sanh giới

Thân, là thân làm việc hóa độ, tức là thân chư Phật.

“Vào trong tất cả tâm tướng của chúng sanh”, đây là do chúng sanh khởi niệm, muốn thấy chư Phật, chư Phật bèn dùng trí vô ngại, hiện tướng trong tâm tướng của chúng sanh đó. Thế nhưng, điều này cũng có nghĩa là các hành giả, hoặc khi tưởng niệm, hoặc trong mộng, hoặc trong định đều thấy được chư Phật.

C - Kết luận, khuyến khích sự lợi ích

Cho nên khi tâm các người tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình; tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biện chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh.

Hành giả khởi tâm quán Phật, chỉ nên tưởng nghĩ đến Phật, từ đánh môn đến lòng bàn chân, tâm không buông xả, quán sát từng bộ phận, tâm không ngừng nghỉ. Hoặc quán tướng Vô kiến đánh tướng, hoặc quán tướng ánh sáng giữa chạng mờ, nhãn đến quán tướng tướng bánh xe ngàn cãm ở lòng bàn chân. Trong lúc quán tướng, tượng Phật đoan nghiêm, đầy đủ tướng hảo, hiện rõ trước mắt. Do vì tâm duyên vào từng tướng riêng biệt, cho nên mỗi tướng đều hiện rõ. Nếu như tâm không duyên vào cảnh tướng thì các tướng không hiện ra. Chỉ vì do tâm quán tướng, nên cảnh tướng tùy tâm hiển hiện, cho nên gọi là “tâm ấy chính là ba mươi hai tướng”.

“Tám mươi vẻ đẹp tùy hình”, ba mươi hai tướng đã hiển hiện, tám mươi vẻ đẹp sẽ cùng lúc hiển hiện. Điều này chứng tỏ đức Như Lai dạy pháp quán đầy đủ.

“Tâm ấy làm Phật”, y vào lòng tin của chính mình, duyên vào ảnh tượng mà tác thành tướng Phật.

“Tâm ấy là Phật”, tâm có thể tưởng Phật, y vào sự quán tướng mà thân Phật hiển hiện, đây là Phật của tâm; rời khỏi tâm này ra, không có Phật nào khác.

“Chánh biến tri của Phật”, điều này nêu rõ chư Phật chứng đắc đầy đủ trí tuệ vô ngại, dù tác ý hay không, các ngài thường biết rõ tâm tưởng của chúng sanh trong pháp giới. Nếu hành giả có thể quán tướng, thì các ngài sẽ từ trong tâm của hành giả mà hiển hiện, giống như từ trong tâm sanh ra.

Có người đem ý nghĩa ở đây, hoặc dùng lối quán pháp thân của Duy thức để giải thích, hoặc dùng lối quán Phật tánh tự tính thanh tịnh để giải thích, đây là điều vô cùng sai lầm, hoàn toàn không phù hợp với ý nghĩa chân thực của kinh. Trong kinh đã nói là quán tướng, giả lập ba mươi hai tướng, còn “chân như pháp giới (pháp thân)” chẳng lẽ còn có hình tướng để nương vào, có thân sắc để bám lấy? Pháp thân không có hình sắc, không phải là đối cảnh của nhãn thức, mà cũng không có phương hướng để xác định, cho nên lấy hư không để ví dụ hình thể của pháp thân.

Hiện nay, những pháp quán trong kinh này, đều là chỉ phương hướng, lập hình tướng. An tâm đề trụ vào cảnh giới, hoàn toàn không đề cập đến vô tướng ly niệm. Đức Như Lai biết rõ trong đời mạt pháp, các phàm phu tội chướng, lập tướng để trụ tâm còn làm không nổi, nói gì đến ly tướng để cầu sự? Điều này cũng giống như người phàm, không có pháp thuật, mà muốn làm nhà ở giữa hư không!

D - Vì sự ích lợi nêu trên, chuyên tâm quán tưởng ắt thành, cho nên khuyến khích quán tưởng Phật A Di Đà

Vì thế các người nên một lòng hệ niệm quán kỹ đức Đa Đà A Đà Độ (Như Lai), A La Ha (Ứng Cúng), Tam Miệu Tam Phật Đà (Chánh Biến Tri) kia.

E - Xác định cảnh sở quán

Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ trước phải tưởng hình tượng

F - Biện biệt sự thành tựu cảnh tượng

Làm sao khi nhắm mắt mở mắt đều thấy một bảo tượng như sắc vàng diêm phù đàn, ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy Phật tượng rồi tâm nhãn tự được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bấy giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, như: Bảo địa, bảo trì, hàng bảo thọ, trên cây có màn báu chụm thiên che phủ, các lưới báu giăng khắp giữa hư không. Khi thấy cảnh tượng rất rõ ràng như nhìn vào bàn tay



Có bốn phần:

- 1. Trong lúc đi đứng nằm ngồi, nhắm mắt mở mắt, đều thấy một tượng Phật bằng vàng, hiện rõ trước mắt, thường phải nên quán tưởng như vậy.**

2. Sau khi đã quán thành, tượng Phật phải có nơi an tọa, liền quán tướng hoa tòa ở phần trên, kế đến, quán tướng tượng Phật ngồi trên hoa tòa.

3. Sau khi thấy tượng Phật an trụ trên hoa tòa, tâm nhãn liền khai mở.

4. Sau khi tâm nhãn khai mở, tức thời thấy được tượng vàng cùng những sự trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, trên không, trên đất, rõ ràng không bị chướng ngại. Hơn nữa, phương pháp quán tượng, trụ tâm, đều giống như đã nói ở phần trên. Từ trên đánh môn quán tướng xuống, từng bộ phận: bạch hào tướng, mắt, mũi, miệng, tai, cổ, vai, bắp tay, bàn tay, ngón tay. Lại quán tướng ngược lên: ngực, bụng, rốn, âm tàng, bắp đùi, bắp vế, mắt cá, bàn chân, mười ngón chân, bánh xe ngàn cãm, v.v... Quán tướng từng bộ phận. Từ trên quán xuống gọi là quán thuận, từ dưới quán lên gọi là quán nghịch. Như vậy, quán thuận quán nghịch đều an trụ được thân tâm, chẳng bao lâu sẽ thành tựu pháp quán tượng. Hơn nữa, thân Phật, hoa tòa, đất báu, v.v... đều phải quán thuận nghịch như vậy.

Trong các pháp quán, pháp quán đất báu, hoa tòa, tượng Phật, v.v... rất là quan trọng. Nếu muốn chỉ bảo người khác, nên chỉ pháp quán này. Nếu như một trong những pháp quán này thành tựu, thì các pháp quán khác tự nhiên cũng sẽ thành tựu.

G - Thành tựu pháp quán ba thân, chuyển qua pháp quán nhiều thân

Rồi lại tưởng hai hoa sen lớn, một ở bên tả, một ở bên hữu của Phật, cả hai đều giống như tòa sen trước. Xong lại tưởng hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi tòa sen bên mặt, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng diêm phù đàn.

Muốn quán tượng của hai vị Bồ tát, phải làm y như pháp quán tượng Phật.

H - Thành tựu pháp quán nhiều thân, chuyển qua pháp quán thuyết pháp

Phép quán này thành rồi, lại tưởng thân tướng của Phật và Bồ Tát đều phóng ánh sáng vàng, chiếu các cây báu. Nơi mỗi góc cây đều có tượng Phật và hai vị Bồ tát ngồi trên tòa sen, như thế cho khắp cả bảo độ.

Các hành giả trong lúc đi đứng nằm ngồi, tâm thường duyên với cảnh giới Cực Lạc, tất cả lầu báu, cây báu, ao báu, v.v... Hoặc trong lúc lạy Phật, niệm Phật, quán tượng, v.v... đều phải thường nên hệ niệm cõi đó.

I - Do nhập định thấy được cảnh giới Cực Lạc trang nghiêm

Sau khi pháp quán thành tựu, hành giả thường nghe tiếng nước chảy, ánh sáng, các cây báu, những loài chim: phù, nhận, uyên ương nói pháp màu, cho đến khi xuất định, nhập định hằng được nghe thấy. Pháp màu này dù cho khi xuất định, hành giả phải ghi nhớ đừng quên.

Hành giả do đắc định, thấy được cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, và hơn nữa, lại còn nghe tất cả sự trang nghiêm đó đều thuyết pháp màu. Sau khi nghe xong, thường nhớ không quên. Đây gọi là an trụ trong định cảnh.

J - Biện biệt pháp quán tà chánh

Và cần phải hợp với Tu đa la (khế kinh). Nếu pháp không hợp với khế kinh, gọi là vọng tưởng; như hợp, gọi là tưởng thấy thế giới Cực Lạc về phần thô. Đây là môn tưởng thứ tám.

K - Chuyên tâm tu quán, được sự lợi ích

Phép quán này tu thành, trừ diệt tội trong vô lượng ức kiếp sanh tử, ngay hiện đời hành giả tất chứng được Niệm Phật tam muội.

Đây là do chúng sanh chướng nặng, khó lòng quán tưởng chân thân của Phật, cho nên đức Đại Thánh răn lòng thương, dạy cho pháp quán tượng Phật.

---o0o---

IX - QUÁN CHÂN THÂN PHẬT A DI ĐÀ

A - Đức Phật nêu lên pháp quán kế tiếp.

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Môn tưởng này đã thành tựu, kể lại quán thân tướng quang minh của Phật Vô Lượng Thọ.

B - Hiện bày thân tướng của Phật, vượt hơn hình sắc hoàng kim của cõi trời

Này A Nan! Ông nên biết thân Phật A Di Đà rực rỡ như sắc vàng diêm phù đàn của trăm ngàn muôn ức cung trời Dạ ma.

C - Nêu rõ thân Phật lớn nhỏ

Phật thân cao sáu mươi sáu vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần.

D - Tổng quán thân tướng

Tướng bạch hào giữa đôi mày uyển chuyển xoay về bên hữu như năm núi Tu di. Mắt Phật xanh trắng phân minh, rộng như nước bốn biển lớn. Các chơn lông nơi thân tuôn ra ánh sáng như Diệu cao sơn. Viên quang của Phật to rộng như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Trong ấy có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa Hóa Phật, mỗi vị đều có vô số Hóa bồ tát làm thị giả.



Có sáu phần:

1. Tướng bạch hào lớn nhỏ
2. Tướng con mắt lớn nhỏ
3. Ánh sáng lỗ chân lông lớn nhỏ
4. Viên quang lớn nhỏ
5. Hóa Phật nhiều ít
6. Thị giả nhiều ít.

E - Quán tướng khác biệt nơi thân.

Vô Lượng Thọ Như Lai có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, và mỗi vẻ đẹp lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng. Những tia sáng ấy soi khắp các cõi ở mười phương, thấu nhiếp tất cả chúng sanh niệm Phật.

Có năm phần:

1. Tướng nhiều ít
2. Hảo nhiều ít
3. Ánh sáng nhiều ít
4. Ánh sáng chiếu xa gần
5. Nơi ánh sáng chiếu đến, đều được sự lợi ích

Hỏi: Tu tập đầy đủ các hạnh, chỉ cần có thể hồi hướng công đức, đều được vãng sanh; tại sao ánh sáng của Phật (A Di Đà) chiếu khắp, mà chỉ nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật, đây là có ý gì?

Đáp: Có ba nghĩa:

1. Thân duyên: Chúng sanh khởi hạnh, miệng thường niệm Phật, Phật liền nghe biết; thân thường lạy Phật, Phật liền thấy biết; tâm thường nhớ Phật, Phật liền nhận biết. Chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, Phật cũng nhớ chúng sanh, niệm chúng sanh. Đôi bên, ba nghiệp thường không rời nhau, cho nên gọi là thân duyên.
2. Cận duyên: Chúng sanh nguyện thấy Phật, Phật liền cảm nhận, bèn hiện thân cho thấy, cho nên gọi là cận duyên.
3. Tăng thượng duyên: Chúng sanh xưng niệm danh hiệu Phật, trừ diệt tội nghiệp trong nhiều kiếp. Lúc sắp mạng chung, Phật cùng các thánh chúng đến tiếp dẫn vãng sanh, các sự trói buộc của tà nghiệp không thể nào làm chướng ngại, cho nên gọi là tăng thượng duyên.

Tu các công hạnh khác, tuy cũng gọi là thiện, nếu so với công hạnh niệm Phật, thì hoàn toàn không thể so sánh được. Cho nên phần nhiều trong các kinh điển, đều tán thán niệm Phật.

Như trong kinh Vô Lượng Thọ, phần bốn mươi tám nguyện, chỉ nói những người chuyên tâm niệm Phật A Di Đà mới được vãng sanh. Kinh A Di Đà nói chuyên tâm niệm Phật A Di Đà, một ngày cho đến bảy ngày mới được vãng sanh. Lại như mười phương chư Phật chứng minh lời dạy trong kinh A Di Đà là chính xác. Lại trong quyển kinh này, lời kinh trong các phần Định thiện, Tấn thiện, đều nói rõ là chuyên tâm niệm Phật A Di Đà mới được vãng sanh. Những điều chứng minh này không phải là ít.

F - Dùng cái ít nói cái nhiều

Những tướng hảo, quang minh cùng Hóa Phật đó vô cùng, nói không thể xiết! Hành giả chỉ nên thành kính nhớ tưởng, khiến cho tâm nhãn được thấy.

Nếu muốn quán tướng, khó mà quán hết. Sự trang nghiêm vi diệu, vượt quá cảnh phàm, tuy chưa thấy trước mắt, phải thường nhớ niệm, khiến tâm nhãn được thấy.

G - Công hạnh không mất, thành tựu sự lợi ích của quán tướng

Thấy được tướng này, tất thấy tất cả chư Phật mười phương. Vì thấy chư Phật, nên gọi là niệm Phật tam muội. Tu phép quán này gọi là quán thân tất cả chư Phật. Và vì quán thân Phật nên cũng thấy tâm Phật. Tâm Phật là tâm Đại từ bi, dùng vô duyên từ nhiếp tất cả chúng sanh niệm Phật.

Có năm phần:

1. Nhân sự tu quán được thấy chư Phật mười phương
2. Vì thấy được chư Phật, cho nên chứng được Niệm Phật Tam Muội
3. Chỉ quán tướng một Phật, tức là quán tướng tất cả Phật
4. Do thấy được thân Phật, cho nên cũng thấy được tâm Phật
5. Tâm Phật, lấy từ bi làm thể tánh, dùng tâm từ bình đẳng này, rộng nhiếp tất cả chúng sanh
- 6.

H - Xả thân đời này, được vãng sanh Cực Lạc

Quán như thế, khi xả báo thân sẽ vãng sanh về trước chư Phật, được vô sanh nhẫn.

I - Khuyến khích tu hành được lợi ích

Cho nên người trí phải hệ niệm quán kỹ Phật Vô Lượng Thọ. Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ, phải từ một tướng hảo mà đi vào. Trước tiên phải quán tướng lông trắng giữa đôi mày cho cực rõ ràng. Khi thấy được tướng bạch hào, tự nhiên tám muôn bốn ngàn tướng tốt sẽ hiện. Và thấy được Phật A Di Đà, tức thấy vô lượng chư Phật ở mười phương. Vì thấy vô lượng chư Phật, nên được chư Phật hiện tiền thọ ký.

Có năm phần:

1. Lựa ra người có thể tu pháp quán

2. Chuyên tâm quán sát kỹ Phật Vô Lượng Thọ
3. Tướng hảo rất nhiều, không thể quán lộn xộn, chỉ cần quán một tướng bạch hào, nếu thấy được tướng bạch hào, thì tất cả những tướng khác sẽ tự nhiên hiển hiện.
4. Thấy được Phật A Di Đà, sẽ thấy được mười phương chư Phật
5. Sau khi thấy được chư Phật, ngay trong định sẽ được chư Phật xoa đầu thọ ký

J - Tổng kết

Đây là môn tướng tất cả tướng nơi sắc thân, thuộc về phép quán thứ chín.

K - Biện biệt tướng chánh tà

Quán như thế gọi là chánh quán. Nếu tướng sai khác, là tà quán.

Chân thân đức Phật cao vòi, bạch hào như năm núi Tu Di, tùy căn cơ chúng sanh mà hóa độ, ánh sáng nhiếp thọ kẻ hữu duyên. Nay muốn hàm linh (hữu tình) quy mạng, chuyên tâm tu quán, nương vào hồng nguyện của Phật mà đều được vãng sanh Cực Lạc.

---o0o---

X - QUÁN CHÂN THÂN ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

A - Chuyển từ quán A Di Đà sang quán Quán Thế Âm

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Sau khi thấy Phật Vô Lượng Thọ rõ ràng rồi, lại nên quán tướng Bồ tát Quán Thế Âm

B - Nêu tổng quán thân tướng Bồ tát

Vị Đại sĩ này thân cao tám mươi muôn ức na do tha do tuần, sắc tử kim, đánh có nhục kế. Viên quang nơi đầu của Bồ Tát, mỗi phía đều rộng trăm ngàn do tuần. Trong viên quang có năm trăm Hóa Phật như Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Mỗi vị hóa Phật đều có năm trăm Hóa Bồ Tát và vô lượng chư thiên làm thị giả. Trong thân quang của Bồ Tát hiện tất cả sắc tướng của ngũ đạo chúng sanh.

Có sáu phần:

1. Thân lượng lớn nhỏ

2. Sắc thân không đồng với Phật
3. Nhục kế không đồng với loa kế của Phật
4. Viên quang lớn nhỏ
5. Hóa Phật, thị giả nhiều ít
6. Trong ánh sáng hiện ra chúng sanh năm cõi

C - Nêu rõ vị Hóa Phật trên thiên quan của Bồ tát

Bồ Tát đầu đội thiên quan bằng chất báu tỳ lăng già ma ni. Nơi thiên quang có một vị Hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do tuần.

D - Sắc mặt và sắc thân không đồng

Quán Thế Âm Đại sĩ, mặt như sắc vàng diêm phù đàn.



E - Nêu rõ bạch hào tướng quang

Tướng bạch hào giữa đôi mi có đủ sắc thất bảo, chiếu ra tám muôn bốn ngàn thứ quang minh. Mỗi ánh quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn Hóa Phật. Mỗi vị Hóa Phật lại có vô số Hóa Bồ tát làm thị giả. Các Hóa Bồ tát này biến hiện tự tại đầy khắp mười phương thế giới.

Hào quang chuyển biến, chiếu khắp mười phương, Hóa Phật cùng thị giả nhiều hơn trong viên quang.

Có năm phần:

1. Tướng bạch hào có bảy màu
2. Hào quang nhiều ít
3. Trong ánh sáng có Hóa Phật nhiều ít
4. Số thị giả nhiều ít
5. Hóa Phật và thị giả, biến hiện khắp mười phương

F - Tay đeo chuỗi anh lạc do ánh sáng tạo thành

Cánh tay của Bồ tát như sắc hoa sen hồng. Có tám mươi ức tia sáng nhiệm màu làm chuỗi anh lạc, trong ấy hiện ra tất cả việc trang nghiêm.

G - Bàn tay có đức dụng từ bi

Bàn tay Bồ tát như năm trăm ức sắc tạp liên hoa, nơi đầu mỗi ngón tay có tám muôn bốn ngàn làn chỉ đẹp dường như nét vẽ của chiếc ấn. Mỗi làn chỉ đều có tám muôn bốn ngàn sắc, mỗi sắc lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng nhu nhuyến soi khắp các nơi. Bồ tát thường dùng tay báu này tiếp dẫn chúng sanh các cõi.

Có sáu phần:

1. Bàn tay có màu sắc tạp liên hoa.
2. Mỗi ngón tay có tám vạn bốn ngàn làn chỉ đẹp, giống như nét vẽ của cái ấn.
3. Mỗi làn chỉ có tám vạn bốn ngàn màu sắc.
4. Mỗi màu sắc có tám vạn bốn ngàn tia sáng.
5. Tia sáng nhu nhuyến, chiếu khắp các nơi.
6. Bồ tát dùng bàn tay báu tiếp dẫn chúng sanh có duyên với cõi Cực Lạc.

H - Bàn chân có đức dụng.

Nơi lòng bàn chân của Quán Thế Âm Đại sĩ có tướng Thiên bức luân. Khi Bồ Tát đỡ chân lên, từ nơi luân tướng ấy hóa hiện ra năm trăm ức đài quang minh. Lúc để chân xuống tự nhiên có vô số hoa kim cương ma ni tuôn rải tản mát khắp mọi nơi.

I - Những tướng đồng với đức Phật.

Ngoài ra, các tướng khác nơi thân bồ Tát đều đầy đủ và xinh đẹp như đức Vô Lượng Thọ Thế Tôn.

J - Nêu lên chỗ khác biệt.

Duy trừ nhục kế và tướng vô kiến đảnh là không bằng Phật.

Thầy trò địa vị khác biệt. Bồ tát hạnh nguyện, quả vị chưa viên mãn, cho nên có hai điểm khác biệt.

K - Tổng kết

Đây là môn tướng sắc thân chân thật của Bồ Tát Quán Thế Âm, thuộc về phép quán thứ mười.

L - Đức Phật nhắc nhở lần nữa

Phật bảo A Nan: Nếu chúng sanh nào muốn quán thân tướng của Bồ Tát Quán Thế Âm, phải nên quán tướng đúng như vậy.

M - Nêu rõ sự lợi ích của pháp quán

Kẻ tu thành môn quán này không còn gặp các tai họa, trừ sạch nghiệp chướng và tội lỗi trong vô số kiếp sanh tử. Chúng sanh chỉ nghe danh hiệu vị Bồ Tát ấy còn được vô lượng phước, hưởng nữa là quán kỹ sắc thân?

N - Nói rõ lại phương thức quán tướng

Kẻ nào muốn quán tướng Bồ Tát Quán Thế Âm, trước nên quán nhục kế trên đảnh, tiếp quán đến thiên quan, bao nhiêu tướng khác cũng lần lượt quán cho rõ ràng, như thấy các làn chỉ trong bàn tay.

Khuyến khích hành giả chuyên tâm, ắt được hai điều lợi ích.

O - Biện biệt tướng tà chánh

Quán như thế, gọi là chánh quán. Nếu tướng sai khác, là tà quán.

Quán Âm nguyện lớn, ảnh hiện mười phương, tay báu phóng quang, tùy duyên tiếp dẫn.

---o0o---

XI - QUÁN CHÂN THÂN ĐỨC ĐẠI THẾ CHÍ

A - Nêu tên pháp quán

Kê đến Bồ Tát Đại Thế Chí.

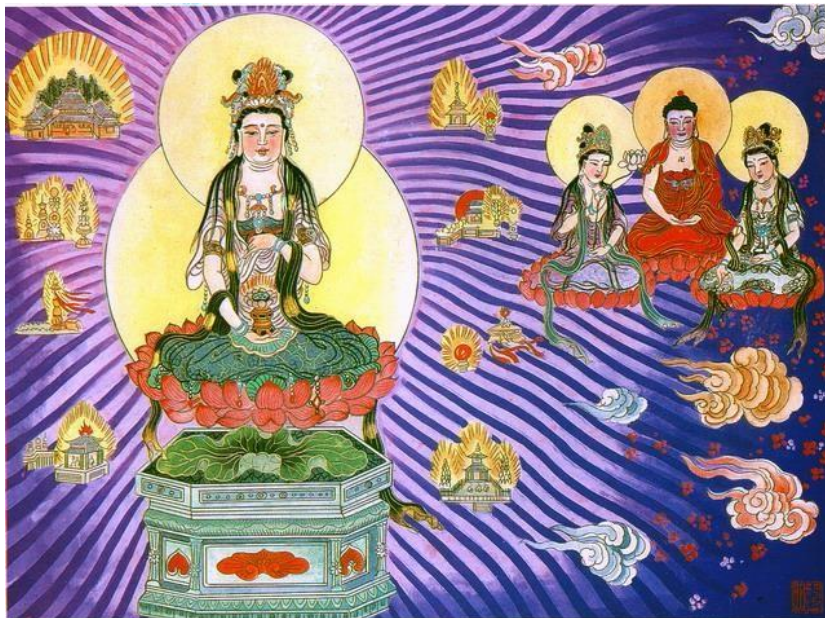
B - Nêu rõ quán tướng

Thân lượng của vị đại sĩ này cũng tương đương với Bồ Tát Quán Thế Âm.

Có năm phần, nêu rõ:

1. Tầm vóc ngang bằng với đức Quán Thế Âm
2. Thân sắc cũng đồng với đức Quán Thế Âm
3. Gương mặt cũng giống đức Quán Thế Âm
4. Thân quang, tướng hảo cũng đồng với đức Quán Thế Âm
5. Tướng bạch hào biến hiện cũng đồng với đức Quán Thế Âm

C - Nêu rõ viên quang, v.v.. khác với đức Quán Thế Âm



Viên quang nơi đảnh của Đại Thế Chí Bồ Tát mỗi phía đều rộng một trăm hai mươi lăm do tuần; từ quang thể này ánh sáng lại chiếu xa thêm hai trăm năm mươi do tuần nữa.

Có bốn phần, nêu rõ:

1. Viên quang lớn nhỏ
2. Ánh sáng soi chiếu xa gần
3. Hóa Phật nhiều ít
4. Thị giả nhiều ít

D - Nêu rõ thân quang

Quang minh toàn thân của Bồ Tát ánh ra màu sắc tử kim (vàng tía), chiếu khắp các cõi ở mười phương, những chúng sanh hữu duyên đều được trông thấy. Chúng sanh nào chỉ thấy ánh sáng nơi một lỗ chân lông của vị Bồ Tát này, tức thấy quang minh trong sạch nhiệm màu của mười phương vô lượng chư Phật. Vì thế, vị Đại sĩ này được gọi là Vô Biên Quang. Và bởi Bồ Tát dùng ánh sáng trí huệ soi khắp tất cả chúng sanh, khiến cho xa lìa tam đồ, được sức vô thượng, nên lại có tên là Đại Thế Chí.

Nêu rõ thân quang chiếu khắp mười phương, soi sáng kẻ hữu duyên, đều hiện màu vàng tía. Có tám phần:

1. Thân quang tổng tướng và biệt tướng không đồng
2. Ánh sáng chiếu xa gần
3. Ánh sáng chiếu đến nơi nào, đều có màu vàng tía
4. Những người có duyên trong quá khứ với đức Đại Thế Chí đều được ánh sáng của ngài chiếu đến
5. Chỉ cần thấy một tia sáng của tướng bạch hào, liền có thể nhìn thấy ánh sáng thanh tịnh vi diệu của chư Phật
6. Y vào ánh sáng mà đặt tên
7. Ánh sáng của ngài, lấy tánh vô lậu làm thể, cho nên gọi là Trí Huệ Quang. Hơn nữa, có thể trừ diệt sự khổ trong ba đường ác ở khắp mười phương, cho nên gọi là Vô Thượng Lực.
8. Đại Thế Chí là do y vào đức mà đặt tên.

E - Tướng trang nghiêm của thiên quan, khác với của đức Quán Thế Âm

Thiên quan của Đại Thế Chí Bồ Tát có năm trăm bảo hoa, mỗi bảo hoa có năm trăm bảo đài. Trong mỗi bảo đài hiện rõ tướng quốc độ tịnh diệu rộng rãi của mười phương chư Phật.

Có bốn phần:

1. Hoa báu trên thiên quan nhiều ít
2. Trên mỗi hoa báu, đài báu nhiều ít
3. Trên mỗi đài báu, ảnh hiện những cõi tịnh độ của chư Phật mười phương
4. Các cõi Tịnh độ hiển hiện, không chướng ngại lẫn nhau

F - Nêu rõ tướng trạng của bình báu

Nhục kế nơi dành của Bồ Tát hình như hoa bát đầu ma (hoa sen hồng). Trên nhục kế có một bảo bình đựng các thứ quang minh, hiện Phật sự khắp mọi nơi.

G - Những tướng đồng với đức Quán Thế Âm

Ngoài ra, các tướng khác nơi thân, cũng đồng như Quán Thế Âm Bồ Tát.

H - Hành tướng không đồng với đức Quán Thế Âm

Khi vị Đại sĩ này cất chân bước đi, mười phương thế giới thấy đều chấn động. Ngay chỗ Bồ Tát bước tự nhiên hóa hiện năm trăm ức bảo hoa, mỗi bảo hoa trang nghiêm cao sáng như diệu tướng ở cõi Cực Lạc.

Có bốn phần:

1. Hành tướng không đồng
2. Chấn động xa gần
3. Chỗ bị chấn động, hoa hiện rất nhiều
4. Những hoa hiện ra, cao lớn, hiển lộ, lộng lẫy huy hoàng, tương tự như sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc

I - Tướng ngồi không đồng với đức Quán Thế Âm

Lúc Bồ Tát ngồi xuống, cả cõi thất bảo đồng thời rung chuyển. Giữa khoảng từ cõi Phật Kim Quang ở phương dưới cho đến cõi Phật Quang Minh Vương ở phương trên, có vô lượng trần số những phân thân của

Phật Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, đều vân tập đầy đầy nơi hư không cõi Cực Lạc. Tất cả phân thân của Tam thánh đều ngồi trên hoa sen diễn nói pháp mầu, độ chúng sanh mê khổ.

Có bảy phần, nêu rõ:

1. Tướng ngồi của đức Đại Thế Chí.
2. Trước tiên, chấn động bốn quốc (Cực Lạc).
3. Kế đến, chấn động các cõi nước khác.
4. Dao động các cõi Phật phương trên và phương dưới.
5. Đức A Di Đà, Quán Thế Âm và các vị Bồ tát phân thân đều đến tập hội.
6. Các phân thân ngồi trên tòa sen, đầy khắp hư không.

Hỏi: Kinh A Di Đà nói: “Chúng sanh cõi đó, không có các điều khổ, chỉ hưởng thọ sự sung sướng (lạc), cho nên gọi là cõi Cực Lạc” Tại sao trong kinh này nói đến sự phân thân thuyết pháp, nhắc đến độ những chúng sanh đau khổ, đây là ý gì?

Đáp: Hiện nay đề cập đến “khổ lạc”, có hai loại: i. sự khổ lạc trong ba cõi, ii. sự khổ lạc trong cõi tịnh độ.

Sự khổ lạc trong ba cõi: khổ là chỉ cho tám khổ, cùng các sự khổ trong ba ác đạo, v.v..; còn lạc là chỉ cho sự vui ngũ dục trong cõi trời, cõi người, những sự vui phóng dật, trối buộc, v.v.. Tuy gọi là lạc, mà thật sự là khổ lớn, rất ráo không có một chút an lạc chân thực nào!

Sự khổ lạc trong tịnh độ: Bậc địa tiền so với bậc địa thượng là khổ, bậc địa thượng so với bậc địa tiền là lạc; bậc chứng hạ trí so với bậc chứng thượng trí là khổ, bậc chứng thượng trí so với bậc chứng hạ trí là lạc. Đây chỉ là một ví dụ.

Hiện nay nói: “Độ chúng sanh mê khổ”, chỉ là giúp cho bậc dưới thăng tiến đến bậc trên, khiến bậc hạ trí chứng được thượng trí mà nói như vậy. Chứ còn, trong cõi tịnh độ, tất cả thánh nhân đều lấy vô lậu làm thể, rất ráo thường trụ, không còn bị phân đoạn sanh tử, đâu có lý do gì mà gọi là “khổ”!

J - Tổng kết

Đây là môn tướng thân tướng của Đại Thế Chí Bồ Tát, thuộc về phép quán thứ mười một.

K - Nêu lên sự lợi ích của pháp quán

Tu môn quán này sẽ trừ được a tăng kỳ sanh tử trong vô số kiếp, không còn ở bào thai, thường dạo chơi nơi các quốc độ tịnh diệu của chư Phật.

L - Biện biệt sự thành tựu của pháp quán

Môn tướng này thành, gọi là đã quán thấy đầy đủ sắc thân của Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Đức Đại Thế Chí có uy lực vô biên, mỗi khi ngài ngồi đều làm chấn động các cõi Phật, có thể khiến cho phân thân chư Phật Bồ tát đến vân tập, thuyết pháp lợi sanh, khiến cho hành giả vĩnh viễn không còn bị đọa vào bào thai, và thường được du hành đến các cõi tịnh độ của chư Phật.

---o0o---

XII - QUÁN TỰ THÂN VĨNG SANH

A - Chú tâm nhập quán, thường quán tưởng tự thân vãng sanh

Khi đã thấy việc ấy, hành giả nên từ nơi chân tâm, khởi tưởng mình sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây, ngồi kiết già trong hoa sen. Kề tưởng hoa sen khép lại, rồi tưởng hoa sen nở ra. Khi hoa sen nở, tưởng có năm trăm sắc quang minh soi chiếu đến thân mình. Lại tưởng mình mở mắt ra, thấy Phật và Bồ tát đầy giữa hư không, những âm thanh phát ra từ các hóa Phật, cho đến chim, nước, rừng cây, đều diễn nói pháp mầu.



Có chín phần:

1. Quán tưởng tự thân vãng sanh
2. Quán tưởng sanh về phương tây
3. Quán tưởng ngồi vào hoa sen
4. Quán tưởng hoa sen khép lại
5. Quán tưởng hoa sen nở ra
6. Quán tưởng ánh sáng báu chiếu đến thân mình
7. Quán tưởng sau khi được ánh sáng báu chiếu đến, bèn mở mắt ra
8. Quán tưởng sau khi mở mắt, nhìn thấy chư Phật Bồ tát
9. Quán tưởng được nghe các ngài thuyết pháp

B - Bất cứ lúc nào, thường nhớ không quên

Khế hợp mười hai bộ kinh. Khi xuất định, vẫn phải ghi nhớ đừng để quên mất.

Lúc định tâm hay tán tâm đừng để quên mất, mà phải ghi nhớ trong tâm: 1. tâm thường thanh tịnh sáng suốt, 2. các ác niệm không sanh khởi. Do vì tương ứng với pháp lạc trong tâm, cho nên không còn bị ba tà bên ngoài làm chướng ngại.

C - Nêu rõ sự ích lợi

Thấy được tướng này, gọi là thấy Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc.

D - Tổng kết

Đây là môn phổ quán tưởng, thuộc về phép quán thứ mười hai.

E - Nêu tiếp sự lợi ích

Hành giả sẽ được vô số hóa thân của Phật Vô Lượng Thọ cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường quang lâm đến chỗ mình.

Hành giả tu pháp quán này sẽ được sự hộ trì của đức A Di Đà, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Đây là do chúng sanh chú tâm quán tưởng, nguyện được thấy sự trang nghiêm chánh báo y báo của cõi Cực Lạc, chiêu cảm cảnh giới thường hiện ra trước mắt.

---o0o---

XIII - QUÁN PHẬT VÀ BỜ TÁT

A - Chuyển đề mục

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Nếu kẻ nào chí tâm muốn sanh về Tây Phương.

B - Quán tượng quán nước

Trước nên quán thân Phật A Di Đà cao một trượng sáu đứng trên bờ ao thất bảo.

Quán tượng biểu hiện sự chân thực, quán nước biểu hiện cõi đất. Đây là phương pháp mà đức Như Lai chỉ dạy chúng sanh, đổi cảnh chuyển tâm để nhập quán, hoặc bên bờ ao sen, hoặc trong cung điện, lầu các, hoặc trong rừng báu, dưới cây báu, hoặc trên đài báu, hoặc trên hư không, mây báu, lọng báu, v.v... Đối với những cảnh tượng này, đều phải trụ tâm quán tưởng thành hóa Phật. Đây đều là muốn giúp cho căn cơ và quán cảnh tương xứng, để hành giả dễ thành tựu pháp quán.

C - Cảnh lớn tâm nhỏ, khó mà thành tựu



Như trước đã nói, thân Phật Vô Lượng Thọ rộng lớn vô biên, tâm lực của phàm phu khó quán nổi cho khắp được.

Cảnh giới bao la, tâm tưởng hạn hẹp, khó mà quán tưởng thành công, vì thế đức Thế Tôn thương cảm, khuyên nên quán tưởng cảnh nhỏ.

D - Nhờ nguyện lực đức A Di Đà mà thành tựu pháp quán

Tuy nhiên, nhờ Đức Như Lai kia có túc nguyện lực, nên nếu chí tâm quán tưởng tất sẽ được thành tựu.

Tâm phàm hạn hẹp, thân thánh khôn lường, khó lòng quán tưởng, e không thành tựu. Cũng chẳng phải do tâm hẹp mà khó thành, do thân lớn mà không hiện. Do nhờ nguyện lực sâu nặng của đức A Di Đà, cho nên những sự quán tưởng đều thành tựu.

E - So sánh để nêu rõ sự thù thắng

Chúng sanh chỉ tưởng hình tượng Phật còn được vô lượng phước, hưởng chi quán đầy đủ thân tướng của Như Lai?

So sánh sự thù thắng. Quán tưởng tượng Phật còn được vô lượng phước báo, hưởng gì quán tưởng chân thân của Phật. Sự lợi ích càng không thể so lường!

F - Cảnh quán tuy có lớn nhỏ, đều là chân thân của Phật

Phật A Di Đà có sức thần thông như ý¹⁰, biến hiện tự tại khắp các cõi ở mười phương, hoặc hiện thân lớn đầy cả hư không, hoặc hiện thân nhỏ cao một trượng sáu, hay tám thước.

Có ba phần:

1. Đức A Di Đà thần thông vô ngại, tùy ý biến hiện khắp nơi.
2. Hoặc hiện thân lớn, hoặc hiện thân nhỏ.
3. Thân lượng tuy lớn nhỏ, đều hiện sắc vàng ròng, dùng đây để xác định pháp quán chánh hay tà.

G - Thân tuy lớn nhỏ khác nhau, quang tướng không có khác biệt

Những thân hóa hiện đều là sắc chân kim. Còn tướng viên quang, Hóa Phật, cùng hoa sen báu, như trước đã diễn tả.

Thân tuy lớn nhỏ khác nhau, ánh sáng của hóa Phật cùng ánh sáng của chân thân không khác.

H - Giống như pháp quán phần trên

Về thân lượng của hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, ở khắp tất cả chỗ, nên quán đồng như thân của các bậc thượng thiện hơn.

Thân Phật lớn, thân Bồ tát lớn; thân Phật nhỏ, thân Bồ tát nhỏ.

I - Khuyên quán sự khác biệt của hai Đại sĩ

Hành giả chỉ cần phân biệt sự sai khác của tướng đầu để biết đó là Bồ Tát Quán Thế Âm hay Đại Thế Chí.

Khác biệt chỗ nào? Trên đầu của đức Quán Thế Âm là một vị hóa Phật, trên đầu của đức Đại Thế Chí là một bình báu.

J - Bồ tát giúp Phật hoằng hóa

Hai vị Đại sĩ này thường phụ trợ Phật A Di Đà, giáo hóa tất cả chúng sanh.

Đức A Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v..., có nhân duyên đời quá khứ sâu nặng, cùng nhau phát nguyện tu hành thoát ly sanh tử, luôn luôn bên cạnh nhau, nhẫn đến khi thành Phật, đi khắp mười phương hoằng dương chánh pháp, hóa độ chúng sanh.

K - Tổng kết

Đây là môn tạp tướng quán, thuộc về phép quán thứ mười ba.

Từ pháp quán Mặt trời đến pháp quán Phật Bồ tát, nêu rõ tổng quán việc đức Thế Tôn giải đáp lời thỉnh cầu của bà Vi Đề Hy: “Dạy con tư duy, dạy con chánh thọ”.

Có lời khen rằng:

Trước dạy nhật quán trừ hôn ám

Tưởng nước thành băng để định tâm

Dưới đất bảo tràng châu sáng rỡ

Trên không thiên nhạc pháp thâm trầm

Mây, lọng, thần quang muôn ức đạo

Cây ngọc hoa quỳnh sanh trái báu
Ao vàng nước đức chảy trong hoa
Lầu xinh các lạ nghìn kỳ xảo
Hoa tòa màu nhiệm đẹp vô cùng
Bảo trụ màn châu ánh vạn trùng
In bóng mười phương nhiều Phật sự
Trang nghiêm dường thể Dạ ma cung
Không lường tướng hảo ngợi Di Đà
Tay báu Quán Âm cứu ái hà
Thế Chí thần uy hay chấn động
Huệ quang soi khắp cõi hằng sa
Cực Lạc sanh về tưởng thấy mình
Ngồi trong sen báu định tâm tình
Cánh sen tưởng khép rồi tươi nở
Soi đến trăm màu ánh tịnh minh
Vì đâu Điều Ngự động ai lân?
Cảnh tượng chân thân khó vạn phần!
Trượng sáu mở bày môn tiệm quán
Bên bờ ao báu tưởng kim thân!

Y vào lời thỉnh ở phần trên, từ môn Quán mặt trời đến môn Quán hoa tòa, là nêu rõ phần y báo; từ môn Quán tượng đến môn Quán Phật Bồ tát, là nêu rõ phần chánh báo.

---o0o---

QUYỂN BỐN: TÁN THIỆN

I - TÁN THIỆN

Từ đây trở xuống, giảng giải môn Tán thiện “Ba bậc chín phẩm”. Trong đây có hai ý nghĩa: a. Dùng ba phước làm chánh nhân, b. Dùng chín phẩm vãng sanh làm chánh hạnh.

1 - Dùng ba phước làm chánh nhân

A - Phước thứ nhất: đây là thiện căn thế tục. Xưa nay chưa từng nghe qua Phật pháp, chỉ biết tu hiếu dưỡng, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Cho nên gọi là việc thiện thế gian (thế tục).

B - Phước thứ hai: đây gọi là giới thiện. Trong các loại giới này, có giới cho người, trời, thanh văn, bồ tát, v.v... Trong mỗi giới là có thọ đầy đủ hay không đầy đủ, hoặc hành trì đầy đủ hay không đầy đủ. Chỉ cần đem công đức thọ trì giới pháp hồi hướng, tất cả đều được vãng sanh.

C - Phước thứ ba: đây gọi là hành thiện. Đây chính là phạm phu phát tâm Đại thừa, tự mình hành Bồ tát hạnh cùng khuyến khích người khác. Bỏ ác tu thiện, hồi hướng vãng sanh.

Trong ba loại phước này, hoặc có người chỉ tu phước thế gian, hồi hướng cũng được vãng sanh; hoặc có người chỉ trì giới, hồi hướng cũng được vãng sanh; hoặc chỉ tu hành thiện, hồi hướng cũng được vãng sanh; hoặc có người tu hai phước đầu, hồi hướng cũng được vãng sanh; hoặc có người tu hai phước sau, hồi hướng cũng được vãng sanh; hoặc có người tu cả ba phước, hồi hướng cũng được vãng sanh. Nếu như có người ba phước đều không tu, thì đây gọi là thập ác, là tà kiến, là loại nhất xiển đề.

---o0o---

2 - Dùng chín phẩm làm chánh hạnh

A - THƯỢNG PHẨM VÃNG SANH.

Trước tiên, phân biệt tổng quát, có mười một phần:

1. Đúc Phật nêu đề mục
2. Biện định phẩm vị
3. Nêu lên những loại chúng sanh hữu duyên
4. Biện định ba tâm, dùng làm nhân chánh
5. Giản biệt căn cơ, có thể hoặc không thể vãng sanh
6. Nêu lên sự thọ trì giáo pháp không đồng
7. Tu hành đạo nghiệp, dài ngắn khác nhau
8. Hồi hướng sự tu hành, nguyện sanh Cực Lạc
9. Lúc lâm chung, chư thánh đến tiếp dẫn không giống nhau, sự vãng sanh có nhanh chậm
10. Hoa nở cũng có nhanh chậm khác nhau
11. Sau khi hoa nở, được lợi ích cũng khác biệt

Ý nghĩa của mười một phần vừa nêu, mỗi phẩm vãng sanh đều có đủ mười một ý nghĩa này, như vậy có tổng cộng một trăm ý nghĩa.

Mười một nghĩa này, trong mỗi phẩm vãng sanh, hoặc có đầy đủ, hoặc không đầy đủ. Tuy có sự ẩn, hiển, nhưng nếu căn cứ vào đạo lý, thì mỗi phẩm đều có đủ mười một nghĩa này. Vì lý do đó, cần phải trình bày rõ ràng, để cho hành giả dễ dàng nhận thức.

a - Thượng phẩm thượng sanh

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Thượng phẩm thượng sanh là thế nào?

(i) - Đức Phật nêu đề mục.

(ii) - Biện định phẩm vị, đây tức là người phạm phu cực thiện, tu học Đại thừa.

(iii) - Nêu chung các loại chúng sanh hữu duyên.

Nếu chúng sanh muốn sanh về cõi kia, nên phát ba thứ tâm, ắt sẽ được vãng sanh.

Có bốn phần:

1. Người có lòng tin
2. Cầu nguyện vãng sanh
3. Phát tâm nhiều ít
4. Được vãng sanh

(iv) - Biện định ba tâm, dùng làm nhân chánh.

Ba tâm là tâm chí thành, tâm sâu thiết, tâm hồi hướng phát nguyện. Đầy đủ ba tâm này ắt sẽ được vãng sanh.

Có ba phần:

1. Đức Thế Tôn tùy căn cơ mà hiển bày sự lợi ích, mật ý khó dò, nếu đức Phật không tự đặt câu hỏi, tự giải đáp, thì chúng sanh không thể nào hiểu được.
2. Đức Như Lai tự mình trả lời ý nghĩa của ba tâm.

Một là **chí thành tâm**. Chí tức là chân, thành tức là thực. Ý muốn nói tất cả chúng sinh, ba nghiệp thân khẩu ý tu tập giải môn, hoặc hành môn, đều phải từ tâm chân thật xuất phát, không thể bên ngoài hiện tướng hiện thiện, tinh tiến, mà trong tâm thì giả dối, tham lam, tà ngụy, gian trá đa đoan, hung ác dữ dằn, mưu mô nham hiểm; tuy cũng hành trì ba nghiệp, nhưng gọi là việc lành pha chất độc, cũng gọi là hành trì giả dối, không được gọi là nghiệp thiện chân thực. Nếu như dùng tâm như vậy mà tu hành, dù có thân tâm lao nhọc, tinh tiến hành trì như cứu đầu đang bị cháy, cũng chỉ gọi là việc thiện pha chất độc. Muốn

dùng công hạnh trộn độc này để cầu sinh Cực Lạc, đây là điều không thể được! Vì sao? Bởi vì Đức Phật A Di Đà, trong lúc tu nhân, dù trong một niệm, một sát na, ba nghiệp mà Ngài tu tập, đều phát xuất từ tâm chân thực, và những sự việc Ngài tạo tác, nguyện cầu, cũng đều là chân thực.

Lại nữa, chân thực có hai loại: một là tự lợi chân thực, hai là lợi tha chân thực.

Tự lợi chân thực, lại có hai loại:

a. Dùng tâm chân thực, chế phục, xả bỏ những ác hạnh của mình và người, cùng những cõi nước thô ác; trong tất cả mọi thời, nghĩ tưởng các vị Bồ tát chế phục, xả bỏ ác hạnh, mình cũng phải nên như vậy.

b. Dùng tâm chân thực, siêng tu tất cả pháp thiện, dùng tâm chân thực, tán thán Đức A Di Đà cùng y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc.

Lại từ tâm chân thực, dùng khẩu nghiệp quở trách, nhằm chán tất cả y báo chánh báo thô ác của mình và người trong ba cõi sáu đường, lại tán thán những thiện hạnh của ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sinh, còn đối với những chúng sinh không làm thiện, kính nhi viễn chi, mà cũng chẳng tùy hỷ việc làm của họ.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp chấp tay lễ kính, cúng dường y phục, thức ăn, ... đến Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp, xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp suy ngẫm, quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc, giống như hiện đang trước mắt.

Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Phải từ tâm chân thực, xả bỏ ba nghiệp bất thiện, và cũng phải từ tâm chân thực khởi ba nghiệp thiện thân khẩu ý.

Bất luận trong, ngoài, ngày, đêm, đều phải một lòng chân thực, cho nên gọi là chí thành tâm.

Hai là **thâm tâm**. Thâm tâm tức là lòng tin sâu, có hai loại:

a. Quyết định tin sâu rằng thân hiện tại của mình là phạm phu tội ác, từ vô thỉ đến nay, chìm đắm, trôi lăn trong sinh tử, không có nhân duyên để xuất ly.

b. Quyết định tin sâu, không còn nghi ngờ đắn đo, rằng Đức A Di Đà có bốn mươi tám lời nguyện, nhiếp thọ chúng sinh, nương vào nguyện lực của Ngài ắt được vãng sinh.

Lại quyết định tin sâu rằng Đức Phật Thích Ca giảng nói về ba phước, chín phẩm, định thiện, tán thiện, cùng chứng minh, tán thán y báo chánh báo của cõi Cực Lạc là để cho chúng sinh hâm mộ.

Lại quyết định tin sâu rằng trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật khuyến khích, chứng minh tất cả phàm phu quyết định được vãng sinh.

Đối với lòng tin sâu này, ngưỡng nguyện tất cả hành giả, một lòng chỉ tin lời Phật, không luyến tiếc thân mạng, quyết định phụng hành. Phật bảo xả bỏ, nhất định phải xả bỏ, Phật bảo hành trì, nhất định phải hành trì, Phật bảo vãng sinh, nhất định phải vãng sinh, đây gọi là tùy thuận lời Phật dạy, tùy thuận ý muốn của Phật, tùy thuận bốn nguyện của Phật. Đây gọi là Phật tử chân thực.

Tất cả hành giả, chỉ cần y theo Kinh này, tin tưởng hành trì, chắc chắn sẽ không bị sai lầm. Vì sao? Đức Phật là Bậc đầy đủ tâm đại bi, là Bậc nói lời thật. Từ Phật trở xuống, tất cả phàm thánh khác, trí hạnh chưa đầy đủ, vẫn còn trong giai đoạn học tập, chưa trừ sạch phiền não chướng và sở tri chướng, nguyện hạnh chưa tròn, những người như vậy, giả sử muốn suy lường trí của Phật, cũng chưa chắc suy lường nổi; tuy có bình luận, phán đoán, nhưng phải qua sự ấn chứng của Phật mới trở thành định án.

Nếu như xứng ý của Phật, Ngài sẽ ấn khả: "Đúng vậy! Đúng vậy!", nếu không xứng ý Phật, Ngài sẽ bảo: "Lời của ông nói, ý nghĩa không phải như vậy!" Không được ấn khả thì bị xem như lời nói không đáng ghi chép, hoàn toàn không lợi ích. Những điều Phật ấn khả, tức là tùy thuận chánh giáo của Phật, còn những lời Phật nói, thì tức là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dù ít dù nhiều, cũng không cần hỏi Bồ tát, trời người là đúng hay sai! Nếu những lời Phật nói là liễu nghĩa, thì những lời của chư Bồ tát nói đều không liễu nghĩa. Phải nên biết như vậy!

Hiện nay ngưỡng mong quý vị có duyên với pháp Vãng sinh, chỉ nên tin sâu lời Phật, chuyên chú phụng hành, không nên tin những lời dạy không tương ứng của chư vị Bồ tát, khởi tâm nghi ngờ, tự làm chướng ngại, cố chấp mê mờ, mà đánh mất sự lợi ích lớn lao của sự vãng sinh.

Người có lòng tin sâu thiết, quyết định kiên lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, vĩnh viễn dứt trừ nghi hoặc, lầm lẫn; quyết không vì tất cả giải ngộ khác biệt, hành trì khác biệt, sở học khác biệt, kiến giải khác biệt, sở thích khác biệt, mà làm cho mình thoái thất dao động.

Hỏi: Phàm phu trí tuệ nông cạn, tội chướng sâu dày, nếu gặp phải những người tu pháp môn khác đem những kinh luận khác ra dẫn chứng rằng: "Tất cả phàm phu tội chướng không thể vãng sinh", làm thế nào để đối phó, hòng giữ vững lòng tin, quyết định tiên bước, không sinh khiếp nhược?

Đáp: Nếu có người đem kinh luận ra dẫn chứng rằng không có sự vãng sinh, hành giả nên trả lời với họ rằng: "Ông tuy đem kinh luận ra dẫn chứng sự không thể vãng sinh, nhưng theo thiên ý của tôi, quyết không tiếp thọ lời nói của ông. Vì sao? Tôi không phải không tin những lời ông nói, thực sự, tôi tin tưởng tất cả kinh luận đó, thế nhưng lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, xứ sở khác, thời gian khác, đối tượng thuyết pháp khác, sự lợi ích cũng khác; lại nữa, lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, không phải là lúc Ngài nói Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh, v.v.. Và lại, Đức Phật nói pháp thích ứng cơ nghi, thời tiết không đồng, những kinh luận đó là nói chung về các giải hạnh cho hàng trời người và chư Bồ tát, còn hiện nay nói hai công hạnh định thiện và tán thiện trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh là cho hoàng hậu Vi Đề Hy, cùng cho tất cả chúng sinh ở trong đời ác năm trước sau khi Đức Phật diệt độ, xác chứng cho sự vãng sinh. Do nhân duyên này, hiện nay tôi nguyện một lòng y theo lời dạy của Phật, quyết định phụng hành. Giả sử ông dẫn chứng trăm ngàn vạn ức kinh luận nói không vãng sinh, điều này chỉ càng làm tăng trưởng, thành tựu lòng tin của tôi đối với sự vãng sinh Cực Lạc".

Hành giả nên nói với đối phương: "Ông hãy lắng nghe, tôi nay nói thêm cho ông biết về lòng tin quyết định của tôi. Giả sử địa tiền Bồ tát, La hán, Bích chi Phật, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, đều dẫn chứng kinh luận nói không có sự vãng sinh, tôi cũng không khởi một niệm nghi ngờ, và điều đó cũng chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin thanh tịnh của tôi đối với sự vãng sinh. Vì sao? Vì lời Phật là quyết định thành tựu liễu nghĩa, tất cả thế gian đều không thể phá hoại được.

Ông nên nghe cho kỹ, giả sử chư Bồ tát từ Sơ địa đến Thập địa, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, cùng nhau nói rằng: "Đức Phật Thích Ca tán thán Phật A Di Đà, quở trách ba cõi sáu đường, khuyến khích chúng sinh chuyên tâm niệm Phật và tu tập các công hạnh lành khác, sau khi lâm chung nhất định sẽ vãng sinh Cực Lạc, đây quyết là lời hư dối, không thể tin được". Tôi tuy nghe những lời như thế, cũng không hề sinh khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin quyết định bậc thượng thượng của tôi. Vì sao? Bởi vì lời của Phật là quyết định liễu nghĩa. Phật là Đấng Thực trí, Thực giải, Thực kiến, Thực chứng, không phải là người dùng tâm nghi hoặc mà nói; lại nữa, lời dạy của Ngài không thể bị những dị kiến, dị giải của các vị Bồ tát phá hoại; nếu như thật là Bồ tát, những vị ấy quyết không đi ngược lời Phật dạy.

Hành giả nên biết, giả sử như Hóa thân Phật, Báo thân Phật, hoặc một hoặc nhiều vị, đầy khắp mười phương, mỗi vị đều phóng ánh sáng, hiện tướng lưới rộng dài biến khắp mười phương, đều nói rằng: "Đức Phật Thích Ca tán thán Cực Lạc, khuyến phát tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật, cùng tu các hạnh

khác để được vãng sinh Cực Lạc, đây là điều hư dối, quyết định không có việc này”. Hành giả tuy nghe chư Phật nói lời như vậy, nhất định không khởi một niệm nghi ngờ, thoái chuyển, sợ rằng không vãng sinh Cực Lạc. Vì sao? Bởi vì một vị Phật, hay tất cả các vị Phật, các Ngài có cùng tri kiến, giải hạnh, chứng ngộ, quả vị, đại bi, v.v., hoàn toàn giống nhau, không một chút sai biệt, cho nên điều mà một vị Phật chế định, tất cả vị Phật khác cũng đều chế định. Chẳng hạn như vị Phật trước cấm chế mười điều ác như sát sanh, v.v.; nếu rốt ráo không làm ác, không phạm ác, thì gọi là thập thiện, thập hạnh, và có nghĩa là tùy thuận lục độ; nếu có vị Phật sau ra đời, chẳng lẽ ngài lại sửa đổi mười điều thiện, khiến chúng sinh làm mười điều ác hay sao? Dựa vào đạo lý này để suy nghiệm, có thể biết rõ rằng lời nói, hành động của chư Phật không trái nghịch nhau. Nếu như Đức Thích Ca chỉ dẫn, khuyến khích tất cả phàm phu, trợn cuộc đời họ, chuyên niệm danh hiệu Phật, siêng tu các công hạnh, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc, tức là các Đức Phật khác ở mười phương ắt cũng đều phải tán thán, khuyến khích, chứng minh cho sự giáo hóa này. Vì sao? Vì các Ngài đều chứng đắc đồng thể đại bi! Lời dạy của một Đức Phật tức là lời dạy của tất cả chư Phật, lời dạy của tất cả chư Phật cũng tức là lời dạy của một Đức Phật, chẳng hạn như Kinh A Di Đà nói: "Đức Thích Ca tán thán cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại khuyến khích tất cả phàm phu, một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu của Đức A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh", kẻ đó, đoạn dưới nói: "Trong mười phương thế giới, mỗi phương có hằng hà sa số chư Phật, đồng lên tiếng tán thán Đức Phật Thích Ca ở cõi ngũ trược, ác thời, ác thế giới, ác chúng sinh, ác kiến, ác tà, lúc chúng sinh không có lòng tin, mà có thể chỉ dẫn, tán thán danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyên chúng sinh xưng niệm, quyết được vãng sinh, ..". Đây là một chứng minh cho sự nhất trí của chư Phật.

Mười phương chư Phật, e rằng chúng sinh không tin lời dạy của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm các cõi tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Tất cả chúng sinh đều phải nên tin nhận lời dạy dỗ, tán thán, chứng tín của Phật Thích Ca. Tất cả phàm phu, bất luận tội phước nhiều ít, căn cơ cao thấp, chỉ cần trợn cả một đời, hoặc ít nhất là một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh, chắc chắn không còn nghi ngờ". Bởi thế, lời dạy của một Đức Phật ắt sẽ được tất cả chư Phật chứng thành. Đây gọi là từ người mà thiết lập lòng tin.

Kế đến, từ công hạnh thiết lập lòng tin. Công hạnh có hai loại: một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh, v.v., như phạm Hai Hạnh ở trên đã nói, cho nên không ghi ra ở đây, xin người đọc hiểu ý.

Ba là ***hồi hướng phát nguyện tâm***. Nghĩa là đem tất cả thiện căn thế gian, xuất thế gian, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tự tu tập, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tùy hỷ công đức tu tập của tất cả phàm thánh, từ đời quá khứ cho đến hiện nay, dùng lòng tin thâm sâu chân thực, hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc, đây gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Lại nữa, sự hồi hướng phát nguyện vãng sinh này, phải là do tâm chân thực quyết định, hồi hướng phát nguyện cầu sinh; lòng tin thâm sâu chân thực này, cứng chắc như kim cương, quyết không bị những người dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, làm động loạn phá hoại. Chỉ nên một lòng quyết định, thẳng đường tiến bước, không được nghe lời kẻ khác, rồi phân vân lưỡng lự, sinh lòng sợ hãi, làm mất đi lợi ích lớn của sự vãng sinh.

Hỏi: Nếu như có người tu tập hạnh, tà hạnh, không cùng kiến giải, hạnh nguyện, đến làm mê hoặc, não loạn, hoặc dùng đủ thứ luận điệu cho rằng không có sự vãng sinh, hoặc nói rằng chúng sinh từ vô thủy đến nay, ba nghiệp thân khẩu ý, đối với tất cả phàm thánh, đã tạo đủ các tội, như thập ác, ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng, hủy báng chánh pháp, làm nhất xiển đề, phá giới, phá kiến, v.v..., chưa thể diệt hết, quả báo của những tội ác này là ác đạo trong ba cõi, làm sao có thể trong một đời tu phước, niệm Phật, mà có thể tức khắc chúng nhập vào cõi vô lậu vô sinh, vĩnh viễn chứng đắc bất thoái chuyển.

Đáp: Giáo, lý, hành, giải của chư Phật, số lượng nhiều hơn hằng sa, tất cả tùy theo cơ duyên, tình cảnh của chúng sanh mà thiết lập. Những điều có thể thấy có thể tin trên thế gian, chẳng hạn như ánh sáng phá trừ bóng tối, không gian có thể bao hàm vạn hữu, đất có thể chuyên chở, nuôi dưỡng vạn vật, nước đem đến sự tươi nhuận, lửa đem đến sự thành hoại của vạn vật, tất cả những sự việc này là pháp đối đãi, mà còn có thể đem đến ngàn muôn sự lợi ích khác nhau, huống là thần lực không thể nghĩ bàn của Phật pháp, lẽ nào không có ngàn ngàn sự lợi ích?

Nếu như tạo một nghiệp, thì sẽ tự đem đến cho mình một phiền não, nếu như tu một pháp môn, thì sẽ bước vào một cửa trí tuệ giải thoát. Mọi người đều tùy theo nhân duyên của mình mà khởi hạnh tu tập, cầu mong sự giải thoát, ông vì có gì đem những pháp tu mà tôi không có duyên đến làm chướng ngại sự tu tập của tôi. Pháp môn mà tôi ưa thích, tức là pháp môn mà tôi có duyên, đây không phải là chỗ ông mong cầu; còn pháp môn mà ông ưa thích, tức là pháp môn mà ông có duyên, nó cũng không phải là chỗ tôi mong cầu, như vậy, mỗi người tùy theo ý thích của mình mà tu tập, ắt sẽ mau gặt được quả giải thoát.

Hành giả nên biết, nếu muốn học tập giải môn, thì từ phàm phu đến bậc thánh, nhứt đến thành Phật, tất cả pháp môn đều phải học, còn nếu muốn tu tập hành môn, cần phải nương vào pháp môn mà mình có duyên, ít dùng sức, ít lao nhọc, mà được nhiều sự lợi ích.

Xin bâm bạch cùng các hành giả tu hạnh Vãng sinh, hiện nay xin đưa ra một ví dụ, giúp cho hành giả giữ vững lòng tin của mình, không để cho bọn tà ma, ngoại đạo dị kiến lung lạc.

Ví như có người đi về hướng tây, trăm ngàn dặm đường, khoảng giữa lộ trình có hai dòng sông chắn ngang, dòng sông lửa ở phía nam, dòng sông nước ở phía bắc, mỗi dòng sông rộng độ một trăm bước, sâu không thấy đáy, hai phía nam bắc không thấy ngăn mé. Băng qua hai dòng sông nước và lửa, có một con đường trắng rộng độ hơn một tấc, từ bờ phía đông sang bờ phía tây, dài độ hai trăm bước. Bên phía dòng sông nước, sóng vỗ ào ạt, làm mặt đường trở thành trơn trượt, còn bên phía dòng sông lửa, lửa bốc mù mịt, làm cho mặt đường trở thành nóng bỏng, hai bên nước lửa tung tóe, không lúc nào ngừng. Người đó đến gần bờ sông, chung quanh đồng không mông quạnh, bỗng nhiên có lũ đạo tặc và ác thú, thấy người đó đơn độc bèn đuổi theo muốn sát hại, người đó sợ chết bèn bỏ chạy về hướng tây, thấy hai dòng sông lớn này, trong lòng tự nghĩ: "Dòng sông này dài không thấy đầu đuôi, băng ngang là một con đường trắng nhỏ hẹp, hai bờ tuy cách nhau không xa, nhưng làm sao qua được. Hôm nay chắc bị chết ở chôn này!" Vừa muốn quày đầu, liền thấy lũ đạo tặc và ác thú phía sau đã đến gần kề, nếu muốn đi về phía nam hoặc bắc thì lại bị ác thú, rắn độc đón đầu, muốn theo con đường chạy về phía tây, lại sợ hai con sông nước, lửa. Trong lúc đang bàng hoàng sợ hãi, bèn tự nghĩ thầm: "Bây giờ quay lại cũng chết, đứng lại cũng chết, đi tới cũng chết, đường nào cũng chết, chi bằng cứ theo phía trước mà tiến bước, nếu đã có con đường này, ắt sẽ thoát hiểm!" Vừa nghĩ như vậy, bỗng nghe bên bờ phía đông (phía sau) có tiếng người khuyến khích: "Ông nên kiên quyết đi về hướng tây, ắt không còn nguy hiểm, nếu đứng lại thì sẽ chết". Lại nghe bên bờ phía tây (trước mặt) có tiếng người gọi: "Ông nên một lòng chánh niệm đi thẳng qua đây, ta sẽ bảo vệ cho ông, không nên sợ bị rơi xuống nước, lửa". Người đó nghe tiếng hai phía, bên khuyên bên gọi, tức thời chân chĩnh thân tâm, quyết định không còn rụt rè nghi ngại, đi thẳng theo con đường trước mặt. Vừa mới đi được một đoạn, bỗng nghe bọn đạo tặc bên bờ phía đông kêu réo: "Ông hãy quay lại, con đường trước mặt rất hiểm nghèo không qua được, chắc chắn sẽ bị chết, chúng tôi không có ác ý gì với ông!" Người đó tuy nghe tiếng kêu réo, vẫn nhất quyết không quày đầu, một lòng lần theo con đường đi thẳng tới trước, không bao lâu đã qua đến bờ bên kia, vĩnh viễn lìa xa ách nạn, gặp lại bạn bè, vô cùng hạnh phúc.

Ở đây, bờ phía đông ví cho cõi nhà lửa Ta bà, bờ phía tây ví cho cõi nước báu Cực Lạc, lũ đạo tặc và ác thú giả vờ thân thiện ví cho cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, ngũ âm, tứ đại, v.v..; đồng không mông quạnh ví cho sự việc thường theo bọn ác tri thức, không gặp được thiện tri thức chân thực; hai con sông nước, lửa

ví cho chúng sinh tham ái giống như nước, sân ghét giống như lửa; con đường trắng rộng độ hơn một tấc ví cho trong sự tham sân phiền não của chúng sinh, có thể sinh khởi tâm nguyện vãng sinh thanh tịnh. Lại như tâm tham sân si hỷ hừng, nên ví với nước lửa, còn tâm thiện yếu ớt, nên ví với con đường trắng nhỏ hẹp. Lại nữa, "sóng vỗ ào ạt làm mất đường trở nên trơn trượt", ví cho tâm tham ái thường khởi động làm nhiễm ô thiện căn; "lửa bốc mù mịt làm mất đường trở thành nóng bỏng", ví cho tâm hiềm hận có thể thiêu đốt công đức pháp tài; "người đi về phía tây", ví cho sự hồi hướng các công hạnh tu tập để vãng sinh Cực Lạc; "nghe bên bờ phía đông có tiếng người khuyến khích, bèn đi về phía tây", ví cho sau khi Đức Thích Ca diệt độ, người đời sau tuy không còn thấy được Ngài, nhưng vẫn còn giáo pháp để lại, giống như âm thanh (lời dạy); "vừa mới đi một đoạn, nghe bọn đạo tặc kêu réo", ví cho những người biệt giải, biệt hành, hoặc những kẻ ác kiến, v.v., dùng những luận điệu mê hoặc não loạn, làm cho hành giả thoái thất đạo tâm; "bờ phía tây có tiếng người gọi", ví cho nguyện ý của Đức A Di Đà; "không bao lâu qua đến bờ bên kia, gặp lại bạn bè", ví cho chúng sinh đắm chìm trong sinh tử, luân hồi dài lâu, mê hoặc điên đảo, tự trói tự buộc, không được giải thoát, nhờ ơn Đức Thích Ca chỉ dạy pháp môn Tây Phương Tịnh Độ, lại nhờ ơn Đức A Di Đà thiết tha mời gọi, hiện nay tin tưởng, thuận theo ý nguyện của hai Ngài, không quan tâm đến hai dòng sông nước, lửa, tâm tâm niệm niệm hướng về Tây Phương, nương theo con đường nguyện lực của Phật, sau khi mệnh chung, vãng sinh Cực Lạc, được diện kiến Đức A Di Đà, vui mừng không tả xiết.

Lại nữa, tất cả hành giả, trong lúc đi đứng nằm ngồi, ba nghiệp tu tập, bất luận ngày đêm sáng tối, thường phải nên hiểu như vậy, nghĩ như vậy, cho nên gọi là "hồi hướng phát nguyện tâm".

Lại nữa, hồi hướng còn có nghĩa là sau khi vãng sinh Cực Lạc, khởi tâm đại bi, quay trở lại cõi sinh tử, giáo hóa chúng sinh, đây cũng gọi là hồi hướng.

Ba tâm đầy đủ, không hạnh nào không thành tựu, nguyện hạnh đã thành tựu, không thể nào không vãng sinh Cực Lạc. Lại nữa, phải nên biết rằng tâm này bao hàm tất cả ý nghĩa của hai hạnh định thiện và tán thiện.

(v) - Giản biệt căn cơ, có thể hoặc không thể vãng sanh.

Lại có ba hạng hữu tình được sanh về Cực Lạc.

(vi) - Nêu lên sự thọ trì giáo pháp không đồng.

Một là hạng có lòng xót thương, không giết hại, giữ tròn các giới hạnh. Hai là hạng đọc tụng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ba là hạng tu hành lục niệm.

Có ba phân:

1. **Có lòng thương xót, không giết hại:** Nghiệp sát có nhiều loại, hoặc giết bằng miệng, hoặc giết bằng thân, hoặc giết bằng ý. Giết bằng miệng, nghĩa là bảo người giết, hoặc cho phép người khác giết. Giết bằng thân, nghĩa là dùng tay, chân, v.v.. mà giết, hoặc chỉ dẫn ra lệnh cho người khác giết. Giết bằng ý, nghĩa là mưu tính phương tiện để giết. Nếu luận về nghiệp sát, không phải chỉ riêng cho bốn loại chúng sanh, đều có thể chiêu cảm nghiệp báo, chướng ngại việc vãng sanh Tịnh độ. Nếu như, đối với tất cả sanh mạng, khởi một niệm từ tâm, tức là đã bố thí sự thọ mạng an lạc cho tất cả chúng sanh, đây cũng tức là giới hạnh tối thắng vi diệu. Điều này hợp với câu: “Có lòng thương xót, không sát hại” ở phần trên. Cũng tức là làm hai điều thiện: chỉ và hành. Tự mình không sát sanh, gọi là chỉ thiện; dạy người khác không sát sanh, gọi là hành thiện. Mình và người bắt đầu không sát sanh, gọi là chỉ thiện; rốt ráo đoạn trừ được nghiệp sát, gọi là hành thiện.

Giữ tròn các giới hạnh: Nếu căn cứ vào người, trời, cùng quả vị thanh văn, v.v... thì gọi là tiểu giới; nếu căn cứ vào những bậc đại tâm, đại hạnh thì gọi là Bồ tát giới. Đây tức là phước thứ hai “giữ trọn các giới”.

2. **Đọc tụng kinh điển Phương đẳng Đại thừa:** Ở đây nêu rõ chúng sanh cá tánh, tập khí không đồng, tu pháp cũng khác biệt. Hạng người thứ nhất, chỉ dùng tâm từ và sự trì giới làm việc tu hành, hạng người thứ hai chỉ dùng sự đọc tụng kinh điển Đại thừa làm công phu tu hành. Thế nhưng, giới là nền tảng cho Năm thừa và là cơ bản cho sự chứng đắc Ba thân, còn pháp (kinh điển) là sự huân tập trí tuệ cho vạn hạnh của các bậc Bồ tát Tam hiền, Thập thánh. Nếu so sánh đức và dụng, thì mỗi bên đều có công năng riêng, thế nhưng hợp lại thì thành phước thứ ba “đọc tụng kinh điển Phương đẳng Đại thừa”.

3. **Tu hành lục niệm:** Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả (thí) và niệm thiên. Đây cũng là sự tổ hợp của ba phước trên theo ý nghĩa Đại thừa. Niệm Phật, tức là chuyên niệm công đức thân, miệng ý của đức Phật A Di Đà, cùng tất cả chư Phật. Lại nhất tâm chuyên niệm Pháp mà chư Phật đã chứng đắc, cùng nhất tâm chuyên niệm chư Bồ tát tăng quyến thuộc của các ngài. Lại niệm giới pháp của chư Phật, lại niệm các công hạnh bố thí của chư Phật quá khứ và của chư Bồ tát hiện tại, khó làm mà làm được, khó thí xả mà thí xả được, hoặc xả tài sản, hoặc xả thân mạng, hoặc xả cả thân mạng cùng tài sản. Những Bồ tát này, chỉ tưởng nghĩ đến pháp, không tiếc thân mạng, không tiếc tài sản. Các hành giả quán niệm những việc như thế, nên noi gương các bậc thánh hiền quá khứ hiện tại mà thực hành hạnh thí xả tất cả. Niệm thiên, tức là các vị Bồ tát thập địa tối hậu thân. Các ngài, những việc khó làm đã làm xong, đã trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp tu hành, đã thành tựu lục độ vạn hạnh, đã chứng đắc địa vị Quán đảnh. Hành giả sau khi quán niệm như thế, liền nghĩ tưởng rằng: “Thân ta từ vô thủy đến giờ, đã từng cùng các ngài phát thệ

nguyện đoạn ác tu Bồ tát đạo, các ngài đã hoàn toàn không tiếc thân mạng, tu hành thẳng tiến, nhân viên quả mãn, chứng đắc thánh vị, đã trải qua kiếp số nhiều hơn cát bụi; còn những phàm phu chúng ta, thì cho đến ngày hôm nay, vẫn còn trôi lăn một cách vô ý nghĩa trong vòng sanh tử, phiền não ác chướng, càng lúc càng tăng, phước tuệ mỏng manh, sánh với các ngài chẳng khác nào bóng tối u tối so với ánh sáng mặt trời. Nghĩ đến việc này, tâm thức bỗng rung bâng hoàng đau xót!

(vii) - Hồi hướng nghiệp tu, cầu sanh An Dưỡng.

Hồi hướng phát nguyện sanh về An Dưỡng.

(viii) - Tu hành thời gian ngắn ngủi

Nếu đủ các công đức như thế, từ một ngày cho đến bảy ngày, liền được vãng sanh.

Thời gian tu hành ngắn ngủi, tối đa là một đời, nhẫn đến tối thiểu là một ngày, một thời, một niệm, v.v..., hoặc từ một niệm nhẫn mười niệm, nhẫn đến một ngày, một đời. Ý muốn nói là sau khi phát tâm, thệ nguyện trong một đời này, không bị thoái chuyển, chỉ nhất tâm cầu vãng sanh Tịnh độ.

Lại nói: “đủ các công đức”, hoặc một người đầy đủ hai phước trên, hoặc đầy đủ hai phước dưới, hoặc đầy đủ cả ba phước. Hoặc nếu có người không có một phước nào cả, thì bị gọi là súc sanh đội lột da người, gọi là tội nhân thiên cổ.

Vả lại, dù là đủ ba phước hay không, nếu đem công đức hồi hướng, tất cả đều được vãng sanh.

(ix) - Lúc lâm chung, thánh chúng đến nghinh tiếp không đồng, thời gian vãng sanh nhanh chậm.

Do kẻ ấy tinh tấn dũng mãnh, nên lúc vãng sanh Phật A Di Đà cùng hai Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số Hóa Phật, trăm ngàn Thanh văn tỳ kheo đại chúng, vô lượng chư thiên và cung điện thất bảo đều hiện đến. Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát bưng đài kim cang, cùng Đại Thế Chí Bồ Tát tới trước hành giả. Phật A Di Đà phóng đại quang minh chiếu đến thân người vãng sanh, rồi cùng chư Bồ Tát đồng đưa tay tiếp dẫn. Hai vị Đại thánh Quan Thế Âm, Đại Thế Chí lại cùng vô số Bồ Tát đồng thanh khen ngợi, khuyến tấn. Hành giả mục kích cảnh ấy rồi, sanh tâm vui mừng khắp khởi, tự thấy mình ngồi trên đài kim cang, theo sau Phật và Thánh Chúng, trong khoảng khảy ngón tay, sanh về Cực Lạc.



Có mười một phần:

1. Nêu rõ cõi Phật vãng sanh.
2. Nêu lên công hạnh, chỉ rõ vị hành giả tinh tiến, so sánh công đức nhiều ít.
3. Đức giáo chủ cõi Cực Lạc, Phật A Di Đà tự thân đến nghinh tiếp.
4. Từ Quán Âm trở xuống, nêu rõ vô số đại chúng, đều tháp tùng đức A Di Đà đến đón hành giả.
5. Cung điện báu cũng tháp tùng
6. Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đều bung kim đài, đến trước hành giả.
7. Phật A Di Đà phóng quang, soi chiếu thân hành giả.
8. Sau khi đức Phật phóng quang, liền cùng các vị hóa Phật đưa tay tiếp dẫn
9. Sau khi tiếp lên đài sen, đức Quán Thế Âm, v.v... liền mở lời tán tụng hành giả.
10. Hành giả tự thấy mình bay theo Phật.
11. Nêu lên thời gian mau chậm.

(x) - Sau khi đài kim cang đến Cực Lạc, hoa không khép lại.

Khi đã sanh về cõi kia.



(xi)- Kim cang đài đến Cực Lạc, được sự lợi ích không đồng.

Lại thấy kim thân của Phật đầy đủ các tướng, chư Bồ Tát sắc tướng cũng cụ túc trang nghiêm; các ánh sáng và rừng báu đều diễn thuyết pháp mầu. Hành giả nghe xong, liền ngộ vô sanh pháp nhẫn, trong giây phút thừa sự chư Phật khắp mười phương, được thọ ký trước chư Phật, rồi trở về bản quốc, chứng vô lượng trăm ngàn môn Đà La Ni.

Có ba phần:

1. Vừa nghe diệu pháp, liền chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn.
2. Trong khoảnh sát na, đi khắp mười phương quốc độ, rộng làm Phật sự, và được chư Phật thọ ký.
3. Chứng đắc Văn Trì Đà La Ni.

(xii) - Tổng kết

Đây gọi là thượng phẩm thượng sanh.

b. Thượng phẩm trung sanh.

(i) - Nêu tên phẩm vị.

Thượng phẩm trung sanh là thế nào?

(ii) - Hồi hướng nghiệp tu, ắt được vãng sanh.

Có chúng sanh tuy không thọ trì kinh Phương Đẳng, nhưng khéo hiểu nghĩa thú, đối với đệ nhất nghĩa tâm không kinh động, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng pháp đại thừa. Nếu hành giả đem công đức này niệm Phật hồi hướng cầu sanh Cực Lạc

Có bốn phần:

1. Thọ pháp không nhất định, hoặc đọc kinh, hoặc không đọc kinh.
2. Khéo lý giải nghĩa Không của Đại thừa, hoặc nghe giảng “tất cả các pháp là Không, sinh tử Niết bàn cũng là Không, phàm thánh sáng tối cũng là Không, lục đạo thế gian, tam Hiền, thập Thánh xuất thế gian, trên phương diện thể tánh, rốt ráo không có sự khác biệt (bất nhị)”. Tuy nghe những lời như thế, an nhiên chấp nhận, tâm không hề sanh khởi một niệm nghi ngờ, sợ hãi.
3. Tin sâu nhân quả khổ lạc của thế gian và xuất thế gian. Đối với đạo lý nhân quả không hề sanh tâm nghi ngờ, hủy báng. Nếu nghi ngờ hủy báng, không thể thành phước hành, thế gian quả báo còn không có, hà huống việc vãng sanh Tịnh độ. Điều này hợp hai phước câu thứ hai và câu thứ ba.
4. Hồi hướng những hành nghiệp đã tu tập, cầu sanh Cực Lạc.

(iii) - Đức A Di Đà và thánh chúng bung đài sen đến nghinh đón.

Thì khi lâm chung Tây Phương tam thánh cùng vô lượng đại chúng quyền thuộc bung đài tử kim, hiện đến trước mặt khen rằng: "Pháp tử! Ngươi tu Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa, nên nay ta đến tiếp nghinh".

Có năm phần:

1. Hành giả sắp mạng chung.
2. Đức A Di Đà và chư Thánh chúng hiện đến.
3. Thị giả bung đài sen đến trước hành giả.
4. Phật và Thánh chúng đồng thanh tán thán, ngợi khen hạnh nghiệp của hành giả.
5. Phật e hành giả hoài nghi, cho nên thốt lên: “Ta đến tiếp dẫn ngươi”.

(iv) - Chúng Thánh đưa tay tiếp dẫn, thời gian vãng sanh nhanh chậm.

Liên đó đức Vô Lượng Thọ Thế Tôn cùng với một ngàn Hóa Phật đồng thời đưa tay xuống tiếp dẫn. Bấy giờ hành giả tự thấy mình ngồi trên đài tử kim, chấp tay khen ngợi chư Phật, rồi trong khoảng một niệm liền sanh về nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc.



Có năm phần:

1. Đức A Di Đà và ngàn hóa Phật, đồng thời đưa tay nghinh đón.
2. Hành giả được tiếp dẫn, liền thấy tự thân ngồi trên hoa sen vàng tía.
3. Sau khi ngồi trên đài sen, chấp tay tán thán đức A Di Đà và chư Thánh chúng.
4. Thời gian vãng sanh nhanh chậm.
5. Đến Cực Lạc, sanh vào trong ao hoa sen bảy báu.

(v) - Thời gian hoa nở không đồng.

Đài tử kim ấy như hoa báu lớn, trải một đêm liền nở. Bảy giờ hành giả thân sắc tử kim, dưới chơn lại có hoa sen thất bảo.

Đây là do sự hành trì dũng mãnh chiêu cảm, bậc Thượng Thượng được đài kim cang, còn bậc Thượng Trung, do sự hành trì kém hơn, chỉ được đài vàng tía, sanh trong ao báu, qua đêm hoa mới nở.

(vi) - Sau khi hoa nở, được lợi ích không đồng.

Được Phật và Bồ Tát đồng thời phóng quang soi đến mình, mắt liền mở sáng. Do túc tập trước kia, lúc đó tự nghe các âm thanh khắp nơi đều nói thuận là pháp đệ nhất nghĩa đế rất thâm mầu. Nghe xong, liền bước xuống kim đài lễ Phật và chấp tay khen ngợi đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày, liền được không thối chuyển nơi quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Có năm phần:

1. Ánh sáng Phật chiếu đến thân hành giả.
2. Sau khi được ánh sáng chiếu thân, hành giả mở mắt.
3. Khi ấy, tự nghe lại những pháp âm đã từng tu tập ở nhân gian.
4. Sau khi mở mắt, nghe pháp, liền bước xuống đài sen, đến bên cạnh Phật, xung dương tán thán công đức của ngài.
5. Trải qua bảy ngày, chứng được quả vị Bất thoái chuyển.

Nói bảy ngày, có lẽ là bảy ngày ở thế gian, chứ không phải bảy ngày của cõi Cực Lạc. Bảy ngày thế gian, chỉ là một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi ở Cực Lạc.

(vii) - Nêu lên sự được lợi ích ở phương khác.

Có thể tự tại bay đi khắp mười phương thừa sự chư Phật, tu các môn tam muội. Như thế qua một tiểu kiếp, chứng được vô sanh nhẫn và mong chư Phật thọ ký.

Có năm phần:

1. Đi khắp mười phương.
2. Đến mỗi quốc độ cúng dường chư Phật.
3. Tu tập nhiều loại tam muội.
4. Qua một tiểu kiếp, chứng được Vô sanh pháp nhẫn.
5. Được tất cả chư Phật thọ ký.

(viii) - Tổng kết.

Đây là cảnh thượng phẩm trung sanh.

c - Thượng phẩm hạ sanh.

(i) - Nêu tên phẩm vị.

Thượng phẩm hạ sanh là thế nào?

(ii) - Nêu rõ, trong sáu môn, thọ pháp không đồng.

Có chúng sanh tuy cũng tin nhân quả, không báng đại thừa, nhưng chỉ phát tâm cầu đạo vô thượng.

Có ba phần:

1. Sự tin nhân quả chưa được nhất định, hoặc tin, hoặc không tin, cho nên nói: “cũng”; hoặc có thể “tin sâu” giống như phần trên. Hơn nữa, do

không tin sâu nhân quả, nên thường thoái thiện tâm, thường hành ác pháp. Đây là do không tin sâu nhân quả khổ lạc gây nên. Nếu tin chắc sanh tử là khô, thì rớt ráo sẽ không phạm tội nặng; nếu tin sâu Cực Lạc là sự vui Niết bàn, thì khi thiện tâm đột phát, vĩnh viễn sẽ không còn thoái chuyển.

2. Lòng tin tuy gián đoạn, nhưng đối với pháp Đại thừa không được hủy báng. Nếu như phỉ báng Đại thừa, dù cho ngàn Phật bên cạnh, cũng không thể nào cứu được.

3. Các thiện pháp nêu trên, dường như không có công dụng, chỉ cần phát một niệm nhằm chán sanh tử, cầu sanh cảnh giới chư Phật, mau chóng thành tựu hạnh nguyện Bồ đề đại bi, trở lại sanh tử phổ độ chúng sanh, cho nên gọi là phát Bồ đề tâm.

(iii) - Hồi hướng chánh hạnh, cầu nguyện vãng sanh.

Rồi đem công đức ấy niệm Phật nguyện về Cực Lạc.

(iv) - Lâm chung thánh chúng tiếp nghinh, thời gian vãng sanh mau chệm.



Hành giả ấy khi lâm chung được Phật A Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng chư Bồ Tát cầm hoa sen vàng, hóa hiện năm trăm vị Phật đến nghinh tiếp. Lúc đó năm trăm Hóa Phật đồng thời đưa tay xuống và khen rằng: "Pháp tử! Người nay thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, nên ta đến rước người". Khi hành giả mục kích cảnh ấy rồi, liền thấy mình ngồi

nơi hoa sen vàng, ngồi xong cánh hoa khép lại, theo sau đức Thế Tôn sanh về ao thất bảo.

Có chín phần:

1. Sắp mạng chung.
2. Đức Phật A Di Đà và chư thánh chúng, bưng sen vàng đến tiếp dẫn.
3. Các vị hóa Phật đồng thời đưa tay tiếp dẫn.
4. Các vị thánh chúng đồng thanh tán thán hành giả.
5. Hành giả tội chướng tiêu diệt, nên gọi là “thanh tịnh”, thuật lại công hạnh đã tu, nên gọi là “phát vô thượng đạo tâm”.
6. Hành giả tuy nhìn thấy cảnh tượng như thế, nhưng vẫn còn nghi chưa được vãng sanh, cho nên các vị thánh chúng đều lên tiếng bảo rằng: “nay ta đến rước ngươi”.
7. Sau khi nghe như vậy, hành giả tự thấy mình ngồi trên sen vàng, cánh sen khép lại.
8. Theo sau chư Phật, trong một niệm về đến Cực Lạc.
9. Sanh vào ao báu nơi cõi Cực Lạc.

(v) - Đến đó hoa nở, thời gian không đồng.

Như thế trải qua một ngày đêm, hoa sen nở ra.

(vi) - Sau khi hoa nở, được lợi ích không đồng.

Bảy hôm sau mới được thấy Phật. Nhưng tuy thấy Phật, đối với các tướng hảo tâm còn chưa rõ ràng, đợi qua hai mươi một ngày, mới nhận được minh bạch. Bấy giờ người vãng sanh nghe các âm thanh đều diễn pháp mầu,

(vii) - Được sự lợi ích tại các cõi Phật khác.

Bay dạo mười phương cúng dường chư Phật, và được nghe pháp thậm thâm trước các đức Thế Tôn. Trải qua ba tiểu kiếp như thế, được bách pháp minh môn, trụ sơ hoan hỷ địa.

(ix) - Tổng kết.

Đây là cảnh thượng phẩm hạ sanh. Trên đây là môn tướng thượng bồi vãng sanh, thuộc về phép quán thứ mười bốn.

Có lời khen rằng:

Thượng bồi nguyên là bậc lợi căn

Cầu sanh cõi tịnh tuyệt tham sân
Công tu sai khác thành ba phẩm
Ngôi vị đồng chung bậc thượng nhân
Một đến bảy ngày chuyên tịnh niệm
Tăng cùng tục khách thoát phù trần
Mừng duyên phước gặp môn màu nhiệm
Sớm chứng chơn thượng diệu pháp thân!

B - TRUNG PHẨM VÃNG SANH

a - Trung phẩm thượng sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Trung phẩm thượng sanh là thế nào?

Đây là những phàm phu căn tánh Tiểu thừa.

(ii) - Thọ pháp không đồng.

Nếu chúng sanh thọ trì ngũ giới, giữ bát quan trai, hoặc tu các giới khác, không tạo tội ngũ nghịch và các điều lỗi lầm.

Có bốn phần:

1. Giải biệt căn cơ.
2. Thọ trì trai giới Tiểu thừa.
3. Giới Tiểu thừa công năng yếu ớt, không thể tiêu trừ tội ngũ nghịch.
4. Tuy trì giới Tiểu thừa, không được vi phạm. Giả như có tạo lỗi lầm, phải thường sám hối, làm cho thanh tịnh. Tu trì giới pháp, hoặc trọn đời, hoặc một năm, hoặc một tháng, hoặc một ngày, một đêm, một thời, v.v... thời gian không nhất định, tợ trung, đều phải trọn đời không được vi phạm.

(iv) - Hồi hướng nghiệp tu, cầu nguyện vãng sanh.

Rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

(v) - Lúc lâm chung, sự tiếp dẫn không đồng, thời gian nhanh chậm.

Chúng sanh đó khi lâm chung, được Phật A Di Đà cùng các Tỳ khưu quyến thuộc vi nhiễu, phóng kim quang soi đến mình, diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, cùng khen ngợi hạnh xuất gia thoát khổ. Mục kích cảnh ấy, hành giả sanh tâm vui mừng, tự thấy mình ngồi trên đài

sen, vội quì gối chấp tay cúi xuống lễ Phật. Lúc chưa ngược mặt lên, đã sanh về thế giới Cực Lạc.



Có sáu phần:

1. Sắp mạng chung.
2. Đức A Di Đà và chúng tỳ kheo đến, không có Bồ tát, do vì căn tính Tiểu thừa, nên chiêu cảm thánh chúng Tiểu thừa.
3. Phật phóng ánh sáng vàng, chiếu thân hành giả.
4. Phật vì hành giả thuyết pháp, lại tán thán hạnh xuất gia, xa lìa những cảnh khổ: những cảnh phàm tục, gia nghiệp, vua quan, chinh chiến sa trường, phòng vệ biên cương, v.v.. Nay ông xuất gia, so với bốn hạng (sĩ, nông, công, thương), thân nhiên tự tại, đến đi không bị chướng ngại, vì thế mà tu hành được đạo nghiệp, cho nên khen rằng: “thoát khổ”.
5. Hành giả nghe xong, hoan hỷ vui mừng, liền tự thấy mình ngồi trên đài sen, cúi đầu lễ Phật.
6. Hành giả cúi đầu tại Ta bà, ngưỡng lên đã thấy mình tại Cực Lạc.

(vi) - Sau khi hoa nở, được sự lợi ích không đồng.

Sau khi vãng sanh, vừa lúc hoa sen nở ra, hành giả nghe các âm thanh khen ngợi pháp tứ đế, liền chứng quả A La Hán, đầy đủ tam minh, lục thông và bát giải thoát.

Có ba phần:

1. Hoa báu nở ra, là do giới hạnh của hành giả tinh tiến, dũng mãnh.
2. Pháp âm đều tán thán công đức của Tứ đế.
3. Nghe xong liền chứng quả A la hán.

La hán, gọi là Vô sanh. Không còn nhân, nên gọi là vô sanh, không còn quả, nên gọi là vô trước (không chấp trước). Tam minh, tức là túc mạng minh, thiên nhãn minh, và lậu tận minh. Bát giải thoát, tức là nội hữu sắc, ngoại quán sắc, đây là giải thoát thứ nhất, nội vô sắc, ngoại quán sắc, đây là giải thoát thứ hai, bất tịnh tướng là giải thoát thứ ba, cộng thêm tứ không định và diệt tận định, thành tám (bát) giải thoát.

(viii) - Tổng kết.

Đây là cảnh trung phẩm thượng sanh.

b - Trung phẩm trung sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Trung phẩm trung sanh là thế nào?

Đây là các phạm phu Tiêu thừa tu thiện bậc hạ.

(ii) - Thọ pháp không đồng.

Nếu chúng sanh giữ nghiêm chỉnh giới bát quan trai hoặc giới Sa Di hay giới Cu Túc trong một ngày đêm, các oai nghi đều toàn vẹn.

Có ba phần:

1. Thọ trì Bát quan trai giới
2. Thọ trì Sa di giới
3. Thọ trì Cụ túc giới (tỳ kheo, tỳ kheo ni).

Ba phẩm giới này, chỉ cần thọ trì trong một ngày một đêm, giữ gìn nghiêm chỉnh, xem sự phạm tội nhẹ giống như phạm tội nặng, uy nghi thân miệng ý đều không vi phạm.

(iii) - Hồi hướng nghiệp tu, cầu nguyện vãng sanh.

Đem công đức huân tu giới hương đó hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

(iv) - Lúc sắp mạng chung, chư Thánh đến đón, thời gian mau chập.



Khi lâm chung, hành giả này thấy Phật A Di Đà cùng quyến thuộc cầm hoa sen thất bảo phóng kim quang hiện đến trước mặt mình. Bảy giờ đương nhơn nghe giữa hư không có tiếng khen rằng: "Lành thay thiện nhơn! Người đã biết thuận theo lời dạy của chư Phật ba đời mà tu tập, nên nay ta đến rước người". Khi đó hành giả thấy mình ngồi nơi hoa sen, cánh hoa khép lại, liền được sanh về bảo trì ở cõi Cực Lạc.

Có tám phần:

1. Sắp mạng chung.
2. Đức A Di Đà và chúng tỳ kheo đến.
3. Phật phóng ánh sáng vàng, chiếu thân hành giả.
4. Tỳ kheo bung đài sen hiện đến.
5. Hành giả nghe lời tán thán từ hư không.
6. Đức Phật khen rằng: "Ông tin sâu lời Phật, tùy thuận không nghi, nay ta đến đón".
7. Nghe xong, hành giả thấy mình ngồi lên đài sen, hoa sen khép lại.
8. Liền được sanh vào ao báu ở cõi Cực Lạc.

(v) - Thời gian hoa sen nở không đồng.

Qua bảy ngày hoa sen nở ra.

(vi) - Sau khi hoa nở, được lợi ích không đồng.

Hành giả chấp tay khen ngợi Phật, được nghe pháp diệu, sanh tâm hoan hỷ, liền chứng quả Tu Đà Hoàn, và nửa kiếp sau mới chứng quả A La Hán.

Có bốn phần:

1. Hoa nở thấy Phật.
2. Chấp tay tán thán đức Phật.
3. Nghe pháp liền chứng sơ quả.
4. Sau nửa tiểu kiếp, chứng quả A la hán.

(vii) - Tổng kết.

Đây là cảnh trung phẩm trung sanh.

c - Trung phẩm hạ sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Trung phẩm hạ sanh là thế nào?

(ii) - Thọ pháp không đồng.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ theo thế gian.

Có bốn phần:

1. Giản biệt căn cơ.
2. Hiếu dưỡng cha mẹ, cung phụng lục thân.
3. Hành giả này tánh tình mềm mỏng, không phân biệt thân sơ, thấy ai hoạn nạn, liền khởi lòng từ.
4. Hành giả ở phẩm vị này, chưa từng thấy nghe Phật pháp, cũng không có lòng mong cầu vãng sanh, chỉ biết thực hành hạnh hiếu dưỡng.

(iii) - Lúc lâm chung, gặp Phật pháp.

Khi lâm chung gặp thiện tri thức giảng cho nghe về sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng.



(iv) - Được lợi ích vãng sanh, thời gian mau chặm.

Kẻ ấy nghe xong liền qua đời, thần thức liền được sanh ngay về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lẹ như khoảng co duỗi cánh tay của người tráng sĩ.

(v) - Đến cõi Cực Lạc, hoa nở không đồng

Qua bảy ngày sau.

(vi) - Sau khi hoa nở, được lợi ích không đồng.

Hành giả được gặp Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp nhiệm mầu, sanh tâm vui đẹp, được quả Tu Đà Hoàn, sau một tiểu kiếp mới chứng quả A La Hán.

Có ba phần:

1. Sau một thời gian, hoa nở, được thấy đức Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.
2. Được nghe diệu pháp.
3. Trải qua một tiểu kiếp, chứng quả A la hán.

(vii) - Tổng kết.

Đây là cảnh trung phẩm hạ sanh. Môn tướng này gọi là trung bối vãng sanh, thuộc về phép quán thứ mười lăm.

Có lời khen rằng:

Trung bồi căn lành thuộc bậc trung
Giữ tròn nghi giới một ngày đêm
Phước lành hiếu thuận tâm hằng nguyện
Nhân đẹp từ bi hạnh giúp thêm
Ánh ngọc bảo trì về đến cảnh
Sen vàng kim các bước lên thềm
Bảy ngày hoa nở, lòng cùng nở
Lòng nở bùng trong tiếng pháp âm.

C - HẠ PHẨM HẠ SANH.

a - Hạ phẩm thượng sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Hạ phẩm thượng sanh là thế nào?

Đây là những phàm phu tạo mười ác bậc nhẹ.

(ii) - Hành tướng của người vãng sanh.

Hoặc có chúng sanh ngu tối, tuy không phỉ báng kinh điển Phương Đẳng, nhưng tạo nhiều nghiệp ác không biết hổ thẹn.

Có năm phần:

1. Nêu chung những người tạo ác.
2. Làm các việc ác.
3. Tuy tạo ác nghiệp, nhưng không sanh tâm hủy báng Đại thừa.
4. Kẻ tạo ác không phải là hạng người trí tuệ.
5. Những kẻ tạo ác này, không hề sanh lòng hổ thẹn.

(iii) - Kẻ tạo ác lúc lâm chung, gặp thiện tri thức giảng pháp.

Kẻ ấy khi lâm chung gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của mười hai loại kinh Đại thừa, liền được trừ diệt nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp. Bậc tri thức lại bảo phải chấp tay niệm "Nam Mô A Di Đà Phật"; do đương nhơn thành tâm xưng danh hiệu Phật, nên tiêu trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử.

Có sáu phần:

1. Sắp mạng chung.

2. Gặp được thiện tri thức Tịnh độ.
3. Thiện tri thức tán thán kinh điển Đại thừa
4. Nhờ công đức nghe kinh, trừ diệt tội trong ngàn kiếp.
5. Thiện tri thức lại dạy xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà
6. Do công đức xưng danh hiệu, trừ diệt tội trong năm trăm vạn kiếp.



Hỏi: Vì sao nghe mười hai bộ kinh, chỉ trừ diệt được ngàn kiếp tội, còn xưng danh hiệu Phật một lần, lại trừ diệt năm trăm vạn kiếp tội?

Đáp: Người tạo tội, nghiệp chướng sâu nặng, tuy thiện tri thức nói nhiều kinh, tâm người nghe phù động tán loạn, do tâm tán loạn, nên sự trừ diệt tội chướng không mạn. Còn như niệm danh hiệu Phật một lần, tức có thể nhiếp tâm chuyên chú, lại được thiện tri thức dạy chánh niệm xưng danh, do tâm chuyên nhất, nên có thể trừ diệt được nhiều kiếp tội.

(iv) - Lúc lâm chung, hóa chúng đến đón, thời gian mau chậm.

Ngay lúc ấy đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quán Âm và Hóa Thế Chí hiện đến trước hành giả khen rằng: "Lành thay thiện nơn! Người đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ngươi". Bấy giờ hành giả thấy ánh sáng của Hóa Phật đầy khắp nhà mình, trong lòng vui mừng, liền xả thọ, ngồi trên hoa sen báu theo Hóa Phật sanh về ao thất bảo.

Có sáu phần:

1. Lúc hành giả xưng niệm danh hiệu, đức A Di Đà sai hóa Phật hóa Bồ tát, hiện đến tiếp dẫn.
2. Hóa thánh chúng hiện tiền, đồng thanh tán thán hành giả.
3. Các hóa thánh chúng chỉ tán thán “ngươi đã xưng danh hiệu, ta đến để rước ngươi”, không hề đề cập đến việc nghe kinh. Nếu ngưỡng vọng bốn ý của Phật, là chỉ khuyên hành giả chánh niệm xưng danh, sẽ được mau vãng sanh, không đồng với những nghiệp thiện tạp nhạp. Như trong kinh này và nhiều bộ kinh khác, khắp nơi đều tán thán, khuyến tấn hành giả xưng danh hiệu Phật, là điều thiết yếu lợi ích.
4. Sau khi được hóa thánh chúng khuyến cáo, hành giả thấy quang minh chiếu khắp nhà.
5. Sau đó, hành giả mạng chung
6. Ngồi đài sen theo sau Phật, sanh vào ao báu.

(v) - Đến Cực Lạc, hoa nở mau chậm.

Sau khi vãng sanh trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở.

(vi) - Sau khi hoa nở, lợi ích không đồng.

Vừa lúc hoa nở, Đại Bi Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí phóng ánh sáng lớn, đến trước người ấy, giảng thuyết cho nghe nghĩa lý thâm diệu của mười hai loại kinh. Đương nhơn nghe rồi tin hiểu, phát tâm vô thượng bồ đề, trải qua mười hai tiểu kiếp, thành tựu bách pháp minh môn, được vào Sơ địa.

Có năm phần:

1. Các ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, trước tiên phóng ánh sáng.
2. Các ngài đến bên cạnh đài hoa của hành giả.
3. Giảng thuyết các pháp hành giả đã nghe ở đời trước.
4. Hành giả nghe xong, tin hiểu bèn phát tâm Vô thượng Bồ đề.
5. Trải qua nhiều kiếp, chứng quả Sơ địa.

(vii) - Tổng kết.

Đây là cảnh hạ phẩm thượng sanh.

b - Hạ phẩm trung sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Hạ phẩm trung sanh là thế nào?

Đây là những phàm phu phá giới bậc trung.

(ii) - Giản biệt căn cơ tạo nghiệp.

Hoặc có chúng sanh ngu tối hủy phạm ngũ giới, bát giới, giới cụ túc, trộm của tăng kỳ và vật hiện tiền tăng, bất tịnh thuyết pháp, lòng không hổ thẹn, dùng các nghiệp ác để tự trang nghiêm. Kẻ tạo tội chướng như thế, tất phải bị đọa vào địa ngục.

Có bảy phần:

1. Nêu chung những chúng sanh tạo nghiệp ác.
2. Hủy phạm nhiều cấm giới.
3. Trộm của tăng kỳ (thường trụ tăng).
4. Tà mạng thuyết pháp.
5. Hoàn toàn không biết hổ thẹn.
6. Lại còn tạo các tội khác, bên trong, nội tâm khởi ác, bên ngoài, thân miệng làm ác, tự thân hoàn toàn không biết tu thiện. Mọi người trông thấy đều chán ghét, cho nên nói: “dùng các nghiệp ác để tự trang nghiêm”.
7. Quán xét việc ác đã tạo, ắt phải đọa địa ngục.

(iii) - Lúc mạng chung, thiện ác đến đón.



Nên lúc lâm chung các tướng lửa của địa ngục đồng thời hiện ra. Nhưng người này may mắn được gặp thiện tri thức giảng nói cho nghe về oai đức thập lực, sức thần thông quang minh của Phật A Di Đà, cùng những pháp: giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đương nhơn nghe xong sanh lòng tín trọng nên trừ diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát thổi các hoa trời, trên hoa có Hóa Phật và Hóa Bồ Tát hiện thân tiếp dẫn, trong khoảng một niệm liền được sanh về hoa sen nơi ao thất bảo.

Có chín phần:

1. Tội nhân sắp sửa mạng chung.
2. Lửa địa ngục hiện tiền.
3. Đang lúc lửa hiện, gặp thiện tri thức.
4. Thiện tri thức giảng thuyết công đức của Phật A Di Đà.
5. Tội nhân nghe được danh hiệu A Di Đà, liền trừ diệt tội nhiều kiếp.
6. Sau khi tội diệt, lửa biến thành gió mát.
7. Hoa trời theo gió bay đến, phơi phới trước mắt.
8. Hóa thánh chúng đến nghinh tiếp.
9. Thời gian vãng sanh lâu mau.

(iv) - Hoa nở mau chậ.

Sau khi vãng sanh, trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở.

(v) - Sau khi hoa nở, lợi ích không đồng.

Vừa lúc hoa nở, Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hiện đến, dùng tiếng phạm âm an ủi và vì giảng thuyết pháp thâm thâm của đại thừa. Hành giả nghe xong, liền phát đạo tâm vô thượng.

Có ba phần:

1. Sau khi hoa nở, các đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v... dùng lời an ủi.
2. Các ngài thuyết pháp thâm sâu vi diệu.
3. Hành giả tin hiểu, phát tâm Vô thượng.

(vi) - Tổng kết.

Đây là cảnh hạ phẩm trung sanh.

c - Hạ phẩm hạ sanh.

(i) - Biện định phẩm vị.

Hạ phẩm hạ sanh là thế nào?

Đây là những phàm phu tạo những tội nặng ngũ nghịch.

(ii) - Giản biệt căn cơ tạo ác nặng nhẹ.

Hoặc có chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thập ác, làm đủ các việc chẳng lành; kẻ ngu ấy do nghiệp ác đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng.

Có bảy phần:

1. Chúng sanh tạo ác.
2. Nêu tổng quát tên các tội ác.
3. Giản biệt tội nặng nhẹ.
4. Những tội ác này, không phải là nghiệp của người trí.
5. Tạo ác đã nhiều, tội cũng không nhẹ.
6. Không có nghiệp thì không thọ báo, không nhân thì không thọ quả, nghiệp nhân không phải là lạc, quả báo lẽ nào không khổ?
7. Nhân ác đã tạo đầy đủ, thì thời gian trả quả cũng không cùng tận.

Hỏi: Trong phần Bốn mươi tám nguyện nói: “Duy trừ tạo tội ngũ nghịch, phi báng chánh pháp là không được vãng sanh. Hiện nay trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, phần Hạ phẩm hạ sanh, chỉ loại bỏ báng pháp, nhưng thu nhiếp người tạo tội ngũ nghịch. Đây là ý gì?

Đáp: Ý nghĩa này phải dựa vào “ức chỉ môn” để giải thích. Như trong phần Bốn mươi tám nguyện nói “duy trừ tạo ngũ nghịch, phi báng chánh pháp”, là vì hai nghiệp này, tội chướng rất sâu nặng, chúng sanh nếu tạo, ắt sẽ bị đọa thẳng vào địa ngục A tỳ, trải qua thời kiếp lâu xa, khó mà ra khỏi. Chỉ vì đức Như Lai sợ chúng sanh tạo hai nghiệp này, cho nên phương tiện nói lời ngăn trở, bảo rằng không được vãng sanh, chứ không phải là không thu nhiếp họ. Lại nữa, trong phần Hạ phẩm hạ sanh, nhiếp kẻ ngũ nghịch, gạt kẻ báng pháp, bởi vì đối với kẻ đã tạo ngũ nghịch, không thể bỏ mặc, để cho họ trôi lăn trong sanh tử, cho nên khởi lòng đại bi, nhiếp thủ để cho họ vãng sanh. Còn đối với những người chưa tạo tội báng pháp, thì ngăn trở họ, nói rằng: “nếu báng chánh pháp thì không được vãng sanh”, đây là đối với những người chưa tạo tội báng pháp mà giải thích. Còn đối với những người đã tạo nghiệp báng pháp, vẫn nhiếp thủ họ vãng sanh. Tuy được vãng sanh, phải ở trong hoa sen nhiều kiếp. Những

người tạo hai tội này, lúc ở trong hoa sen, có ba điều chướng ngại: (a) không được thấy Phật và chư vị thánh chúng; (b) không được nghe chánh pháp; (c) không được du hành thập phương cúng dường chư Phật. Trừ những điều này ra, không còn sự khổ nào khác. Kinh nói: “Giống như tỳ kheo được sự vui của cõi Tam thiên”. Nên biết như thế. Tuy ở trong hoa sen nhiều kiếp, còn hơn bị đọa A tỳ địa ngục, chịu sự thống khổ triền miên.

(iii) - Nghe pháp, niệm Phật, liền được lợi ích.

Nhưng khi lâm chung, người này nhờ gặp thiện tri thức dùng nhiều cách an ủi, nói phép mầu cho nghe, lại dạy bảo tưởng niệm Phật. Đương nhơn tuy nghe lời dạy, song vì sự khổ bức bách, không yên rảnh để quán tưởng đức Vô Lượng Thọ Như Lai. Thấy thế, thiện hữu lại bảo: "Nếu ông không thể tưởng đức Phật kia, thì nên chí thành xưng "Nam Mô A Di Đà Phật" tiếng tằm liên tiếp không dứt cho đủ mười niệm". Hành giả vâng lời. Và do nhờ xưng danh hiệu Phật nên mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, người ấy thấy hoa sen vàng rực rỡ như vàng nhật hiện ra trước mặt. Trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.



Có mười phần:

1. Đây là người tạo ác.
2. Sắp sửa mạng chung.

3. Khi lâm chung, gặp thiện tri thức.
4. Thiện tri thức an ủi, chỉ dạy niệm (quán tưởng) Phật.
5. Tội nhân bị sự khổ chết chóc bức bách, không kịp niệm (quán tưởng) Phật.
6. Thiện tri thức biết thế, bèn dạy xưng danh “Nam mô A Di Đà Phật”.
7. Niệm số nhiều ít, âm thanh không gián đoạn.
8. Trừ diệt tội nhiều kiếp.
9. Lâm chung chánh niệm, sen vàng đến đón.
10. Vãng sanh mau chậm, thẳng đến cõi Cực Lạc.

(iv) - Hoa nở mau chậm.

Như thế mãi mười hai Đại kiếp hoa sen mới nở.

(v) - Sau khi hoa nở, lợi ích không đồng.

Khi hoa nở, hai vị đại sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng đại bi vì hành giả nói rộng về thật tướng của các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Đương như nghe rồi thân tâm vui đẹp, liền phát lòng vô thượng bồ đề.

Có ba phần:

1. Hai Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí giảng nói pháp môn thâm diệu.
2. Tội chướng trừ diệt, hành giả cảm thấy hoan hỷ.
3. Phát tâm Vô thượng.

(vi) - Tổng kết.

Đây là cảnh hạ phẩm hạ sanh. Môn tướng trên gọi là hạ bối vãng sanh, thuộc về pháp quán thứ mười sáu.

Có lời khen rằng:

Hạ bối căn non, kém hiểu biết
 Ngũ nghịch, thập ác, gây nhiều nghiệp
 Phá giới, phạm trai, trộm của Tăng
 Không tin Đại thừa, báng Chánh pháp
 Lâm chung tướng khổ hội như mây
 Ứng đoạ A tỳ vô lượng kiếp
 Thiện hữu khuyên xưng niệm Phật danh

Di Đà hóa hiện tay vàng tiếp
Mười niệm khuynh tâm đến bảo trì
Luân hồi từ ấy thoát trường kỳ
Mười hai đại kiếp hoa sen nở
Đại nguyện theo cùng tiếng Đại bi.

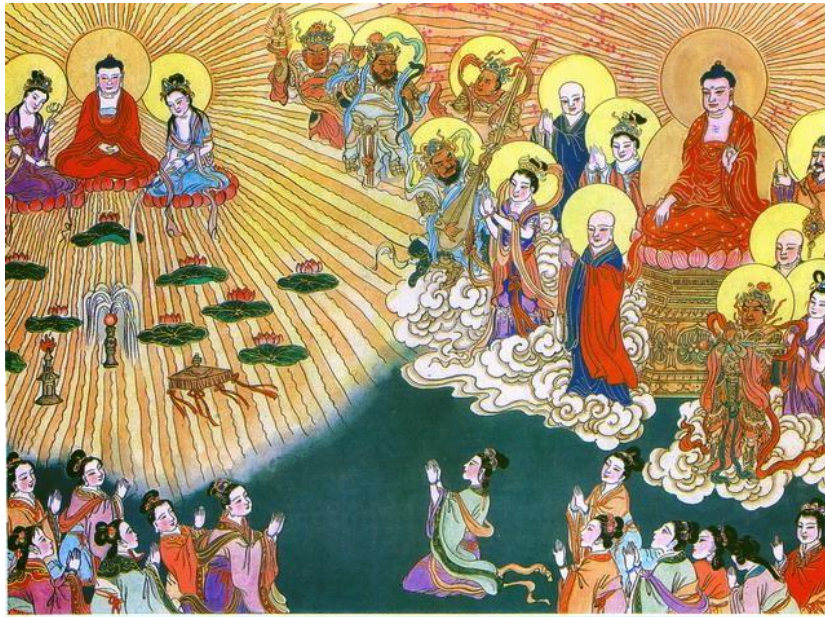
Phần trên giảng mười ba pháp quán, là phần định thiện, đây là do bà Vi Đề Hy khai thỉnh, đức Như Lai đã đáp xong. Phần dưới nêu rõ ba phước, chín phẩm vãng sanh, là phần tán thiện, do đức Như Lai tự tuyên thuyết. Tuy có hai môn Định thiện, Tán thiện khác biệt, tựu trung đã giải thích xong phần Chánh tông.

---o0o---

II - LỢI ÍCH

1 - Phu nhân thấy cảnh tượng cõi Cực Lạc.

Khi đức Thế Tôn nói lời ấy rồi, Vi Đề Hy phu nhân cùng năm trăm thị nữ liền thấy tướng rộng dài của thế giới Cực Lạc.



---o0o---

2 - Phu nhân, ở pháp quán thứ bảy, thấy đức Phật Vô Lượng Thọ, đã đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Sắc thân của Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát. Tất cả đều sanh lòng vui mừng, khen là việc chưa từng có. Phu nơn hoá nhiên đại ngộ, chứng vô sanh pháp nhẫn.

---o0o---

3 - Các thị nữ thấy cảnh giới Cực Lạc thù thắng bèn phát Vô thượng đạo tâm, cầu sanh Cực Lạc.

Năm trăm thị nữ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nguyện sanh về Cực Lạc.



---o0o---

4 - Các thị nữ được Phật thọ ký, đều được vãng sanh, chứng đắc Hiện tiền tam muội.

Đức Thế Tôn thọ ký cho tất cả đều được vãng sanh và sau khi sanh về Tịnh độ đều chứng Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội.

---o0o---

5 - Đại chúng phát tâm

Vô lượng chư thiên phát tâm vô thượng bồ đề.

Các vị trời Phạm vương, Đế Thích, hộ thế tháp tùng đức Phật đến Vương cung nghe pháp, hoặc thấy viên quang đức Thích Ca hiện các cõi Phật, hoặc thấy thân tướng rực rỡ của đức A Di Đà, hoặc nghe Phật giảng về chín phẩm vãng sanh, hoặc nghe Phật giảng pháp môn Định thiện, Tấn thiện, hoặc nghe

người lành kẻ ác đều được vãng sanh, hoặc nghe Tây phương Tịnh độ trước mắt không xa, hoặc nghe một đời chuyên chí hành trì sẽ được vĩnh viễn thoát ly Ta bà khổ não. Các vị trời này, đã được nghe đức Thế Tôn giảng nói những việc hy hữu thù thắng lợi ích như vậy, mỗi vị đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đây là vì đức Phật là bậc Thánh tối cao, mỗi lời nói của ngài đều là định lý, những phạm phu ngu muội, thấy nghe tin hiểu đều được ân triêm lợi ích.

---o0o---

III - LƯU THÔNG

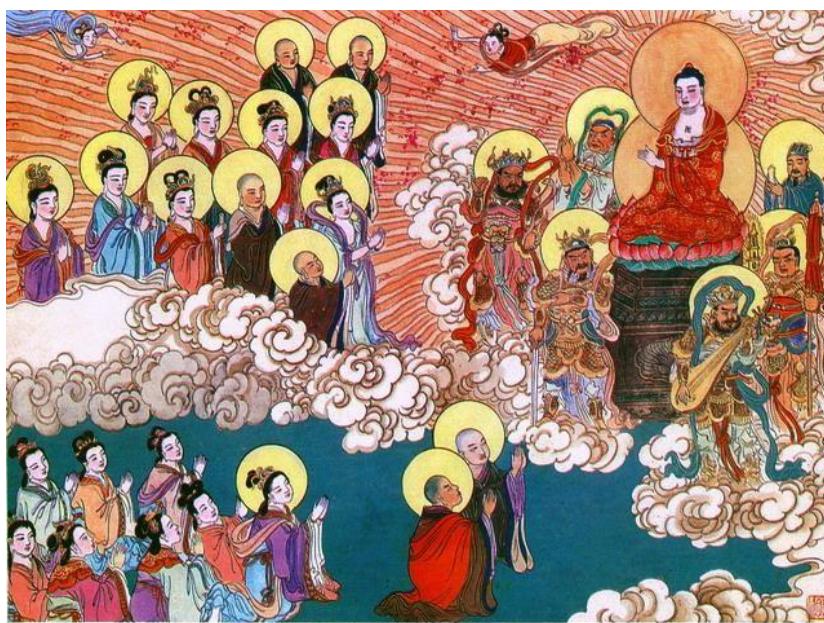
1 - Khải thỉnh lưu thông

Khi ấy Tôn giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật và thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Kinh này tên gọi là chi? Chúng con phải thọ trì pháp yếu này như thế nào?

---o0o---

2 - Đức Như Lai nêu lên y báo, chánh báo để lập đề kinh

Đức Phật bảo: "Kinh này tên Quán Cự Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát", cũng gọi là "Tịnh Trù Nghiệp Chương, Sanh Chư Phật Tiên".



Nếu y vào kinh mà tu hành thì tội chướng sẽ trừ diệt.

---o0o---

3 - Dặn dò cách thọ trì

Ông nên như thế mà thọ trì, chớ để quên mất.

---o0o---

4 - So sánh để hiển bày sự thù thắng, khuyên hành giả phụng hành.

Người tu môn tam muội này, hiện đời sẽ được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị đại sĩ. Nếu thiện nam thiện nữ nào chỉ nghe danh hiệu của đức Phật và hai vị đại sĩ kia, còn trừ được tội trong vô lượng kiếp sanh tử, hướng chi là tướng niệm!

Có bốn phần:

1. Nêu tổng quát phần Định thiện để đặt tên cho tam muội.
2. Y vào pháp quán tu hành, sẽ thấy được ba thân Phật.
3. Nhắc lại căn cơ có thể tu tập.
4. So sánh để hiển bày sự thù thắng, chỉ cần nghe tên ba thân mà còn trừ diệt được nhiều kiếp tội khiên, hướng hồ là chánh niệm quy y, mà không được chứng đắc.

---o0o---

5 - Hiển thị công đức niệm Phật

Như có người nào niệm Phật, nên biết kẻ ấy chính là hoa phân đà lợi trong loài người. Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí sẽ là thắng hữu của người ấy. Kẻ ấy sẽ ngồi nơi đạo tràng, sanh vào nhà chư Phật.

Hiển bày công năng siêu tuyệt của sự niệm Phật, không phải những phước thiện tạp nhạp có thể so sánh được. Có năm phần:

1. Chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà.
2. Chỉ tán thán người niệm Phật.
3. Nếu người nào có thể niệm Phật tương tục, người đó rất là hiếm có, không ai có thể sánh được, cho nên dùng hoa Phân đà lợi để ví dụ.

Phân đà lợi, là hoa quý, là hoa hy hữu, là hoa bậc thượng thượng, là hoa diệu hảo trong cõi người.

Người niệm Phật, tức là người quý, người diệu hảo, người bậc thượng thượng, người hiếm có, người tối thắng trong loài người.

4. Người chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì các ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v... sẽ theo sát bên cạnh, như bóng theo hình, cũng giống như thân hữu tri thức.

5. Đời này đã được sự lợi ích như vậy, sau khi bỏ thân này, sanh vào nhà chư Phật, nghĩa là sanh về Tịnh độ của chư Phật. Đến đó nghe pháp dài lâu, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật. Nhân quả tròn đầy, sẽ ngồi đạo trường thành Phật.

---o0o---

6 - Phó chúc Danh hiệu Di Đà, lưu thông lâu xa về sau

Này A Nan! Ông nên ghi nhớ lời này, thọ trì lời này chính là thọ trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ”.

Trên đây, tuy nói hai môn Định thiện, Tấn thiện, nhưng Bốn Nguyên của đức Bốn Sư, là muốn chúng sanh NHẤT TÂM CHUYỀN NIỆM DANH HIỆU A DI ĐÀ PHẬT.

---o0o---

7 - Nghe pháp hoan hỷ



Khi Phật nói lời ấy xong, hai tôn giả Mục Kiền Liên, A Nan, Vi Đề Hy Phu nhân cùng quyến thuộc, thấy đều hoan hỷ.

Người cầu thỉnh, kẻ lưu truyền, đều được nghe pháp chưa từng nghe, thấy những việc chưa từng thấy, như uống Cam lộ, trong lòng vui mừng khôn xiết.

---o0o---

IV - KỶ XÀ QUẬT

1 - Tự phân

Bảy giờ đức Thế Tôn bước trên hư không, trở lại núi Kỳ Xà Quật.

---o0o---

2 - Chánh tông phân



Khi về đến nơi, Tôn giả A Nan lại vì đại chúng trùng tuyên việc ấy.

---o0o---

3 - Lưu thông phân

Vô lượng Chư thiên, long, dạ xoa nghe lời của Phật nói, đều rất vui mừng, đánh lễ đức Thế Tôn rồi lui bước trở về.

---o0o---

LỜI BẠT

Thiết nghĩ, Chơn tông khó gặp, Tịnh độ khó tin. Vì muốn chúng sanh năm nẻo đều được vãng sanh, cho nên mới khuyên tán người nghe nơi hậu đại. Thế nhưng, thần lực của đức Như Lai, biến hóa khôn lường, tùy căn cơ chúng sanh mà ẩn hiển. Việc giáo hóa bí mật nơi Vương cung, các bậc tiểu trí ở núi Kỳ Xà khởi tâm nghi hoặc. Sau khi đức Phật trở về Linh Thứu, bèn bảo ngài A Nan thuật lại những điều đã giảng ở Vương cung. Đại chúng nhân đây đều được thấy nghe, không ai mà không y giáo phụng hành.

Kính bạch tất cả thiện tri thức hữu duyên: Tôi là một phàm phu sanh tử, trí huệ hạn hẹp. Đối với những lời Phật dạy thâm sâu, tôi nào dám đưa ra những lời giải đáp cá nhân sai lạc. Do đó tôi đã khởi tâm lập nguyện, thỉnh cầu sự linh nghiệm, sau đó mới dám phát tâm làm số giải này.

Nam mô quy mạng tận hư không khắp pháp giới tất cả Tam bảo, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư Bồ tát Thanh tịnh đại chúng cõi Cực Lạc, cùng tất cả cảnh tượng trang nghiêm, v.v...

Con nay dự định soạn phần Yếu Nghĩa của Quán Vô Lượng Thọ Kinh, khái định cổ kim. Nếu như xứng với Bốn Nguyện Đại Bi của chư Phật ba đời, Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, nguyện con được thấy tất cả cảnh tượng đã nguyện cầu.

Sau khi kết nguyện trước tượng Phật, ngày hôm sau tôi tụng kinh A Di Đà ba biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba vạn biến, chí tâm phát nguyện.

Ngay đêm hôm đó, tôi thấy trong hư không phương tây, những cảnh tượng như được mô tả trong kinh hiện ra rõ ràng trước mắt. Những núi báu đủ màu, trùng trùng điệp điệp. Vô số quang minh chiếu xuống mặt đất, đất biến thành màu vàng kim. Trong ánh quang minh, chư Phật Bồ tát hiện thân, hoặc ngồi hoặc đứng, hoặc nói năng hoặc im lặng, hoặc di chuyển thân hình, hoặc đứng yên không động.

Sau khi thấy cảnh tượng ấy, tôi bèn chấp tay đứng yên quán tưởng, một lúc lâu sau mới ngưng. Tôi cảm thấy vô cùng hân hoan, bèn bắt tay vào việc soạn số giải.

Từ hôm đó, mỗi đêm trong mộng, thường thấy có một vị tăng đến, chỉ dẫn cho tôi soạn phần Huyền Nghĩa. Sau khi hoàn tất thì không thấy ngài hiện đến nữa.

Sau khi biên soạn hoàn tất quyển số giải, tôi lại chí thành phát tâm, lập định thời hạn bảy ngày, mỗi ngày tụng kinh A Di Đà mười biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba vạn biến. Đầu đêm cuối đêm đều thành tâm quy mạng quán tưởng cảnh tượng trang nghiêm của cõi Cực Lạc.

Đêm đầu tiên, tôi thấy ba bánh xe đang tự chuyển động bên vệ đường, bỗng nhiên có một người cười lạc đà trắng đến trước mặt tôi khuyến tấn: “Thầy hãy nỗ lực, nhất định sẽ được vãng sanh, đừng nên thoái thất, cõi này trước uế khổ đau, không có gì phải luyến tiếc”. Tôi bèn trả lời: “Rất hân hạnh được hiền giả khuyên nhắc, tôi thề trọn một đời, quyết sẽ không bao giờ sanh một niệm giải đãi”., v.v...

Đêm thứ hai, thấy đức Phật A Di Đà, thân chân kim sắc, ngồi trên đài sen vàng, dưới gốc cây bảy báu. Có mười vị tăng ngồi vòng quanh ngài. Trên cây

báu có vô số thiên y treo quanh phát phối. Tôi ngồi quay mặt hướng tây, chấp tay quán sát.

Đêm thứ ba, thấy hai bảo tràng, cao lớn sáng rực, treo phan ngũ sắc. Đường xá ngang dọc, bát ngát bao la. Sau khi thấy được những cảnh tượng như vậy, tôi bèn đình chỉ, không tiếp tục việc tụng niệm nữa.

Tôi thuật lại những điều linh ứng vừa kể, là vì muốn lợi lạc chúng sanh, chứ không phải vì chính mình. Thấy được những cảnh tượng như vậy, không dám dấu diếm, mà rất cẩn trọng trình bày cho người đời sau, để họ được nghe biết. Nguyên cho những người thấy nghe, sanh lòng tin tưởng, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Nguyên đem công đức này, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đều phát tâm Bồ đề, khởi lòng thương yêu lẫn nhau, nhìn nhau bằng cặp mắt từ bi, nguyện cùng nhau làm quyến thuộc Bồ đề, làm thiện tri thức chân thực, đều vãng sanh Cực Lạc, đều thành Phật đạo.

Ý nghĩa trong quyển sơ giải này, tôi đã cung thỉnh chư Phật chứng minh xác định, một câu một chữ, không thể thêm bớt. Nếu muốn ghi chép lại, xin phải y theo quy tắc chép kinh.

---o0o---

HẾT

¹ Có sự hiểu lầm trong truyền ký xả thân vãng sinh của ngài Thiện Đạo. Đương thời sự tích về “xả thân vãng sinh (từ trên cây lao xuống mà thị tịch)” của ngài Thiện Đạo được truyền bá rất nhiều, do đó những truyền ký khác nhau về ngài cũng có truyền thuyết về sự xả thân vãng sinh. Nhưng đây là sự đọc lầm phần văn phía trước của Tục Cao Tăng Truyện. Điều này này là do Tịnh Độ Vãng Sinh Truyện của Giới Châu, và Tân Tu Vãng Sinh Truyện của Vương Cô, v.v..., là những người đời Tống, truyền bá sai lầm làm rằng ngài Thiện Đạo xả thân vãng sinh. Tuy điều này không chính xác, nhưng nó cũng phản ảnh phong trào chí thiết vãng sinh vào đời Đường. Hơn nữa, hai tên Thiện Đạo (善導, đạo: chỉ đạo, hướng đạo), và Thiện Đạo (善道, đạo: con đường), Tân Tu Vãng Sinh Truyện cho là hai nhân vật khác nhau, nhưng thật ra chỉ là một, điều này cũng do sự truyền bá sai lạc. (Người dịch TPC)

² Hai loại chân như: tức là thể và lượng

³ Câu chữ Hán: *Bất nghi trụ thử* (Không nên ở lại đây).

⁴ Hán: *Ngôn bất cập điển, quân tử sở tầm*.

⁵ Hán: *Gia hữu suy họa, phi thân bất cứu*.

⁶ Hán: *Hào khắp hướng Phật* (Hướng về Đức Phật, khóc lóc, kêu gào)

⁷ Hán: *Gia hữu suy họa, phi thân bất cứu*

⁸ *Phan duyên*: thâm tâm rong ruổi theo trần cảnh trong và ngoài.

⁹ Ba thân: tức là Pháp thân, Báo thân và Ứng thân.

¹⁰ Chữ “Như ý” có hai nghĩa: (i) Như chúng sanh ý: tùy tâm niệm chúng sanh mà hiện đến hóa độ; (ii) Như Phật A Di Đà ý: ngũ nhãn chiếu khắp, lục thông tự tại, quán sát căn cơ có thể độ, trong khoảnh một niệm, không trước không sau, thân tâm đều đến, chuyển pháp ba thừa, làm cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích.